

Số: **3086**/BC-SKHĐT

Thái Nguyên, ngày **08** tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh, các bộ, ngành Trung ương, các chuyên gia về việc hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 5/7/2022, Hội đồng thẩm định họp thẩm định quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh đã có Báo cáo thẩm định số 4654/BC-HĐTĐ ngày 11/7/2022 về Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh để tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên.

Đến nay, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tiếp thu, giải trình và hoàn thiện.

(Có Phụ lục số I, II III gửi kèm theo)

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và kính đề nghị Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT, ĐKKD.

Chữ ký

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Phương Hoa

PHỤ LỤC I
TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

**Ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 4654/BC-HĐTĐ ngày 11/7/2022
về Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	PHẦN THỨ I: MỞ ĐẦU	
	III. CÁC CĂN CỨ CHÍNH LẬP QUY HOẠCH	
1	Bổ sung: Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Đề nghị tách theo từng loại nhóm văn bản, trong mỗi nhóm văn bản sắp xếp theo trình tự thời gian ban hành. - Các văn bản quy phạm pháp luật: Luật; Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của các Bộ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung.
	PHẦN THỨ II: QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	
	MỤC 1: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN	

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
2	Đánh giá lại tiềm năng, trữ lượng và lợi thế cũng như những vấn đề đặt ra trong khai thác tài nguyên khoáng sản như: Vonfram, quặng sắt, kẽm, ...	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 6.3. Hiện trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên (khoáng sản).
3	Đánh giá lại tiềm năng, lợi thế, những đặc điểm khác biệt của Hồ Núi Cốc kết hợp với những đặc trưng văn hóa hiện có, khác biệt, đặc sắc để tạo nên tiềm năng thu hút, phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên.	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại tiểu mục 3.4.6. Khu du lịch của mục 3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng.
	MỤC 2: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN	
4	Bổ sung đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2011 - 2020 làm cơ sở để xác định phương án quy hoạch như: Quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển thương mại dịch vụ, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, ...	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 6. Các phương án quy hoạch và phát triển trên tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030.
	IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
	4.2. Hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện	
5	Thực trạng phát triển mạng lưới điện: Báo cáo đã mô tả và sơ bộ đánh giá về hệ thống mạng lưới điện của tỉnh năm 2020 (Xem xét, bổ sung: Nhà máy thủy điện Hồ Núi Cốc vào Bảng 2.2.34 - trang 140 để phù hợp với tiêu đề trích dẫn của Bảng và phần thuyết minh; Tiêu đề của Bảng 2.2.35 là Thống kê mang tải đường dây 220KV nhưng trong nội dung của Bảng lại có đường dây 500KV; ...).	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.2. Hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện.
	MỤC 5. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
6	Cần phân tích kỹ hơn về tình hình biến động của thế giới.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục II. Bối cảnh quy hoạch.
7	Phân tích, làm rõ hơn tính khả thi của việc lựa chọn và thực hiện quy hoạch theo ba kịch bản	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục IV. Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển.
8	Mục tiêu tổng quát: Bổ sung nội dung bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Cụ thể là “môi trường trong lành, sinh thái cân bằng”.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.1. Mục tiêu tổng quát.
9	Nghiên cứu xác định quan điểm phát triển đô thị đa trung tâm hay đô thị nén làm cơ sở xác định các tuyến kết nối đô thị trung tâm với đô thị vệ tinh.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.1.2. Luận chứng các kịch bản tăng trưởng: Dân số, lao động, đô thị hóa và phát triển đô thị.
10	Theo số liệu trong các chỉ tiêu phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, phân tích nguyên nhân dẫn đến: (1) Giảm tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên dân số từ 97,2% giai đoạn năm 2016 - 2020 xuống còn 95% vào năm 2025; (ii) Giảm tỷ lệ che phủ rừng ổn định giai đoạn 2016 - 2020 từ 47,6% xuống còn 46% vào năm 2025.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục V. Hệ thống các chỉ tiêu phát triển tỉnh theo các phương án lựa chọn.
11	Cơ cấu nội dung và phương hướng phát triển các ngành quan trọng và lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội cần cụ thể và chi tiết hơn.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 6. Các phương án quy hoạch và phát triển tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030.
12	Bổ sung các nội dung có liên quan đến Thái Nguyên trong Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh ở vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục II. Bối cảnh quy hoạch.
	MỤC 6. CÁC PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030	
	I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN	

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TRỌNG VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI	
13	Báo cáo đã cập nhật các công trình, dự án, các vùng bảo tồn xác định trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, một số quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt, để phù hợp với khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch, đề nghị: (i) Sắp xếp thành Bảng riêng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh ở các quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt; (ii) Đưa ra kiến nghị về các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh không có trong quy hoạch ngành quốc gia đã được phê duyệt và những dự án, công trình, các vùng bảo tồn trên địa bàn tỉnh thuộc các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng chưa được phê duyệt.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục kiến nghị danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của các phương án quy hoạch.
	1.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh	
14	Bổ sung định hướng lựa chọn ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh và phương án phát triển ưu tiên.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.5.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp.
15	Bổ sung định hướng lựa chọn một số ngành, lĩnh vực văn hóa trọng điểm của tỉnh, để có phương án phát triển mang tính ưu tiên thì nên xét theo từng giai đoạn.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.6. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.
16	(i) Báo cáo đã khẳng định “Gỗ và sản phẩm từ gỗ là sản phẩm lâm nghiệp nằm trong danh mục sản phẩm chủ lực quốc gia (đồng thời là sản phẩm chủ lực cấp tỉnh)”. Tỉnh Thái Nguyên với diện tích đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất rất lớn (đất rừng sản xuất chiếm khoảng 28% diện tích tự nhiên của tỉnh), phần lớn diện tích rừng sản xuất là đồi núi thấp, lượng gỗ khai thác hằng năm rất lớn. Đề nghị bổ sung định hướng phát triển trong lĩnh vực lâm nghiệp về nguồn nguyên liệu gỗ dồi dào nhằm phục vụ định hướng	(i) Tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, xác định sản phẩm gỗ là sản phẩm chủ lực của tỉnh. Định hướng phát triển sản phẩm đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, gắn trồng rừng gỗ lớn với chương trình bảo vệ và

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phát triển, liên kết với các tỉnh trong vùng để thu hút nhà đầu tư trong ngành công nghiệp chế biến gỗ; (ii) Rà soát, xây dựng phương án phát triển ngành theo hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp phù hợp với thực tiễn và “Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021; trong đó, chú trọng việc định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả cao.	phát triển rừng, phát triển công nghiệp gỗ và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. Trồng rừng gỗ lớn tập trung vào các địa phương có diện tích rừng sản xuất lớn, theo hướng trồng cây gỗ lớn, chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn. Tại Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tập trung nâng cao chất lượng rừng và hiệu quả kinh tế rừng theo chức năng của từng loại rừng, trong đó tập trung việc nâng cao năng suất, chất lượng để nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh. Hình thành các khu vực trồng cây đặc sản, cây dược liệu theo hướng hữu cơ. Thực hiện chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chế biến lâm sản nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm gỗ; giảm cơ sở chế biến quy mô nhỏ, thủ công; giảm tỷ lệ sản phẩm chế biến thô, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu gỗ nhỏ. Thực hiện liên kết sản phẩm chế biến gỗ theo chuỗi giá trị, thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tạo các vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh. (ii) Cơ quan lập Quy hoạch đã rà soát theo “Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		25/02/2021, trong báo cáo đã có tại điểm “c. Lĩnh vực lâm nghiệp tiểu mục 1.1.2.2. Định hướng phát triển của mục 1.1.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản”.
	1.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa xã hội	
	<i>1.2.2. Phương hướng phát triển ngành giáo dục và đào tạo</i>	
17	Như đánh giá, chất lượng lao động còn thấp, nguồn cung lao động chưa đáp ứng, khó khăn trong thu hút nhân lực chất lượng cao. Để đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch, tỉnh Thái Nguyên với lợi thế là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn của cả nước, đề nghị bổ sung: (i) Dự báo nguồn nhân lực cần đào tạo; (ii) Xây dựng phương hướng, giải pháp trong đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng liên kết để phát triển các chương trình, phương pháp, hình thức đào tạo mới; (iii) Nhu cầu và định hướng xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ công tác đào tạo từ cấp phổ thông đến đào tạo nghề; (iv) Xem xét, đề xuất xây dựng Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực để đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, xây dựng các giải pháp phát triển nguồn nhân lực.	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Do nhu cầu đào tạo, hình thức đào tạo, dự báo đào tạo là các kế hoạch năm và thuộc phạm vi của đề án nên không đưa vào quy hoạch tỉnh.
18	Nghiên cứu việc đầu tư xây dựng hạ tầng cho phát triển khoa học công nghệ (trong đó bao gồm: Bố trí nguồn đất, kinh phí, dự án khoa học công nghệ ưu tiên, ...), đồng thời lựa chọn được một số công nghệ mũi nhọn, ưu tiên đầu tư cho tỉnh (đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số), kèm theo các giải pháp ứng dụng các công nghệ đó trong sản xuất, quản lý phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.4. Phương án phát triển khoa học công nghệ.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG	
	2.2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị	
19	Phương án phát triển đô thị và nông thôn: (i) Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 10/4/2022. Sau khi thành lập thành phố Phổ Yên, diện tích tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên không thay đổi, số đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên sẽ tăng thêm 01 thành phố và giảm 01 thị xã, tăng 9 phường và giảm 9 xã. Đề nghị rà soát lại, chỉnh sửa cho phù hợp (Trong Báo cáo còn rất nhiều chỗ ghi là huyện hoặc thị xã Phổ Yên như tại trang: 25, 36, 190, 210, 218, 222, 223, 272, 477, 643, 682, 694, 695, 697, 699, 719, 720, ...); (ii) Xem xét lại khoảng cách giữa 2 tuyến vành đai 1 và vành đai 2 khá xa và không phải vành đai đô thị; (iii) Xem xét lại, phân tích về một số chỉ tiêu (Tỷ lệ đô thị hóa %, đất xây dựng đô thị m²/người, đất xây dựng điểm dân cư nông thôn m²/người, diện tích đất công nghiệp, ...) của hồ sơ quy hoạch khác với các chỉ tiêu phê duyệt trong Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.	(i) Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa nội dung này. (ii) Cơ quan lập Quy hoạch trả lời như sau: Tuyến vành đai 1 và vành đai 2 cơ bản được cập nhật theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 1107/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trên cơ sở đó, các địa phương thực hiện công tác quản lý hành lang an toàn giao thông, trật tự xây dựng và triển khai lập các quy hoạch dọc theo các tuyến trên, do vậy kiến nghị giữ nguyên quy hoạch tuyến vành đai 1 và vành đai 2 theo đề xuất
	2.4. Phương án quy hoạch và phát triển các khu chức năng	
	2.4.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp	
20	Phương án phát triển khu công nghiệp, đề nghị bổ sung: Mục tiêu, định hướng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.5.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	hệ thống khu công nghiệp trong kỳ quy hoạch (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế).	
21	Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong thời gian tới Thái Nguyên được xác định trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng, do đó, đề nghị cụ thể hóa nội dung phát triển công nghiệp hiện đại của tỉnh trong báo cáo quy hoạch ví dụ như công nghiệp bán dẫn, công nghiệp chế tạo, gia công kim loại, cơ khí, công nghiệp nhẹ, sản xuất kim loại, khai thác chế biến khoáng sản là những sản phẩm có thế mạnh. Trên cơ sở đó, đề nghị Tỉnh bổ sung các nội dung về chính sách hạ tầng khu công nghiệp phù hợp phục vụ công nghiệp, xây dựng kịch bản phát triển cho từng thời kỳ.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.5.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp.
	2.4.3. Phương án quy hoạch phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn	
22	Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn trên địa bàn Tỉnh: (i) Bổ sung các chương trình, chính sách ưu tiên phát triển, nâng cao đời sống nhân dân vùng nông thôn, về nhà ở nông thôn và miền núi; (ii) Đề nghị lập danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh, cần xác định rõ các chỉ tiêu quy hoạch cụ thể, kế hoạch và giải pháp thực hiện	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.5.3. Phương án quy hoạch phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.
	III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
	3.1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông	

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
23	Phương án phát triển mạng lưới giao thông đề nghị: (i) Xem xét, rà soát lại việc định hướng nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên và tuyến Kép - Lưu Xá đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/11/2021; (ii) Tăng cường, bổ sung một số tuyến đường tỉnh kết nối thành phố Thái Nguyên với huyện Định Hóa, Võ Nhai; (iii) Bổ sung xây dựng các cảng cạn; (iv) Đối với Danh mục dự án đề xuất trong quy hoạch - Đề nghị sắp xếp các dự án riêng theo từng mục: Dự án cải tạo, nâng cấp; Dự án xây dựng mới; phân kỳ đầu tư và sắp xếp dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện; (v) Nên nghiên cứu về hệ thống đường sắt đô thị, đặc biệt khi Tỉnh xác định mục tiêu đến năm 2050 là thành phố trực thuộc Trung ương.	Cơ quan lập Quy hoạch trả lời như sau: (i) Sau khi rà soát, quy hoạch các tuyến đường sắt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1769/QĐ-TTg ngày 19/11/2021, tại mục 3.1.3.2. Đường sắt. (ii) Tuyến kế nối thành phố Thái Nguyên với huyện Định hóa, Võ Nhai đã bổ sung tại mục III. Phương án phát triển mạng lưới giao thông. (iii) Cảng cạn: Vấn đề cảng cạn đã được đề cập trong Quy hoạch tỉnh tại mục “Công trình hạ tầng giao thông khác”, trong đó định hướng xây dựng 01 cảng cạn tại thành phố Sông Công, Phổ Yên với quy mô dự kiến khoảng 10ha. (iv) Danh mục các dự án sắp xếp trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên đã sắp xếp theo thứ tự ưu tiên triển khai, không phân biệt dự án làm mới, hay nâng cấp cải tạo (đặc biệt ưu tiên các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư) do vậy sắp xếp như vậy là phù hợp, để làm rõ hơn tính chất làm mới hay nâng cấp, cải tạo, phần ghi chú đã thể hiện bổ sung đầy đủ. Do vậy, kiến nghị giữ nguyên thứ tự sắp xếp theo đề xuất. (v) Các đô thị của tỉnh Thái Nguyên nằm trên địa hình trung du miền núi, với đặc thù địa hình có nhiều thay đổi về cao độ, diện tích nhỏ hẹp, nguồn lực hạn chế, để đảm bảo tính khả thi của quy hoạch, trong định hướng phát triển giao thông xác định giao thông đường bộ là chủ yếu, việc phát triển giao thông đường sắt khó khăn, do

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vậy trong thời kỳ quy hoạch kiến nghị chưa nghiên cứu đến hệ thống giao thông đường sắt đô thị của địa phương.
	3.4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi	
24	Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi: Báo cáo đã định hướng số lượng các công trình cấp nước cho sản xuất nông nghiệp cần cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch. Đề đảm bảo nhu cầu cần cung cấp nước, phân kỳ đầu tư và xem xét, cân đối nguồn lực đầu tư, đề nghị Báo cáo xây dựng danh mục cụ thể các dự án (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm), vị trí xây dựng các dự án cần xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 3.4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi.
	IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI	
25	Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội: (i) Xem xét, đề xuất các dự án đầu tư cụ thể trong thời kỳ quy hoạch, vị trí đầu tư, kinh phí đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư; (ii) Xem xét, bổ sung đề xuất các công trình cần đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới như: Bảo tàng, không gian trưng bày giới thiệu về di sản văn hóa, sản phẩm, ... ; Các công trình cần đầu tư tu bổ, tôn tạo, trùng tu di tích lịch sử, văn hóa, di tích tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh; Các dự án xây dựng trụ sở cơ quan quản lý nhà nước trong thời kỳ quy hoạch; Phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục kiến nghị danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của mục IV. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
	4.7. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở du lịch	
26	Đề nghị cần làm rõ hơn các chỉ tiêu phát triển du lịch cũng như các đóng góp của du lịch vào tổng thu nhập toàn tỉnh. Ví dụ như chỉ tiêu tổng số khách, làm rõ việc hoàn thiện từng chỉ tiêu	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.7. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở du lịch.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	theo Luật Du lịch năm 2017 để Hồ Núi Cốc trở thành khu du lịch quốc gia năm 2025 theo đúng Quyết định số 2228/QĐ-TTg ngày 18/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Hồ Núi Cốc, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	
	4.8. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ	
27	Về phát triển hạ tầng thương mại, để bảo đảm tính đồng bộ với phát triển công nghiệp thì Tỉnh cần tập trung ưu tiên tổ chức không gian phát triển logistics.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 4.7. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ.
	VI. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
28	Đề nghị rà soát lại các chỉ tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch (chẳng hạn chỉ tiêu: Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh) đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ cho địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Phụ lục 11 ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025).	Cơ lập quy hoạch đã rà soát các chỉ tiêu thời kỳ quy hoạch, đảm bảo phù hợp quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025
29	Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 thực hiện trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 5.4.1. Xác định các loại đất cần thu hồi, các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng và đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
30	Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 5.4.2. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch.
31	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 5.3. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện.
32	Đất ở nông thôn, đất đô thị: làm rõ phương án đô thị hóa chuyển từ đất ở nông thôn sang đô thị.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu làm rõ hơn ở trong báo cáo chuyên đề đất đai.
33	Cần làm rõ phương án chuyển đổi diện tích đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang đất không phải là rừng.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu làm rõ hơn ở trong báo cáo chuyên đề đất đai.
	VII. CÁC PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
	7.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	
34	Rà soát, bổ sung 5 khu bảo vệ cảnh quan và đa dạng sinh học tỉnh đã có quyết định đề xuất vào mục quy hoạch, phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 7.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
35	Rà soát các cơ sở bảo tồn như: Vườn thực vật, cơ sở nuôi trồng các loài quý hiếm.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 7.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
	7.2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.	
36	Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác được	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 7.2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp.	
37	Không quy hoạch các khu vực mỏ không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường.	Cơ quan lập Quy hoạch xin tiếp thu.
	PHẦN THỨ III: THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	
	I. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN	
38	Kế hoạch nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được xác định, đề nghị thiết lập Bảng danh mục riêng các dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn Tỉnh.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
39	Do đa số các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng chưa được phê duyệt, đề nghị thiết lập Bảng riêng về các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đề xuất trong quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
40	Việc đưa ra các danh mục dự án ưu tiên cần đảm bảo đúng yêu cầu của Luật Quy hoạch - Tích hợp đầy đủ danh mục ưu tiên đầu tư.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
41	Đưa ra danh mục dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư để kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực có tiềm năng để phát triển công nghiệp theo định hướng Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
42	Bổ sung công trình giao thông công cộng phục vụ phát triển giao thông đô thị, kết nối khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu du lịch; (ii) Bổ sung cảng cạn là công trình ưu tiên.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
43	Xác định cụ thể danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh; (ii) Xác định nhu cầu vốn, giải pháp huy động vốn, phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
44	(i) Rà soát lại danh mục dự án sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Rà soát lại nguồn lực đảm bảo tính khả thi của quy hoạch; (iii) Bổ sung giải pháp về huy động vốn đầu tư đảm bảo hiệu quả, khả thi của quy hoạch.	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
	BẢN ĐỒ, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH	
45	Quy hoạch được lập theo phương pháp tích hợp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xem xét, rà soát lại nội dung quy hoạch của từng ngành, lĩnh vực đã thể hiện trên bản đồ của hồ sơ quy hoạch. Bổ sung (trong trường hợp bản đồ chưa đáp ứng) về hiện trạng và phương án quy hoạch, tỷ lệ của từng bản đồ nhằm đảm bảo thể hiện được đầy đủ nội dung quy hoạch của từng ngành, lĩnh vực trên bản đồ.	Cơ quan lập Quy Hoạch xin tiếp thu và bổ sung tại hệ thống các bản đồ quy hoạch
46	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn tại văn bản số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Cơ quan lập Quy Hoạch xin tiếp thu và bổ sung tại hệ thống các bản đồ quy hoạch

PHỤ LỤC II: TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

**Ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 4654/BC-HĐTD ngày 11/7/2022
Về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình
PHẦN MỞ ĐẦU		
1	Bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, mục II. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của PHẦN MỞ ĐẦU
2	Bổ sung Quy hoạch sử dụng đất đai Quốc gia mới được phê duyệt	QHSDĐ Quốc gia bao gồm: NQ 39/2021/QH15 của Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XV, kỳ họp thứ 2 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về QHSDĐ quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và QĐ 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về Phân bổ chỉ tiêu QHSDĐ thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025 được cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, mục II. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của PHẦN MỞ ĐẦU
3	Rà soát, sắp xếp lại các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo. Loại bỏ một số văn bản pháp luật đã hết hiệu lực.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2. Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng quy hoạch, mục II. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC)

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình
		của PHẦN MỞ ĐẦU
Chương 1	Tóm tắt nội dung quy hoạch	
Chương 2	Phạm vi đánh giá môi trường chiến lược và thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng đánh giá tác động của quy hoạch	
Chương 3	Đánh giá tác động quy hoạch đến môi trường	
1	Đánh giá sự phù hợp, mối quan hệ giữa các quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường và dự báo tác động; ảnh hưởng của các quan điểm, mục tiêu của Quy hoạch đến các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, xu thế môi trường liên quan với Quy hoạch.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại phần I. Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu QH với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường thuộc chương III của báo cáo ĐMC.
2	Bổ sung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch đối với mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 1. Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính III. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch thuộc chương III của báo cáo ĐMC.
Chương 4	Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính	
1	Bổ sung nội dung vào giải pháp: (i) Quan trắc và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học; (ii) Tách hệ thống thoát nước hỗn hợp thành hai hệ thống riêng biệt.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2.6. Các giải pháp về công nghệ, kỹ thuật thuộc mục I. Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình
2	Bổ sung giải pháp về bảo vệ môi trường nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 6. Một số nhóm giải pháp khác thuộc chương III của báo cáo ĐMC.
3	Xác định vị trí, thông số, tần suất quan trắc của các điểm, trạm quan trắc thuộc mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí của tỉnh Thái Nguyên.	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 2. Giám sát môi trường thuộc mục II. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch
4	Các giải pháp nêu tại Chương IV của Báo cáo ĐMC cần được thống nhất với nội dung giải pháp thực hiện quy hoạch trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh.	Các giải pháp tại chương IV của báo cáo ĐMC đã được xử lý, tích hợp với Báo cáo QHT Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại tiểu mục 8.3, mục VIII, phần thứ II.
Các ý kiến khác		
1	Bổ sung giải pháp về liên kết vùng giữa Thái Nguyên và các tỉnh trong vùng (các tỉnh thuộc vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và vùng Đồng bằng sông Hồng) để giải quyết các vấn đề môi trường (Ví dụ môi trường lưu vực sông, ...).	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 1. Các đề xuất, kiến nghị từ kết quả của ĐMC để điều chỉnh các nội dung của quy hoạch thuộc mục III. Về hiệu quả của ĐMC trong quá trình lập quy hoạch

PHỤ LỤC III
BÁO CÁO TIẾP THU GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA THẨM ĐỊNH
CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ CHUYÊN GIA

A. VỀ CƠ QUAN

BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG

- 1- BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG:
- 2- BỘ TƯ PHÁP:
- 3- BỘ NGOẠI GIAO:
- 4- BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:
- 5- BỘ CÔNG THƯƠNG:
- 6- BỘ NỘI VỤ:
- 7- BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ:
- 8- BỘ QUỐC PHÒNG:
- 9- BỘ TÀI CHÍNH:
- 10- BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN:
- 11- BỘ VĂN HÓA TT&DL
- 12- BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG:
- 13- BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI:
- 14- BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
- 15- BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI:
- 16- BỘ Y TẾ:
- 17- BỘ CÔNG AN:
- 18- BỘ XÂY DỰNG:
- 19- ỦY BAN DÂN TỘC:

B. VỀ NỘI DUNG:

PHẦN THỨ I: MỞ ĐẦU:

PHẦN THỨ II: QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

- MỤC 1: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN:
- MỤC 2: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN
- MỤC 3. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP:
- MỤC 4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
- MỤC 5. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
- MỤC 6. CÁC PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030
- PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI
 - PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG
 - PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT
 - PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI
 - PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN VÀ VÙNG HUYỆN
 - PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
 - CÁC PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
 - XỬ LÝ, TÍCH HỢP NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC TRONG QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN

C. NỘI DUNG CHI TIẾT

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	PHẦN THỨ I: MỞ ĐẦU		
1	Theo quy định của Luật Quy hoạch, quy hoạch tỉnh là quy hoạch tích hợp và phải tuân thủ quy hoạch Vùng và các quy hoạch ngành Quốc gia. Trong bối cảnh chưa có quy hoạch vùng và quy hoạch ngành quốc gia chưa đầy đủ, thì quá trình lập quy hoạch Tỉnh phải có trao đổi nhiều vòng để thống nhất với các cấp quy hoạch ngành quốc gia và các tỉnh trong vùng để đi đến thống nhất được những vấn đề có tính chất vùng và liên thông với hệ thống quốc gia thì các phương án quy hoạch của Tỉnh đặt ra sẽ đảm bảo đúng tinh thần tích hợp và tuân thủ. Trong bản Quy hoạch này, các phương pháp lập quy hoạch đã được áp dụng khá đầy đủ, tuy nhiên chưa thể hiện được cách tiếp cận lập quy hoạch tích hợp như thế nào?.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Theo trình tự QHT đã xin ý kiến bộ ngành 2 lần, đã xin ý kiến của 13 tỉnh trong vùng và 2 tỉnh khác vùng (Hà Nội, Vĩnh Phúc). Hiện tại QHT tiếp tục được gửi xin ý kiến
2	Đề nghị bổ sung thêm nội dung Giới thiệu khái quát về tỉnh Thái Nguyên vào phần thứ I, tuy đã có trong mục I, (trang 2), nhưng quá ngắn.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa tại mục các mục “1. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh Thái Nguyên”
3	Trong phần mở đầu của báo cáo có đề cập đến những quan điểm mục tiêu, yêu cầu lập quy hoạch. Tôi cho rằng đây là các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu đặt ra của nhiệm vụ quy hoạch, nên trong Báo cáo Quy hoạch không nên đưa các nội dung này vào.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Nhiệm vụ lập QH chính là đề bài của quy hoạch, nên các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu chính là nhiệm vụ, mục tiêu, yêu cầu của quy hoạch
	I. SỰ CẦN THIẾT LẬP QUY HOẠCH		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
4	Đề nghị bổ sung thêm đánh giá tổng quan kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước, những tồn tại, hạn chế, những nội dung chưa thực hiện được, nguyên nhân để luận chứng chuyển tiếp quy hoạch trong kỳ quy hoạch này.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu tại phụ lục 1 kèm theo báo cáo tổng hợp
	II. NHỮNG YÊU CẦU CHỦ YẾU CỦA NHIỆM VỤ LẬP QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN		
	2.2. Quan điểm mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch		
	2.2.1. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch		
5	Rà soát lại các quan điểm lập quy hoạch đảm bảo phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh về vị trí, tài nguyên, cảnh quan... của tỉnh	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu, các quan điểm lập quy hoạch đảm bảo phát huy tiềm năng lợi thế của tỉnh về vị trí, tài nguyên, cảnh quan... của tỉnh tại “mục 1: phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện đặc thù của tỉnh thái nguyên:
	2.2.2. Mục tiêu lập quy hoạch		
6	Về mục tiêu lập quy hoạch: đề nghị bổ sung thêm nội dung mục tiêu: Quy hoạch tỉnh sẽ là công cụ pháp lý quan trọng của Đảng, Chính quyền tỉnh thực hiện điều hành, quản lý vĩ mô phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2021 – 2030 ...	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện tại phần 2.2.2. Mục tiêu lập quy hoạch

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
7	Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc: <i>xem xét lại, đây không phải là mục tiêu quy hoạch, có thể xem xét chuyển sang phân nguyên tắc hoặc quan điểm và bổ sung quy hoạch sử dụng đất quốc gia; bên cạnh đó các quy hoạch này hiện cũng chưa được phê duyệt.</i>	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Tại Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc” là mục tiêu lập Quy hoạch
8	Các mục tiêu cần lưu ý phát triển Thái Nguyên trên cơ sở tiềm năng, lợi thế; bổ sung mục tiêu về phát triển nông nghiệp, du lịch.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Nội dung này, Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu và đã thể hiện trong Báo cáo tổng hợp tại “mục 2.1. Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước”.
	2.4. Các yêu cầu về phương pháp tiếp cận và phương pháp lập QH		
9	Các phương pháp được sử dụng để lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là phù hợp, tuy nhiên cần mô tả chi tiết việc áp dụng phương pháp dự báo cụ thể vào trong quá trình dự báo lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu bổ sung tại mục “2.4.3. Phương pháp lập quy hoạch”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
10	Phương pháp lập quy hoạch: Phương pháp lập quy hoạch còn nêu chung chung, mới chỉ có đầu đề phương pháp. Cần bổ sung nội dung chủ yếu của phương pháp thực hiện, để đảm bảo các thông tin, số liệu và kết quả phân tích, đánh giá có độ tin cậy cần thiết của báo cáo quy hoạch.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Nội dung các phương pháp đã thể hiện trong báo quy hoạch, do yêu cầu về kết cấu, nội dung quy hoạch nên cơ quan lập quy hoạch không chi tiết về phương pháp lập quy hoạch.
	III. CÁC CĂN CỨ CHÍNH LẬP QUY HOẠCH		
11	Đề nghị tách theo từng nhóm loại văn bản, trong mỗi nhóm đề nghị sắp xếp theo trình tự thời gian ban hành văn bản để thuận tiện tra cứu.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “3.2. Các đường lối, chủ trương chính sách, định hướng, chiến lược, QH và kế hoạch”
	3.1. Các văn bản quy phạm pháp luật		
12	Bổ sung một số luật và nghị định có liên quan như: Luật Trồng trọt, 2017; Luật Lâm nghiệp, 2017; Luật Đa dạng sinh học, 2008; Luật Du lịch, 2017; Luật Công nghệ cao, 2008; Luật đất đai, 2013. Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai, Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3.2. Các đường lối, chủ trương chính sách, định hướng, chiến lược, QH và kế hoạch		
13	Bổ sung một số văn bản liên quan đến chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch ảnh hưởng tới Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm: (i) Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 đã được Quốc hội Khóa XV, Kỳ họp thứ 2 thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 (ii) Quyết định số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; (iii) Các chiến lược, một số chiến lược liên quan như: Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định 150/QĐ-TTg năm 2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 .	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
14	- Bổ sung Kết luận số 81/KL-TW về an ninh lương thực quốc gia - Bổ sung các quy hoạch đã được phê duyệt làm căn cứ như quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch giao thông... đã được phê duyệt - Làm rõ các tiêu chuẩn, quy chuẩn nào áp dụng vào trong quá trình lập quy hoạch của Thái Nguyên.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung
15	Bổ sung : Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025; Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030.	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung
16	Nghị quyết số 23-NQ-TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.		
17	Đề nghị bổ sung các Văn bản: (1) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; (2) Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	BỘ NỘI VỤ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung
18	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các pháp luật chuyên ngành có phạm vi điều chỉnh lĩnh vực quan trọng, liên quan nhiều đến quy hoạch (ví dụ như Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp...) và Nghị quyết số 39/2021/QH15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Đồng thời, bỏ căn cứ là Thông tư số 113/2019/TT-BTC ngày 11/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch <i>(vì đây là căn cứ xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, đã hoàn thành)</i> .	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BÌNH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung
19	Hồ sơ chưa cập nhật đầy đủ nội dung các quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia: Số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Số 1769/QĐ- TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê ' duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề nghị rà soát, bổ sung.		
20	Tại căn cứ lập quy hoạch, đề nghị bổ sung Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung
	PHẦN THỨ II: QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		
	MỤC 1: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN ĐẶC THÙ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN		
21	Sau các phân tích, báo cáo cần có kết luận về các yếu tố, điều kiện "đặc thù" của tỉnh và tác động của nó đến phát triển các ngành, lĩnh vực (đặc thù về vị trí, về tài nguyên, về con người, về văn hoá, về kinh tế, ...).	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa tại “mục 2.1. Phân tích SWOT”
22	Với lực lượng dân số đông - Đây là nguồn nhân lực của tỉnh để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới, Báo cáo đã đề cập nhưng còn sơ sài, đề nghị bổ sung cập nhật, phân tích, đánh giá trong cả giai đoạn 2011 - 2020: (i) Số liệu dân số; phân chia theo khu vực, cơ cấu, giới tính, nhóm tuổi, dân tộc; (ii) Lực lượng lao động và việc làm; (iii) Phân tích lực lượng lao động thực tế đang làm việc tại địa phương (bao gồm cả lực lượng lao động khác đang đến làm việc tại tỉnh Thái Nguyên: Lực lượng cơ học đến từ các địa phương khác, lực lượng lao động quốc tế).	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	(i) Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại mục “1.2.1.1. Dân số”. (ii) (iii) Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại mục “1.2.1.3. Lao động việc làm”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
23	Bổ sung dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh (Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển văn hóa, xã hội; dự báo triển vọng, nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên và môi trường; dự báo nhu cầu kết cấu hạ tầng, ...) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP - Đây là yếu tố đầu vào cho việc luận chứng lựa chọn các ngành quan trọng, xây dựng kịch bản phát triển cho kỳ quy hoạch.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại mục “III. Tầm nhìn phát triển tỉnh Thái Nguyên đến năm 2050”
	I. CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN XÃ HỘI, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
24	Đã tổng hợp, đánh giá tổng quan chung về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch của tỉnh. Tuy nhiên chưa phân tích đánh giá sâu và tập trung làm nổi bật các điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, cần bổ sung làm rõ thêm các nội dung: - Cần phân tích bổ sung khả năng khai thác sử dụng hợp lý vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, những lợi thế và bất lợi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Bổ sung phân tích tốc độ tăng dân số tự nhiên và xu hướng di cư thuần của tỉnh; tỷ lệ hộ nghèo; thực trạng nhân lực theo các ngành.... Số lượng người của từng dân tộc, giới tính; ở nông thôn; ở thành thị; về học vấn, trình độ chuyên môn và tay nghề; Người lao động ngoài tỉnh, chuyên gia quốc tế đến làm việc tại địa phương trong thời gian vừa qua; cơ cấu lao động trong các ngành, lĩnh vực. - Đánh giá về đặc trưng văn hoá, dân tộc của người dân, phân tích các tác động của văn hoá, dân tộc đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là các làng nghề truyền thống... - Bổ sung mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của tỉnh, so	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung các nội dung này trong Báo cáo tổng hợp tại “mục I. Các yếu tố, điều kiện tự nhiên xã hội, tài nguyên và môi trường.”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	sánh với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc (TDMNPB) và cả nước, đây là chỉ tiêu quan trọng làm cơ sở cho việc định hướng xây dựng Thái Nguyên trong tương lai. - Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước. Báo cáo đã đưa ra các điểm chính để xác định vị trí của tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên còn chung chung, cần bổ sung: (i) So sánh các chỉ tiêu hiện nay của tỉnh với cả nước, đánh giá vị thế phát triển của tỉnh, khả năng cải thiện vị thế trong thời kỳ quy hoạch; phân tích, đánh giá tổng quan và so sánh các ngành được xác định là ngành mũi nhọn với các tỉnh trong vùng, quốc gia để thấy rõ vị thế, vai trò của tỉnh (ii) Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng TDMNPB và cả nước về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong 10 năm qua và dự báo vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng, cả nước trong thời kỳ quy hoạch; (iii) Đánh giá vị thế của tỉnh trong mối quan hệ với các tỉnh, thành phố lân cận, với cả nước và với các nước khu vực về giao thông, giao lưu kinh tế và văn hoá. Những lợi thế về vị trí địa lý của CQLQH đã được phát huy, những mặt chưa được phát huy. Dự báo khả năng phát huy lợi thế về vị trí địa lý vào phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. - Nội dung các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển Tỉnh, trình bày tương đối dài, cần bổ sung làm rõ bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường các sản phẩm chủ lực của tỉnh; các hành lang kinh tế vùng và thủ đô tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. - Nội dung Dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, chưa được đề cập trong báo cáo. Nội dung này được quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP, đây là cơ sở chính cho việc luận chứng lựa chọn các ngành quan trọng,		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	xây dựng kịch bản phát triển cho kỳ quy hoạch. Cần bổ sung các nội dung gồm: Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển kinh tế; dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển văn hóa và xã hội; dự báo triển vọng và nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; dự báo nhu cầu kết cấu hạ tầng.		
	1.1. Vị trí địa lý		
25	Phần vị trí địa lý của Thái Nguyên đã được xác định so với các trung tâm phát triển, song nên bổ sung thêm vị trí so với các tỉnh lân cận và vị trí về đại lý so với Vùng Trung du miền núi phía Bắc, không nên đề cập vị trí về kinh tế xã hội trong phần vị trí địa lý.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện tại “mục 2.1. Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước”.
	1.2. Các điều kiện tự nhiên		
	1.3. Tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên du lịch		
26	Về tài nguyên khoáng sản, không nên chỉ dừng lại ở kể tên mà cần đánh giá kỹ hơn tiềm năng, trữ lượng và lợi thế cũng như những vấn đề đặt ra trong khai thác những tài nguyên khoáng sản như Vonfram, quặng sắt, than ...	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Báo cáo tổng hợp đã phân tích tại “điểm 5. Tài Nguyên khoáng sản của mục 1.3.1. Tài nguyên thiên nhiên” một số khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt đã, đang sẽ được khai thác, chế biến (gắn với các một số nhà máy chế biến và/hoặc sử dụng khoáng sản tiêu biểu) phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh hiện nay và tương lai. Bên cạnh đó, trong phần về công nghiệp cũng

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			đã đánh giá về công nghiệp khai khoáng.
	1.4. Các yếu tố và điều kiện xã hội		
27	Cần kiểm tra lại số liệu tỷ lệ dân số nông thôn chiếm 67,91% nhưng tỷ lệ lao động nông thôn lại chiếm 72,13% là điều khó lý giải vì thông thường cơ cấu dân cư nông thôn có tỷ lệ lao động thấp hơn so với cơ cấu dân cư khu vực đô thị.	GS.TS. HOÀNG VĂN CUỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã sử dụng nguồn số liệu từ Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2020. Phân bố lao động khu vực nông thôn trên phản ánh thực tế lao động nông thôn.
	II. BỐI CẢNH QUY HOẠCH		
28	Cuối phần đánh giá các điều kiện đặc thù của Tỉnh, báo cáo có mục “ bối cảnh quy hoạch ” và mục “ các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn ” không rõ nhằm mục tiêu gì?. Theo ND 37, phần này là đánh giá vai trò, vị thế của Tỉnh so với Vùng và cả nước, đánh giá các yếu tố tác động của Vùng, quốc gia, quốc tế có tác động đến phát triển của Tỉnh. Tuy nhiên, phần đánh giá vai trò, vị thế của Tỉnh cũng như những yếu tố tác động của vùng, quốc gia, quốc tế nên chuyển gộp vào cuối phần đánh giá thực trạng cùng với phần đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức của Tỉnh.	GS.TS. HOÀNG VĂN CUỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh cho rằng: “bối cảnh quy hoạch” và mục “các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn” cũng thuộc nội dung “Đánh giá các điều kiện đặc thù của Tỉnh”, là những nội dung quy định tại khoản 1 điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP
	2.1. Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước		
29	Báo cáo đã đánh giá khá đầy đủ, chi tiết các điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của Tỉnh. Tuy nhiên, nội dung Báo cáo mới chủ yếu đi vào mô tả, liệt kê, đề nghị bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá chỉ rõ thế mạnh, lợi thế cũng như những hạn chế của tỉnh Thái Nguyên chưa phát huy được (về vị trí, về tiềm năng, về con người);	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện tại “mục 2.1. Phân tích SWOT”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(ii) Dự báo khả năng phát huy lợi thế, tiềm năng làm cơ sở xây dựng phương án quy hoạch; (iii) Phân tích những lợi thế của tỉnh về vị trí, tài nguyên thiên nhiên, các yếu tố xã hội, ... có thể tạo động lực phát triển cho cả vùng.		
30	Chưa đánh giá đầy đủ vai trò, vị trí của tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc để xác định điều kiện đặc thù, lợi thế của tỉnh trong khu vực, đặc biệt là lĩnh vực giao thông vận tải; chưa xác định các khu vực đặc biệt khó khăn để đầu tư phát triển (điểm d, Điều 27, Luật Quy hoạch), đề nghị nghiên cứu bổ sung.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung giá tại mục 2.1. Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước, trong đó có lĩnh vực giao thông vận tải
	2.2. Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh		
31	Làm rõ hơn yếu tố vùng, quốc gia tác động đến phát triển tỉnh (quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Trung du và miền núi Bắc bộ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hiện vẫn trong kỳ quy hoạch).	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung tại mục 2.1. Vị thế, vai trò của tỉnh Thái Nguyên đối với vùng và cả nước.
	III. CÁC NGUY CƠ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.		
32	Nói chung phần này còn đánh giá rất sơ sài, nên tập chung vào các đối tượng chính có nguy cơ bị tác động, đã bị tác động của BĐKH trong thời gian qua: đất đai, năng xuất, sản lượng nông nghiệp ... có bị ảnh hưởng không...	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã cập nhật và bổ sung trong mục 6.5.3. <i>Thực trạng công tác phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3.1. Đánh giá tác động đến môi trường tự nhiên		
	3.1.1. Môi trường đất		
33	Chưa có số liệu đánh giá, cần có đánh giá cụ thể, các khu vực bị ảnh hưởng đến môi trường đất.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã cập nhật và bổ sung trong <i>mục 3.1.1. Môi trường đất</i>
	3.1.3. Môi trường không khí		
34	Đề nghị đánh giá cụ thể môi trường không khí cho các khu vực tại Thái Nguyên.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã cập nhật và bổ sung trong <i>mục 3.1.3. Môi trường không khí</i>
	MỤC 2: ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN		
35	Nội dung đánh giá thực trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo từng chuyên ngành, cần bổ sung thêm nội dung (i) Rà soát so sánh, đánh giá tình hình triển khai các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng ngành; (ii) Đánh giá hiện trạng và mức độ đáp ứng của các cơ sở hạ tầng ngành đối với nhu cầu phát triển của tỉnh; (iii) Đánh giá các nguyên nhân yếu kém và tồn tại trong xây dựng cơ sở hạ tầng ngành, đặc biệt chú ý đến những hạn chế, khó khăn hoặc tắc nghẽn trong mạng lưới cơ sở hạ tầng ngành của tỉnh và liên tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu và đã đánh giá tại mục “IV. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật” và mục “V. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	I. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI		
36	Hiện trạng phát triển về kinh tế (trang 43-44), cần bổ sung thêm nội dung: so sánh GRDP của tỉnh Thái Nguyên với bình quân chung của vùng TDMNPB và cả nước; phân tích mối tương quan so sánh về quy mô nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng GRDP giữa tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh trong vùng. Trong quá trình phân tích, đánh giá các chỉ tiêu về kinh tế- xã hội (tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu, năng suất lao động.v.v...) cần phải so sánh về mức độ đạt được với mục tiêu đã đặt ra trong các Nghị quyết đại hội Đảng và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Thái Nguyên. Đánh giá môi trường đầu tư - kinh doanh (các chính sách cụ thể), huy động nguồn lực,... Chú trọng đến các ngành sản xuất sử dụng nhiều lao động, giải quyết vấn đề xã hội của tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại “mục 1.1. Thực trạng phát triển kinh tế”.
	1.1. Thực trạng phát triển kinh tế		
37	Trong mục 1.1. đề cập 3 tiểu mục là: Quy mô; Các ngành và Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội. Theo tôi, nên đề cập thêm 1 tiểu mục nữa là Thực trạng về khả năng huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó có: Đánh giá về môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh; thực trạng thu hút đầu tư; thực trạng thu chi ngân sách; những khó khăn và nguyên nhân.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại “mục 1.1.3.3. Khả năng huy động các nguồn lực”. Bổ sung đánh giá khó khăn, nguyên nhân về khả năng huy động nguồn lực, thu hút đầu tư và thực trạng thu chi ngân sách
38	Báo cáo đề cập quá tóm tắt, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá trong cả giai đoạn 2011 - 2020: (i) Cập nhật số liệu tăng trưởng GRDP của tỉnh, GRDP theo ngành kinh tế, phân tích, đánh giá tốc độ tăng trưởng trong từng giai đoạn 2011 - 2015, 2016 - 2020; (ii) Phân tích, đánh giá chất lượng tăng trưởng về: Năng suất lao động; hiệu quả đầu tư; môi trường đầu tư, kinh doanh; hiệu quả xã hội; (iii) Công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; (iv) So sánh, đánh giá với các tỉnh trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc và các tỉnh trong vùng Thủ đô.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại “mục 1.1. Thực trạng phát triển kinh tế”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
39	Báo cáo đã đánh giá khá đầy đủ về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2011-2020, qua đó đã cho thấy sự tăng trưởng ấn tượng vào năm 2014-2015 khi nhà máy Sumsung đi vào hoạt động, đã đưa quy mô GRDP tăng trưởng nhảy vọt, thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế của Tỉnh và đưa tỉnh lên hàng thứ 12 trong cả nước về quy mô kinh tế. Để làm cơ sở cho định hướng phát triển công nghiệp của Tỉnh trong tương lai, phần này cần phân tích sâu thêm thực trạng và tiềm năng phát triển các ngành công nghiệp truyền thống của Tỉnh trước khi có sự xuất hiện của Samsung, vì vốn dĩ Thái Nguyên là một trung tâm công nghiệp nặng, có nhiều tiềm năng phát triển. Việc đánh giá nguyên nhân chậm phát triển những ngành công nghiệp truyền thống cần chỉ cụ thể vấn đề gì, ở đâu, cần thay đổi gì để tháo gỡ vướng mắc đó; không nên chỉ nói là thiếu vốn, cơ sở hạ tầng kém phát triển... Đặc biệt các ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản có giá trị như sắt, vonfram ... cần phải tập trung đánh giá kỹ và chỉ ra những vấn đề cần đầu tư để đưa các hoạt động này trở thành ngành trụ cột là nội lực kinh tế của Tỉnh. Cũng cần phân tích đánh giá tác động hai mặt của Samsung đến phát triển kinh tế xã hội và chỉ ra định hướng trong việc thu hút đầu tư theo hướng mở rộng hay cần tập trung vào phát triển chiều sâu các ngành, lĩnh vực vốn có. Việc phân tích đánh giá kỹ tiềm năng và thực trạng phát triển những ngành là thế mạnh của Tỉnh sẽ là định hướng quan trọng cho quy hoạch phát triển công nghiệp trong tương lai. Nên có so sánh và đánh giá mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế của Tỉnh với các tỉnh trong vùng và các ngành lĩnh vực có liên quan để thấy được vị thế, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế Thái Nguyên trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế Vùng và các ngành trong cả nước.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu, trong báo cáo đã thể hiện đánh giá tại điểm 2. Chuyển dịch cơ cấu ngành CN của mục 1.1.2.1. CN-XD

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.1.1. Quy mô		
40	Quy mô: Mục này nêu rất cô đọng về quy mô nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng GRDP, tổng sản phẩm GRDP phân theo ngành và bình quân đầu người, có so sánh với cả nước. Theo tôi, phần này nên bổ sung phân tích rõ hơn động thái của GRDP từ 2010-2020; phân tích biến động cơ cấu GRDP hàng năm có so sánh với cả nước và Vùng trung du và miền núi phía Bắc để thấy rõ vị trí, vai trò của Thái nguyên trong Vùng và cả nước.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại mục 1.1.1. Quy mô
	1.1.2. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế		
41	Báo cáo đã phân tích tình hình huy động các nguồn lực trong những năm qua. Để thực hiện được một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh thời kỳ quy hoạch là tăng cường thu hút đầu tư, Báo cáo cần phải phân tích, đánh giá về công tác thu hút đầu tư trong những năm qua nhằm đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa các hình thức thu hút đầu tư.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại mục “1.1.2.4. Công tác đầu tư, phát triển doanh nghiệp”
	1.1.3. Các ngành		
42	Bổ sung phân tích, đánh giá về hiện trạng: (i) Thu, chi ngân sách nhà nước; (ii) Phát triển hợp tác xã.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Về bổ sung phân tích đánh giá thu, chi ngân sách nhà nước tiếp thu bổ sung tại mục “1.3. Thực trạng thu, chi ngân sách nhà nước” Về phát triển hợp tác xã đã tiếp thu bổ sung tại mục “1.4. Thực trạng phát triển hợp tác xã”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.1.3.1. CN - XD		
43	Rà soát đảm bảo sự phù hợp, tính cập nhật, khoa học và độ tin cậy của thông tin, số liệu, dữ liệu ngành xây dựng; Bổ sung làm rõ hơn hiện trạng phát triển ngành xây dựng về kết quả đạt được so với mục tiêu quy hoạch thời kỳ trước, nêu cụ thể những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (tiểu mục 1.1.2.1 tại Báo cáo tổng hợp).	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Về độ tin cậy của thông tin, số liệu và dữ liệu ngành xây dựng trong QH được bổ sung cập nhật từ các số liệu, báo cáo của các cơ quan, ngành có liên quan. Về làm rõ hiện trạng ngành xây dựng đã bổ dụng tại phụ lục 1
44	Ngành công nghiệp, xây dựng của tỉnh Thái Nguyên đã tăng trưởng nhanh trong những năm qua, đóng góp tỷ trọng lớn vào tăng trưởng GRDP của tỉnh. Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế của địa phương, đề nhóm ngành công nghiệp tiếp tục là ngành chủ lực trong tăng trưởng những năm tới, đề nghị bổ sung, phân tích, đánh giá: (i) Thực trạng về nhóm ngành công nghiệp hỗ trợ; (ii) Tình hình thu hút đầu tư; (iii) Lực lượng lao động đáp ứng cho ngành công nghiệp, xây dựng; (iv) Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã nghiên cứu bổ sung để làm nổi bật thêm hiện trạng ngành công nghiệp vào bản tổng hợp QH tỉnh (tại mục 1.1.2.1 Hiện trạng ngành CN) theo ý kiến góp ý (Riêng ý kiến tình hình thu hút đầu tư CQLQH đã đưa vào mục 3.4.1 và 3.4.3 (Hiện trạng phát triển KCN và CCN).
45	CN-XD: Đánh giá hiện trạng công nghiệp và xây dựng của CQLQH đã nêu được tăng trưởng VA, chuyển dịch cơ cấu ngành CN, sản phẩm CN, giá trị SXCN, ngành xây dựng và đánh giá chung. Nhìn chung các số liệu, dữ liệu và đánh giá trong báo cáo là sát thực tế và rõ ràng. Về cơ bản, các nhận định, đánh giá về ngành công nghiệp là chính xác. Tuy vậy, nếu có thể nên bổ sung đánh giá phần này chi tiết hơn vì ngành CN-XD chiếm gần 60% GRDP của tỉnh nhưng chỉ đề cập trong hơn 4 trang; cụ thể nên	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu nghiên cứu và bổ sung nội dung để làm nổi bật thêm phần tổng hợp hiện trạng và phát triển ngành công nghiệp trong phần tổng hợp QH tỉnh theo ý kiến góp ý (Mục 1.1.2.1. Hiện trạng ngành công nghiệp).

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đánh giá thêm về công nghệ SXCN, đầu tư phát triển CN, lực lượng lao động công nghiệp, doanh nghiệp SXCN; Phân tích động thái phát triển các chuyên ngành CN; Phân tích năng lực cạnh tranh của các chuyên ngành công nghiệp để làm cơ sở cho định hướng ưu tiên phát triển các chuyên ngành công nghiệp trong giai đoạn quy hoạch.		
	1.1.3.2. Ngành dịch vụ		
46	Báo cáo đã phản ánh về thương mại, dịch vụ trong nước, hoạt động xuất nhập khẩu, kết cấu hạ tầng thương mại, vận tải, viễn thông và du lịch. Đề nghị phân tích, đánh giá bổ sung thêm về hoạt động vận tải, viễn thông.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung tại <i>điểm (4) Vận tải, viễn thông tại tiểu mục 1.1.2.2. Ngành dịch vụ</i>
47	Đề nghị rà soát số liệu không đồng nhất về thuê bao điện thoại cố định, thuê bao điện thoại di động, tỷ lệ thuê bao điện thoại di động/100 dân, thuê bao điện thoại có sử dụng dịch vụ Internet, thuê bao Internet băng rộng cố định tại trang 52, phần hoạt động viễn thông và trang 156, tiểu mục (5). Dịch vụ.	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa, thống nhất số liệu tại <i>tiểu mục (4) Vận tải, viễn thông</i> . Dịch vụ như sau: Tổng số thuê bao điện thoại cố định là 17.500 thuê bao. Tổng số thuê bao điện thoại di động là 1.180.000 thuê bao; 894.000 thuê bao có sử dụng dịch vụ truy nhập Internet; Tổng số thuê bao truy nhập Internet cố định băng rộng qua cáp quang là 192.000 thuê bao
48	Trang 52, hoạt động viễn thông, đề nghị chỉnh sửa nội dung “Dự tính đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có tổng số thuê bao điện thoại cố định là 17.038 thuê bao” thành “Đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có tổng số thuê bao điện thoại cố định là 17.038 thuê bao”.	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa, thống nhất số liệu tại <i>tiểu mục (4) Vận tải, viễn thông</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
49	Cần đánh giá kỹ hơn cơ cấu ngành thương mại dịch vụ để thấy được vị trí, vai trò của từng tiểu ngành trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, cũng như mức độ đáp ứng các yêu cầu phát triển của trung tâm công nghiệp lớn, qua đó phải chỉ ra được nguyên nhân ngành dịch vụ còn nhỏ bé (chỉ chiếm khoảng 22,4% GRDP) và tốc độ phát triển cũng không cao (76,41%) so với các ngành Nông nghiệp (5,22%) và công nghiệp (21,38%) trên địa bàn tỉnh.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại “mục 1.1.2.2. Ngành dịch vụ”
50	Đối với thực trạng hạ tầng thương mại, đề nghị bổ sung, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch về trung tâm logistics trong thời gian qua, do đây là cơ sở có ý nghĩa quan trọng trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Đồng thời, các quy hoạch về trung tâm logistics sẽ được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không có điểm xây dựng mới trung tâm logistics.
51	Đề nghị bổ sung việc đánh giá tình hình xây dựng mới chợ đầu mối thực hiện theo Quyết định số 272/QĐ-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch phát triển thương mại vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Trên cơ sở đó, quan tâm nghiên cứu, xây dựng định hướng và phương án phát triển các loại hình hạ tầng thương mại để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới (Theo Báo cáo thì hiện nay mới có định hướng và phương án phát triển trung tâm logistics).	BỘ CÔNG THƯƠNG	Qua rà soát, trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2020 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 272/QĐ-BCT ngày 12/01/2015 của không có dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
52	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá hiện trạng hệ thống kho xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Theo đó đề nghị bổ sung hiện trạng hệ thống xăng dầu, khí đốt trên địa	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại điểm f. Hệ thống dịch vụ logistics – kho dự trữ hàng hóa

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	bàn Tỉnh, đánh giá hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng hệ thống kho trên địa bàn Tỉnh;		(Kho xăng dầu khu vực cụm cảng Đa Phúc (xã Thuận Thành, TP Phổ Yên) với tổng vốn đầu tư 51 tỷ đồng hoàn thành và đi vào hoạt động năm 2014, có sức chứa 3.500 tấn.)
	1.1.3.3. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản		
53	Báo cáo đã nhận định "... quy mô GRDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản không lớn, song có những đóng góp quan trọng góp phần ổn định đời sống nhân dân, nhất là ở khu vực nông thôn (chiếm 68% dân số của tỉnh) ..." (trang 57). Phần đánh giá tồn tại, hạn chế còn rất sơ sài, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá: (i) Việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; (ii) Những tồn tại, hạn chế, xác định những điểm "nghẽn" đối với phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh (chính sách; phương thức sản xuất; quy mô sản xuất; giống vật nuôi, cây trồng; môi trường sản xuất; dịch bệnh; chế biến, bảo quản; tiêu thụ hàng hóa; kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nông nghiệp; ...); (iii) Xác định những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Đã tiếp thu tại mục 9) Đánh giá chung 1.1.2.3. Thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Về hạn chế giống cây trồng, vật nuôi: Đây không phải là hạn chế đối với tỉnh Thái Nguyên vì giai đoạn vừa qua tỉnh đã ứng dụng khá tốt các giống tiến bộ kỹ thuật (tỷ lệ giống mới, giống tiến bộ kỹ thuật tăng nhanh), phức tráng các giống đặc sản địa phương có chất lượng trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi; nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống cây lâm nghiệp cung cấp đủ số lượng, chất lượng cây giống cho trồng rừng mới của tỉnh và một số tỉnh trong khu vực.
54	Báo cáo đã đề cập khá đầy tình hình phát triển các loại cây trồng vật nuôi trên đại bàn Tỉnh trong những năm qua, nhiều loại sản	GS.TS. HOÀNG VĂN	Báo cáo đã làm rõ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phẩm nông nghiệp được đánh giá khá kỹ về thực trạng phát triển. Tuy nhiên, việc đánh giá tình hình phát triển mỗi loại sản phẩm nông nghiệp mới chỉ dừng lại ở liệt kê, mô tả một, chưa chỉ ra những tiềm năng thế mạnh, hạn chế để chỉ rõ đâu là những sản phẩm mũi nhọn, những sản phẩm thế mạnh để định hướng phát triển. Đối với Thái Nguyên, cần đánh giá làm nổi bật tiềm năng, thế mạnh vị thế của cây Chè không phải chỉ trên địa bàn tỉnh mà Thái Nguyên là biểu tượng của chè ở Việt Nam. Vì vậy, phải đánh giá những giá trị đặc biệt của chè Thái Nguyên, khả năng phát triển và kết nối với các vùng chè của các tỉnh lân cận như Tuyên Quang, Yên Bái để biến Thái Nguyên thành thủ phủ của công nghiệp chế biến, trung tâm thương mại buôn bán chè của khu vực phía bắc. Cần đánh giá kỹ tiềm năng thế mạnh của cây trồng dược liệu như Quế... trong mối quan hệ kết nối các vùng trồng cây dược liệu của các tỉnh lân cận. Cần đánh giá kỹ hơn về tiềm năng và vai trò của phát triển rừng đối với phát triển tỉnh theo hướng bền vững, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã ký cam kết COP26 đưa cắt giảm khí thải trong khi Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp khai khoáng, luyện kim và công nghiệp điện tử.	CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	tỉnh Thái Nguyên: Chè, cây ăn quả, thịt lợn, thịt gà và trứng gà, gỗ, quế. Bổ sung đánh giá tiềm năng của rừng theo hướng phát triển bền vững đã cập nhật tại mục (4) Hiện trạng phát triển ngành lâm nghiệp Tỉnh Thái Nguyên thành thủ phủ của công nghiệp chế biến, trung tâm thương mại buôn bán chè của khu vực phía Bắc với lý do: Chè Thái Nguyên có đặc trưng riêng, Tỉnh định hướng tập trung nâng cao chất lượng, giá trị, thương hiệu của chè Thái Nguyên.
55	Đánh giá chung phần hiện trạng: được xây dựng đánh giá công phu, khoa học, tuy nhiên cần bổ sung phần kết quả thực hiện quy hoạch các ngành lĩnh vực đã thực hiện trong thời kỳ 2011-2020; bổ sung nội dung đánh giá thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại tiểu mục 9. Đánh giá chung của mục 1.1.3.3. Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản
	1.1.3. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội		
56	Cuối phần đánh giá thực trạng phát triển các ngành kinh tế, mục 1.1.3 với tiêu đề: “ <i>sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội</i> ”. Nội	GS.TS. HOÀNG VĂN	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Do mỗi doanh nghiệp

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	dung về cơ cấu ngành kinh tế nên đưa vào phần đánh giá khái quát về phát triển kinh tế chung; phần nội dung về sử dụng các yếu tố nguồn lực và doanh nghiệp nên lồng vào phần đánh giá phát triển các ngành.	CUỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	thường đăng ký kinh doanh nhiều ngành, nhiều lĩnh vực nên việc phân loại doanh nghiệp theo các ngành nghề là khó khăn. Nên Cơ quan lập quy hoạch giữ nguyên nội dung báo cáo.
57	Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xã hội: Mục này đề cập tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành kinh tế, theo thành phần kinh tế; Khả năng huy động các nguồn lực; công tác đầu tư phát triển doanh nghiệp. Các nhận định, đánh giá được dẫn giải bằng các số liệu thuyết phục. Theo tôi, nên gộp mục này vào mục 1.1.1. và đổi tên thành Tổng quan nền kinh tế thì hợp lý hơn. Sau khi phân tích về quy mô nền kinh tế thì phân tích luôn cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp tại “mục 1.1.2. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế”
	1.2. Hiện trạng phát triển các ngành và lĩnh vực xã hội		
	1.2.1. Dân số, lao động, việc làm		
58	Về tỷ lệ lao động qua đào tạo: Đề nghị thống nhất về tên chỉ tiêu, số liệu tại trang 78, trang 79 (gồm: chỉ tiêu “tỷ lệ lao động qua đào tạo” nói chung và “tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ”).	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa tại tiểu mục 1.2.1.3. Lao động việc làm của mục 1.2.1. Dân số, lao động việc làm
59	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung đánh giá về dịch chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị, lao động từ tỉnh khác đến làm việc trong các khu công nghiệp của tỉnh và lao động tỉnh Thái Nguyên đi làm việc ở các địa phương khác (ví dụ: vùng kinh tế trọng điểm miền Bắc, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam...) để làm rõ hơn về thị	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại bảng 2.2.14. Lao động đang làm việc hàng năm phân theo thành thị và nông thôn.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trường lao động, cân đối cung - cầu lao động, mức độ đáp ứng nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hiện tại cũng như dự báo về nhu cầu nhân lực, làm căn cứ luận chứng phương án phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.		
60	Về lao động, việc làm (Mục 1.2.1.3 trang 77): Đề nghị rà soát đảm bảo chính xác, thống nhất thông tin, đánh giá về nguồn nhân lực. Cụ thể: Nội dung trang 78 có nêu: “...<i>tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng từ 19,91% năm 2011 lên 28,24% năm 2020</i>”, trong khi đó nội dung trang 78 nêu: “<i>Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh năm 2010 là 43,72% đến năm 2020 là 70,01%, trong đó tỷ lệ LĐ qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 17,4% năm 2010 lên 28,2% năm 2020</i>”. Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá về lực lượng lao động phân theo trình độ so với nhu cầu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội trong tỉnh.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa tại thống nhất tại <i>mục 1.2.1.3. Lao động việc làm của mục 1.2.1. Dân số, lao động việc làm</i>
	1.2.2. Hiện trạng phát triển các ngành		
61	Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng của một số lĩnh vực xã hội: (i) Công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; (ii) Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	(i) Đã có tại mục “1.4.2. Yếu tố dân tộc, cộng đồng dân cư và lối sống”. (ii) Đã bổ sung tại mục “1.4.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại”.
62	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về công tác quản lý nhà nước, kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh; tác động của công tác cải cách hành chính đối với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp.	BỘ NỘI VỤ	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: theo điều 27 Luật Quy hoạch; điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP quy định về nội dung quy hoạch tỉnh không có nội dung công tác quản lý nhà

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nước, nên Cơ quan lập quy hoạch không bổ sung nội dung này vào báo cáo quy hoạch tỉnh. Về công tác cải cách hành hình cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung tại mục “1.5. Thực trạng công tác cải cách hành chính và mục 1.5. Giải pháp về công tác cải cách hành chính”.
	1.2.2.1. Y tế		
63	Báo cáo đã phản ánh về mạng lưới y tế, nguồn nhân lực y tế nhưng cần bổ sung kết quả khám và điều trị bệnh cho nhân dân trong những năm qua (Tình hình bệnh tật của nhân dân trên địa bàn; số lượng khám, điều trị tại cơ sở y tế công lập, y tế tư nhân; kết quả khám, chữa bệnh). Bổ sung, phân tích, đánh giá: (i) Sự đáp ứng của mạng lưới y tế, hạ tầng y tế, nguồn nhân lực với nhu cầu khám và điều trị bệnh cho nhân dân, nhất là với tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra trong thời gian qua; (ii) Khả năng kết nối các hoạt động chuẩn đoán và điều trị của các bệnh viện tuyến dưới với các bệnh viện tuyến trên.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm <i>mục 1.2.2.1. Y tế</i>
64	Phân đánh giá thực trạng y tế và chăm sóc sức khỏe đã mô tả khá đầy đủ mạng lưới các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, cần so sánh với các chỉ tiêu chung của toàn quốc và các tỉnh lân cận có điều kiện tương đồng; phải đánh giá rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu công tác khám chữa bệnh ban đầu của hệ thống y tế cơ sở; mức độ đáp ứng yêu cầu y tế của Tỉnh là trung tâm công nghiệp, tập trung lực lượng lao động lớn. Bên cạnh những khu công nghiệp và đô thị, Thái nguyên còn nhiều vùng núi, dân cư phân tán, trình độ dân trí thấp thì mạng lưới y tế cơ sở có vai trò thế nào và mức độ đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu của đồng bào.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm <i>mục 1.2.2.1. Y tế</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1.2.2.2. Giáo dục và đào tạo		
65	Báo cáo đã nhận định “Chất lượng lao động của tỉnh còn thấp, lao động nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, ... thiếu nguồn lao động kỹ thuật trình độ cao; tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Thái Nguyên tuy có cao hơn trung bình của cả nước nhưng còn khá thấp, ...; kỹ năng, tay nghề, thể lực và tác phong lao động công nghiệp yếu nên khả năng cạnh tranh thấp” (trang 80); “Thái Nguyên là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn của cả nước” (trang 90). Đề nghị bổ sung số liệu, phân tích, đánh giá: (i) Kết quả đào tạo giáo dục nghề nghiệp, cao đẳng, đại học trong những năm qua; (ii) Nhu cầu cần đào tạo; (iii) Sự đáp ứng của hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý để đáp ứng với nhu cầu cần đào tạo.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm 7. <i>đánh giá chung của tiểu mục 1.2.2.2. Giáo dục và đào tạo</i>
66	Cần sửa lại số liệu đoạn giữa trang 90 “Năm 2020 trên địa bàn tỉnh có.....10 trường đại học (chưa kể Văn phòng Đại học Thái Nguyên) thành 9 trường đại học.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa lại 1.2.2. <i>Hiện trạng phát triển các ngành, phần (4) Giáo dục Trung cấp – Cao đẳng – Đại học (do Bộ, ngành quản lý)</i>
67	Về “ngành giáo dục và đào tạo”: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để làm cơ sở đề xuất giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này trong thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	BỘ NỘI VỤ	Về thực trạng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại điểm “7. Đánh giá chung của tiểu mục 1.2.2.2. Ngành giáo dục và đào tạo”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Về giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong thời kỳ cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu bổ sung tại mục “4.3.5.3. Giải pháp về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.
68	Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 1.2.2.2 trang 87): Đề nghị rà soát lại thông tin, số liệu về diện tích đất cho các cơ sở giáo dục đại học đảm bảo chính xác, thống nhất. Cụ thể: số liệu diện tích sử dụng đất của các trường THPT tại Bảng 2.2.18 là 674.900 m ² , tuy nhiên nội dung tại trang 92 nêu: “ <i>Tổng diện tích đất sử dụng của các trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là 698.762 m²</i> ”. Ngoài ra, đề nghị bổ sung thông tin tổng diện tích đất sử dụng cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và các trung tâm giáo dục thường xuyên; bổ sung thông tin về diện tích đất trung bình/học sinh các cấp học tiểu học, THCS và THPT.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm 5. <i>Các điều kiện đảm bảo chất lượng GDĐT của tiểu mục 1.2.2.2. Ngành giáo dục và đào tạo</i>
69	Đề nghị bổ sung thông tin, đánh giá đối với giáo dục đại học (<i>cơ cấu trình độ, ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo so với/mức độ đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh,</i> .) để phân tích rõ hơn thực trạng giáo dục đại học của tỉnh. Ngoài ra, đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá đối với giáo dục chuyên biệt cho học sinh khuyết tật hoặc các trường lớp chuyên biệt cho học sinh khuyết tật để làm cơ sở đề xuất mục tiêu và phương án phát triển các trường lớp chuyên biệt cho học sinh khuyết tật trong giai đoạn tới tại các phần sau.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung đánh giá đối với giáo dục đại học về mức độ đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh, <i>tại mục 1.2.2.2. Giáo dục và đào tạo</i> Đã cập nhật giáo dục chuyên biệt cho học sinh khuyết tật và cho học sinh dân tộc trên địa bàn

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
70	Đề nghị bổ sung đánh giá về những khó khăn, hạn chế, và nguyên nhân hạn chế đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo để làm cơ sở cho việc đề xuất mục tiêu, phương án, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm 7. <i>đánh giá chung của tiểu mục 1.2.2.2. Ngành giáo dục và đào tạo</i>
71	Về giáo dục và đào tạo, báo cáo đã làm rõ thực trạng phát triển các cơ sở trường, lớp và chất lượng dạy học. Tuy nhiên, cần đánh giá rõ mức độ đáp ứng yêu cầu về cơ sở giáo dục cho trẻ em và đào tạo nghề cho người lao động các khu công nghiệp; mức độ đáp ứng về cơ sở vật chất, trường lớp cho hoạt động giáo dục ở vùng núi, vùng dân tộc.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa bổ sung tại các điểm 7. <i>đánh giá chung của tiểu mục 1.2.2.2. Ngành giáo dục và đào tạo</i>
	II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI		
72	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tỉnh Thái Nguyên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên rà soát, xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo đúng quy định tại Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây viết tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP), trong đó cần làm rõ hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất, kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt theo các chỉ tiêu sử dụng đất. Trên cơ sở đó làm căn cứ đánh giá kết quả sử dụng đất theo từng chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng huyện, để từ đó có căn cứ định hướng phân bổ sử dụng đất. Đặc biệt, cần phân tích đánh giá biến động các loại đất, trong đó cần làm rõ nguyên nhân giảm -31.955 ha đất rừng tự nhiên trong giai đoạn 2011-2020; cần phân tích kỹ hơn nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện không đúng chỉ tiêu so với được phê duyệt, đặc biệt là các chỉ tiêu thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu được phê duyệt (ví dụ đất cụm công nghiệp đạt 30,48%%, đất thương mại, dịch vụ đạt 13,03%,...).	BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.1. Hiện trạng sử dụng đất; Trong đánh giá biến động đất không có giảm 31.955 ha đất rừng tự nhiên giai đoạn 2011-2020. Về nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện không đúng chỉ tiêu so với được phê duyệt đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu bổ sung tại mục 2.1.6. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
73	Báo cáo đã đề cập khá chi tiết, đầy đủ tình hình quỹ đất, từng loại đất theo mục đích sử dụng và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến 2020 của Tỉnh. Tuy nhiên, cần chỉ ra xu hướng biến động, mối quan hệ giữa các chỉ tiêu sử dụng đất với tốc độ phát triển các hoạt động sử dụng các loại đất làm căn cứ dự báo nhu cầu sử dụng đất theo mức độ phát triển của các hoạt động kinh tế trong tương lai.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.1.5. Biến động đất đai
74	Hiện trạng sử dụng đất: Việc đánh giá các chỉ tiêu của tỉnh, cần so sánh với số liệu công bố tại Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2019.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã thực hiện đánh giá Hiện trạng sử dụng đất đến 31/12/2020 và so sánh với các kỳ thống kê đất đai năm 2010, 2015 theo Quyết định số 1435/QĐ-BTNMT ngày 22/7/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2019 và Quy định của Luật Đất đai năm 2013.
	2.1. Hiện trạng sử dụng đất		
75	Báo cáo đã cập nhật số liệu kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu các loại đất đã được Chính phủ giao cho tỉnh Thái Nguyên kỳ cuối đến năm 2020 (Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 10/5/2018). Đề nghị bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá tính hợp lý, hiệu quả sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 (Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ) và kế hoạch sử dụng đất theo từng kỳ 2011 - 2015, 2016 - 2020; (ii) Phân tích những tồn tại, hạn chế cần phải giải quyết và thay đổi để đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã tiếp thu, bổ sung tại mục “2.3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.1.4. Biến động đất đai		
76	Tại “Bảng 2.22. Biến động đất đai tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010- 2020” (trang 108 Dự thảo Báo cáo), đề nghị bổ sung số liệu đất CCN.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã tiếp thu, bổ sung tại mục “2.2. Biến động đất đai”.
	2.1.5. Đánh giá kết quả thực hiện QH SDD		
77	Theo bảng đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất chỉ có chỉ tiêu đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất thực hiện vượt; chỉ tiêu rừng đặc dụng không đạt chỉ tiêu quy hoạch; các chỉ tiêu còn lại đều còn diện tích cho phép thực hiện, đặc biệt là các chỉ tiêu phi nông nghiệp (công nghiệp, hạ tầng...), như vậy các nhận định đánh giá đều tồn tại như báo cáo nêu là thiếu thực tế, mang tính chủ quan: - Dự báo nhu cầu SDD và kế hoạch sử dụng đất chưa lường hết được khả năng biến động SDD của từng ngành, lĩnh vực, đặc biệt là nhu cầu SDD không ngừng tăng lên trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đầu tư nước ngoài làm cho nhu cầu SDD không ngừng tăng lên. - QH phát triển các ngành không đồng bộ với QH SDD, thiếu tính liên kết vùng nên chưa phát huy được hiệu quả. - QH, kế hoạch SDD dựa trên phương hướng tổng hợp, cân đối nhu cầu SDD của các ngành, các cấp; trong khi việc nắm bắt thông tin và dự báo nhu cầu SDD của các ngành, các cấp còn hạn chế, độ chính xác chưa cao; kế hoạch SDD chưa sát với nhu cầu sử dụng đất, không phù hợp với tiến độ các công trình, dự án. Một số công trình, dự án phát sinh ngoài QH dẫn đến một số chỉ tiêu QH SDD không phù hợp. - Việc quản lý, thực hiện QH SDD sau khi được phê duyệt	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 2.3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>một số địa phương chưa thực sự được coi trọng. Tình trạng SDD sai với QH, kế hoạch được duyệt vẫn còn xảy ra. - Chất lượng của công tác lập, thẩm định, phê duyệt QH còn thấp, nên các QH chỉnh sửa, bổ sung thường xuyên.</i> <i>- Thiếu kinh phí trong việc tổ chức triển khai thực hiện sau khi QH, kế hoạch SDD được phê duyệt như: Không có kinh phí để tổ chức xác định, cắm mốc QH bảo vệ đất trồng lúa; đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng trên thực địa; thiếu kinh phí để thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án.</i> Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 của tỉnh Thái Nguyên cần đánh giá làm rõ chi tiết các loại đất, đặc biệt nhóm các loại đất thực hiện thấp (dưới 50%) hoặc vượt chỉ tiêu quy hoạch về nguyên nhân, làm cơ sở để quy hoạch các chỉ tiêu này cho thời kỳ 2021-2030.		
78	Bảng 2.2.23 trang 112; mục 2.8 Đất phát triển hạ tầng phần chi tiết diễn giải cần đưa vào cho đầy đủ. Trong bảng còn thiếu đất hạ tầng giao thông, thủy lợi, công trình năng lượng, đất chợ, công trình tôn giáo, nghĩa trang, ...	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã xác định các loại đất hạ tầng đúng theo quy định tại điểm 7, khoản 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP.
	2.2. Đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
79	Nên viết theo loại hình sử dụng đất nông nghiệp và thể hiện rõ không gian phân bố, hiện viết theo loại thổ nhưỡng không phù hợp; đồng thời cần làm rõ phương pháp xác định tiềm năng để tăng tính thuyết phục. Ngoài ra cần có bản đồ thể hiện tiềm năng đất, làm cơ sở để bố trí sử dụng đất phù hợp với tiềm năng của tỉnh.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện tại mục 2.2.1. Theo mục đích phát triển NN Thuộc mục 2.2. Đánh giá tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng
	2.2.3. Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai		
80	Cần đánh giá hiệu quả sử dụng đất không chỉ dừng lại ở mức giá trị tạo ra trên mỗi ha đất đai mà phải đánh giá được hiệu quả mang lại của việc chuyển đổi từ loại đất này sang các loại đất khác và so sánh mức độ khai thác các tiềm năng lợi thế của đất đai. Đánh giá mức độ khai thác các lợi thế về tài nguyên đất cho phát triển du lịch, phát triển các sản phẩm đặc sản như chè, phát triển các ngành dịch vụ và hạ tầng cho phát triển logistic. Mục 2.2.3 với tiêu đề “ <i>bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai</i> ” với nội dung chỉ có một bảng số liệu, không rõ ý đồ của phần này là gì?. Phần hạn chế và nguyên nhân trong sử dụng đất có nêu sự không đồng bộ giữa phát triển các ngành và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất chưa phù hợp Cần nêu cụ thể chưa phù hợp chỗ nào để làm cơ sở cho điều chỉnh trong hướng quy hoạch tới. Việc kết luận do thiếu kinh phí tổ chức cắm mốc giới quy hoạch bảo vệ đất trồng lúa cần xem lại, kể cả có tiền thì có triển khai cắm mốc giới được không?	GS.TS. HOÀNG VĂN CUÔNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đánh giá hiệu quả sử dụng đất đã được lồng ghép vào mục “2.3. Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất”.
	III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG		
81	Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và hệ thống nông thôn mới nêu được hiện trạng, cần bổ sung thêm nội dung: (i) Sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn;	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung tại mục 3.1, 3.2, 3.3 của III. <i>Thực trạng phát triển hệ thống</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(ii) Đánh giá thực trạng liên kết đô thị với nông thôn của tỉnh trong xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn; (iii) Đánh giá tổng quát những khó khăn, hạn chế của hệ thống đô thị - nông thôn toàn tỉnh và nguyên nhân của những hạn chế đã nêu.	Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	<i>đô thị, nông thôn và các khu chức năng</i>
82	Việc đề cập hệ thống đô thị của tỉnh trong Báo cáo còn quá sơ sài, đề nghị bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội từng đô thị trong tỉnh; (ii) Số liệu để phân tích, đánh giá sự tăng trưởng đô thị giai đoạn 2011 - 2020; sự phân bố không gian của hệ thống đô thị; (iii) Những hạn chế, tồn tại trong phát triển đô thị và nông thôn thời gian qua; (iv) Nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, tồn tại, hạn chế.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại mục <i>“III. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng”</i> .
83	Đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội đối với vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã có tại <i>“mục 1.4.2. Yếu tố dân tộc, cộng đồng dân cư và lối sống”</i> .
84	Báo cáo đã đề cập khá đầy đủ thực trạng phát triển các khu đô thị, tình hình xây dựng nông thôn mới và các khu chức năng. Tuy nhiên, cần phân tích sâu hơn mối quan hệ giữa phát triển các đô thị với việc hình thành các trung tâm kinh tế và làm rõ lý do xu hướng và tốc độ phát triển đô thị trong thời gian qua chậm trong khi tốc độ tăng trưởng kinh tế cao để làm cơ sở dự báo tốc độ đô thị hóa trong tương lai. Việc đánh giá phát triển nông thôn (không rõ khái niệm hệ thống nông thôn là ngụ ý gì?) cần đánh giá kỹ hơn sự phân bố các cụm, điểm dân cư nông thôn để chỉ ra được những vấn đề cần quy hoạch để các khu dân cư nông thôn đạt được các tiêu chí nông thôn mới văn minh, hiện đại phù hợp với điều kiện đặc thù của Thái Nguyên.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu bổ sung tại <i>III. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng</i> .

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng		
85	Đối với các khu chức năng: như công nghiệp, cụm công nghiệp cần phân tích kỹ về quá trình hình thành phát triển, đất đai, tỷ lệ lấp đầy, hạ tầng trong các khu chức năng, các tồn tại, các ưu điểm. Đồng thời phân tích kết quả thực hiện quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng trong thời kỳ quy hoạch qua.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiểu mục 3.4.1. Khu công nghiệp và 3.4.3. Cụm công nghiệp của mục 3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng
86	Báo cáo đã có đánh giá hiện trạng các khu chức năng, bao gồm cả khu chức năng có tính chất sản xuất, dịch vụ như khu công nghiệp, du lịch là yếu tố động lực tác động đến phân bố không gian các kết cấu hạ tầng quan trọng của tỉnh như giao thông, điện, cấp thoát nước. Tuy nhiên, nội dung này cần phải được đánh giá kỹ hơn về mặt phát sinh, thu hút các nhu cầu vật chất (ví dụ như từng KCN thu hút bao nhiêu lao động, sản xuất ra các loại hàng hoá gì, cung cấp đi đâu, giá trị bao nhiêu, từng khu/điểm du lịch lớn thu hút bao nhiêu khách tham quan hàng năm, ...). Đó mới là các phân tích có giá trị tác động đến phân bố không gian các kết cấu hạ tầng phục vụ nó, hơn là việc chỉ liệt kê ra tên, vị trí và chỉ thông tin về diện tích của khu chức năng.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung đánh giá kỹ hơn về hiện trạng các khu chức năng tại mục III. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng
87	Đánh giá thực trạng các khu chức năng trên địa bàn tỉnh cần phân thành từng nhóm: (i) khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; (ii) khu du lịch, khu thể dục thể thao...; (iii) khu đào tạo, khu nghiên cứu, để làm cơ sở xây dựng các nội dung đề xuất có liên quan được tích hợp vào quy hoạch tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiểu mục 3.4.1. Khu công nghiệp và 3.4.3. Cụm công nghiệp của mục 3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng
88	Hiện trạng các khu chức năng mới nêu được hiện trạng, cần bổ sung các nội dung đánh giá: (i) Sự phù hợp về quy mô phát triển của các khu chức năng, nhất là các công trình trọng điểm; (ii) Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ đối với các khu; (iii) Đánh giá tổng	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng,	Đã bổ sung đánh giá kỹ hơn về hiện trạng các khu chức năng tại mục III. Hiện trạng phát triển hệ

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quát những khó khăn, hạn chế của các khu chức năng và nguyên nhân của những hạn chế nêu trên.	viện Điều tra quy hoạch rừng)	<i>thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng</i>
89	Trong thời kỳ quy hoạch, Báo cáo đã quy hoạch thành lập mới các khu chức năng. Đề nghị phân tích, đánh giá hiện trạng của các khu chức năng được quy hoạch thành lập mới: - (i) 4 khu công nghiệp: Yên Bình 2, Yên Bình 3, Thượng Đình, Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Tây Phổ Yên; - (ii) 28 cụm công nghiệp; - (iii) 17 dự án thể dục, thể thao; - (iv) 11 khu đô thị sinh thái, tổ hợp thể thao; - (v) 5 khu du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng; - (vi) 5 khu nông nghiệp, chăn nuôi.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã bổ sung theo ý kiến góp ý vào Tổng hợp QH tỉnh Thái Nguyên (Tại tiểu mục 2.4.1.2. Dự báo triển vọng phát triển và 2.4.1.3. Định hướng phát triển của mục 2.4.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp).
90	Về các khu chức năng, cần đánh giá sâu hơn tiềm năng của mỗi khu công nghiệp và các cụm công nghiệp để làm rõ nguyên nhân trong khi các khu CN lấp đầy tới 75% diện tích thì các cụm CN chỉ lấp đầy khoảng 44%?. Đồng thời chỉ ra tiềm năng có thể thu hút trong tương lai theo quy mô bề rộng hay chiều sâu?. Đánh giá thêm nhu cầu và thực trạng phát triển các khu chức năng phục vụ phát triển hình thành các trung tâm logistic và giới thiệu sản phẩm của Tỉnh và Vùng.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Do là quy hoạch tổng thể nên các khu công nghiệp và cụm công nghiệp cơ bản đã được nghiên cứu thống nhất giữa UBND địa phương, sở ban ngành và đơn vị tư vấn trong quá trình xây dựng quy hoạch. Các KCN và CCN được lựa chọn trên cơ sở vị trí thuận lợi trong thu hút đầu tư, gần hệ thống hạ tầng (giao thông, cấp điện, nước,...), sử dụng đất nông nghiệp (nếu có) có năng suất thấp, không sử dụng đất ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, không ảnh hưởng đến các công trình văn hoá,... phù

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hợp với quy hoạch sử dụng đất tỉnh Thái Nguyên và định hướng phát triển KT-XH của các huyện, thành phố. Đối với việc phát triển các khu logictis, chợ đầu mối, Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã bổ sung trong Phương án phát triển dịch vụ.
91	Đối với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, cần bổ sung đánh giá cụ thể về các nội dung: (i) Số lượng, diện tích, kết cấu hạ tầng kỹ thuật của các KCN, cụm CN; (ii) Việc kết nối cơ sở hạ tầng của các KCN, cụm CN với hệ thống hạ tầng của địa phương; (iii) lực lượng lao động; nhà ở cho lực lượng lao động, cũng như các công trình tiện ích phục vụ.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu. Nội dung về số lượng, diện tích, kết cấu hạ tầng các KCN, CCN,... đã có trong nội dung Hợp phần báo cáo “Phương án phát triển hệ thống KCN, CCN, KCNC thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, đã nghiên cứu đưa thêm các nội dung theo ý kiến góp ý vào bản tổng hợp quy hoạch tỉnh Thái Nguyên (tại mục 3.4.1; 3.4.2 và 3.4.3-Hiện trạng KCN, CCN).
	3.4.1. Khu công nghiệp		
92	Đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng của nền kinh tế trong những năm qua của tỉnh là công nghiệp, trong đó giá trị tăng thêm công nghiệp chủ yếu là ở sản xuất của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong khu công nghiệp. Trong Báo cáo đã thống kê số liệu và sơ bộ đánh giá, phân tích về tình hình công nhân, người lao động và nhà ở (trang 186), tình hình cấp nước, xử	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu. Nội dung này đã có trong nội dung Hợp phần báo cáo “Phương án phát triển hệ thống KCN, CCN, KCNC thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	lý nước thải tại các khu công nghiệp (trang 173), đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng hạ tầng của các khu công nghiệp (hạ tầng giao thông, cấp điện, chất thải, ...), an ninh trật tự.		2050”, đã nghiên cứu bổ sung thêm nội dung về phân tích đánh giá thực trạng hạ tầng của các khu công nghiệp tại mục 3.4.1. Khu công nghiệp (giao thông, cấp điện, chất thải,...) vào nội dung tổng hợp quy hoạch.
93	Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn Tỉnh giai đoạn vừa qua; Bổ sung thực trạng về lao động, chất lượng lao động ngành công nghiệp, quy mô sản xuất, trình độ công nghệ trong ngành công nghiệp, tình hình đầu tư, cơ cấu thành phần kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp thời gian vừa qua.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu và đã bổ sung theo ý kiến góp ý vào mục 1.1.2.1. (Hiện trạng phát triển ngành công nghiệp và đánh giá phát triển ngành công nghiệp thời kỳ 2011-2020) theo ý kiến góp ý.
	3.4.3. Cụm công nghiệp		
94	Đề nghị bổ sung đánh giá về cụm công nghiệp (quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp)	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã bổ sung thêm vào nội dung quy hoạch tại mục 3.4.3. Cụm công nghiệp theo ý kiến góp ý phù hợp với NĐ 66/2020/NĐ-CP và NĐ 68/2017/NĐ-CP.
95	- Đánh giá hiện trạng, tiến độ xây dựng, hiệu quả đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn; đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, công tác bảo vệ môi trường, biện pháp xử lý môi trường, hiệu quả kinh tế - xã hội của từng cụm công nghiệp; những mặt đạt được, hạn chế và nguyên nhân.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã bổ sung thêm vào bản tổng hợp theo ý kiến góp ý (Tại mục 3.4.1 và 3.4.3 (Hiện trạng phát triển KCN và CCN).
96	Tại phần “Hiện trạng phát triển CCN” (trang 123-124 Dự thảo), đề nghị bổ sung, làm rõ số liệu về tình hình thành lập, hoạt động (tên,	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu. Trong “Hợp phần về KCN

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	diện tích, số lượng CCN), ngành nghề chủ yếu; đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội, những mặt đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại trong phát triển CCN trên địa bàn tỉnh thời gian qua.		CCN” đã có các nội dung này, CQLQH đã nghiên cứu và bổ sung thêm để làm nổi bật hơn nội dung hiện trạng phát triển CCN tại mục 3.4.3. Cụm công nghiệp trong nội dung bản tổng hợp QH Tỉnh.
	3.4.4. Khu thể thao, văn hóa		
97	Báo cáo mới thống kê các khu chức năng và diện tích của từng khu, đề nghị phân tích hiện trạng của từng khu, tình hình đầu tư xây dựng và thực tế hoạt động của từng khu chức năng.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh tiếp thu, đã bổ sung <i>tại mục 3.4.4. Khu thể thao, văn hóa (thuộc mục 3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng)</i> Báo cáo đã bổ sung thông tin hiện trạng một số khu chức năng nổi bật có vai trò quan trọng như (khu du lịch QG hồ Núi Cốc, ATK Định Hoá và một số khu du lịch khác.
	3.4.6. Khu chức năng du lịch		
98	Về tài nguyên du lịch cần đánh giá kỹ về tiềm năng, lợi thế những đặc điểm khác biệt của hồ Núi Cốc kết hợp với những đặc trưng văn hoá riêng có, khác biệt cũng những những loại vật phẩm truyền thống đặc sắc để tạo nên tiềm năng thu hút, phát triển du lịch của Thái Nguyên.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.4.6. <i>Khu chức năng du lịch</i> của mục 3.4. <i>Hiện trạng phát triển các khu chức năng</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
99	Cần đánh giá kỹ hơn các tiềm năng phát triển du lịch của Thái Nguyên như hồ Núi Cốc, Khu ATK và các sản phẩm đặc sản, văn hóa truyền thống đặc sắc của địa phương: cần đánh giá mức độ khai thác các tiềm năng này và khả năng phát triển các hoạt động du lịch tiềm năng để làm cơ sở định hướng cho quy hoạch và thu hút đầu tư.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại tiểu mục 3.4.6. <i>Khu chức năng du lịch</i> của mục 3.4. <i>Hiện trạng phát triển các khu chức năng</i>
	IV. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
100	Báo cáo đã sơ bộ đánh giá về hiện trạng, đề nghị bổ sung trong từng ngành, lĩnh vực: (i) Đánh giá về chất lượng, mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống hạ tầng trong phát triển kinh tế - xã hội và sinh hoạt của người dân; (ii) Tình hình đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thời kỳ 2011 - 2020; (iii) Đánh giá những điểm nghẽn, sự tồn tại.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	- Trong báo cáo đã thể hiện những nội dung này tại mục “IV. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật” và mục “V. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội”.
101	Được đánh giá khá chi tiết đầy đủ, tuy nhiên cần bổ sung phần đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch phát triển hạ tầng thời kỳ quy hoạch 2011-2020.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này
	4.1. Hiện trạng phát triển mạng lưới giao thông		
102	Được đánh giá khá chi tiết, đầy đủ, tuy nhiên cần bổ sung đánh giá mật độ đường giao thông (cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ...): km đường/km ² trên địa bàn tỉnh và các huyện, đồng thời so sánh với vùng và cả nước làm cơ sở định hướng quy hoạch.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại Bảng 2.2.35. So sánh mật độ quốc lộ và đường tỉnh Thái Nguyên.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
103	Về cấu trúc nội dung, trước khi đi vào chi tiết từng kết cấu hạ tầng, báo cáo cần bổ sung cái nhìn tổng thể hệ thống giao thông bao gồm đường bộ, đường sắt, đường sông trên địa bàn (kể cả hàng không và cảng biển kết nối từ đâu đến đâu), một số nét về hoạt động vận tải. + Đề nghị sắp xếp lại Mục 4.1.1.2 <i>Hệ thống giao thông đường sắt liên kết vùng</i> và 4.1.1.3 <i>Hệ thống giao thông đường thủy liên kết vùng</i> đang đặt không đúng vị trí (trong mục của đường bộ) và trùng với nội dung tại mục 4.1.2.2 và 4.1.2.3. + Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước, nhằm rút ra những ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân và bài học để phát huy, khắc phục trong phương án quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030. + Báo cáo chưa có thông tin để so sánh đánh giá mật độ đường, quy mô đường so với các tỉnh trong vùng. Đề nghị bổ sung nội dung này. + Báo cáo đã có đánh giá liên kết hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với vùng Trung du miền núi phía Bắc nhưng chưa có đánh giá thực trạng liên kết ngành giữa đường bộ, đường sắt, cảng thủy với nhau, giữa hạ tầng giao thông với một số hạ tầng quan trọng khác của tỉnh như công nghiệp, du lịch. Đề nghị bổ sung nội dung này.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại mục 4.1. Hiện trạng phát triển mạng lưới giao thông
104	Báo cáo đã mô tả hiện trạng giao thông của tỉnh, để đánh giá được hiện trạng phát triển giao thông trong tỉnh, đề nghị phân tích, đánh giá: (i) Sự kết nối, sự phân bố về không gian của mạng lưới giao thông; (ii) Tình hình đầu tư, phát triển mạng lưới giao thông trong	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trong phụ lục về phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thời kỳ 2011 - 2020 (về cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới); (iii) Đánh giá về sự đáp ứng, điểm nghẽn của mạng lưới giao thông, đưa ra những tồn tại, hạn chế (chưa liên tục về kết nối, bị đứt quãng; ùn tắc giao thông, áp lực lên trục hướng tâm, kết nối với phương thức vận tải khác như đường sắt, đường thủy; mật độ; tiêu chuẩn còn thấp, chất lượng kém; tỷ lệ đường đô thị, đường tỉnh, đường chuyên dùng còn thấp hoặc thiếu; ...).		thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
105	Đề nghị bổ sung đánh giá công tác quản lý hành lang và đầu nối đường bộ vào quy hoạch.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung tại mục 4.1.4.3. Đánh giá về công tác quản lý hành lang giao thông.
106	Đề nghị bổ sung số liệu về các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh trên địa bàn và phân tích, đánh giá làm cơ sở xây dựng quy hoạch tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo mục 6, Phụ lục 2, văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung tại mục 4.1.2.4. Hiện trạng các công trình hạ tầng giao thông khác.
107	Đường thủy nội địa: đề nghị rà soát, cập nhật hiện trạng các bến cảng đang khai thác với các thông số chiều dài bến, cỡ tàu, lượng hàng thông qua; đánh giá sơ bộ giữa hiện trạng và quy hoạch.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 4.1.2.3. Hiện trạng giao thông đường thủy
108	Đường sắt: Đề nghị bổ sung nội dung về đánh giá quy hoạch đường sắt thời kỳ trước qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24/8/2015).	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu trong báo cáo đã thể hiện những nội dung này tại mục 4.1.2.2. Giao thông đường sắt.
	4.2. Hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện		
109	Báo cáo đã mô tả và sơ bộ đánh giá về hệ thống mạng lưới điện của tỉnh năm 2020 (Xem xét, bổ sung: Nhà máy thủy điện Hồ Núi Cốc vào Bảng 2.2.34 - trang 140 để phù hợp với tiêu đề trích dẫn của Bảng và phân thuyết minh; Tiêu đề của Bảng 2.2.35 là Thống	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	- Cơ quan lập Quy hoạch Tiếp thu và đã rà soát, hiệu chỉnh lại báo cáo tại mục 4.2. Hiện trạng phát triển mạng lưới cấp điện.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	kê mạng tải đường dây 220KV nhưng trong nội dung của Bảng lại có đường dây 500KV; ...), để đánh giá được sự phát triển của hệ thống mạng lưới điện giai đoạn 2011 - 2020 và sự đáp ứng của hệ thống mạng lưới điện hiện tại làm cơ sở dự báo cho nhu cầu và định hướng quy hoạch cho giai đoạn 2021 - 2030, đề nghị: (i) Phân tích, đánh giá sự phát triển của hệ thống mạng lưới điện giai đoạn 2011 - 2020; (ii) Sự đáp ứng của hệ thống mạng lưới điện cho nhu cầu phát triển với tốc độ nhanh của ngành công nghiệp trong những năm qua; (iii) Bổ sung số liệu, phân tích, đánh giá tình hình cấp điện cho các hộ dân nông thôn, miền núi của tỉnh theo Quyết định số 1740/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.		- Theo số liệu cập nhật từ Công ty điện lực Thái Nguyên. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, 100% số xã được cấp điện từ lưới điện quốc gia; 99,99% số hộ có điện lưới quốc gia, chỉ còn 8 hộ ở huyện Định Hóa chưa được cấp điện. Nguyên nhân chủ yếu do tập quán du canh du cư của các hộ dân.
	4.3. Hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông		
	4.3.3. Mạng lưới thông tin và truyền thông		
110	Trang 152, Hệ thống thư điện tử công vụ, đề nghị chỉnh sửa nội dung “ <i>Đã được XD và đưa vào vận hành thống nhất toàn tỉnh. Với 100% cán bộ công chức có hộp thư tài khoản thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc</i> ” thành “ <i>Hệ thống thư điện tử được vận hành thống nhất và sử dụng hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh. 100%) cán bộ, công chức có tài khoản thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc</i> ”.	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa (tại điểm 4.3.2.1. Phần mềm, ứng dụng dùng chung, mục IV. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mục 2. Đánh giá hiện trạng phát triển tỉnh Thái Nguyên).
	4.4. Hiện trạng phát triển mạng lưới thủy lợi		
	4.4.1. Đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng thủy lợi		
	4.4.1.3. Hiện trạng công trình tiêu nước		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
111	Đang được phân tích đánh giá trùng lặp tại mục 4.4.1.3. trang 165 và mục 4.5.2. trang 175.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa và hiện theo nội dung góp ý
	4.8. Thực trạng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ		
112	Bổ sung phân tích, đánh giá về kết cấu hạ tầng phòng cháy, chữa cháy	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung tại mục 4.8. <i>Thực trạng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ</i>
	V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI.		
113	Đối với nội dung đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh cần bổ sung: phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển xã hội nói chung, bao gồm cả tình trạng di cư, trật tự an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không còn hiện trạng di dân tự do nên trong báo cáo quy hoạch tỉnh không nêu chi tiết nội dung này Về trật tự an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung tại mục 1.4.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại.
114	Cần nhắc việc đưa nội dung về nhà ở, du lịch, dịch vụ thương mại vào phần này. Đối với nội dung nhà ở cần làm rõ việc sử dụng quỹ đất phân lô bán nền sử dụng như thế nào trong thời gian qua, có tình trạng bỏ không gây lãng phí đất đai hay không?	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh cho rằng: Việc đưa nội dung về nhà ở, du lịch, dịch vụ thương mại vào phần Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội là cần thiết, đây là các hạ tầng trực tiếp

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phục vụ nhu cầu ở, dịch vụ cho người dân, xã hội. Tình trạng phân lô, bán nền gây lãng phí không phổ biến ở Thái Nguyên, do vậy phần thực trạng, Báo cáo không đề cập đến.
115	Về các nội dung y tế, văn hóa, giáo dục cần làm rõ theo thiết chế văn hóa đã đáp ứng được yêu cầu chưa và làm rõ các vấn đề cần đặt ra cho các lĩnh vực này.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Thuyết minh báo cáo quy hoạch ở nội dung này đã đề cập tại 1.2.2.3. Văn hóa – thể thao
116	Đề nghị đánh giá kỹ hơn về số lượng cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng xã hội, quy mô, về phân bố không gian, sử dụng đất, mức độ đáp ứng nhu cầu hiện tại, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục V. Hiện trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
117	Đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng kết cấu hạ tầng xã hội khác như các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (thuộc quy hoạch ngành quốc gia do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập theo Luật Quy hoạch) và hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP), làm cơ sở đưa ra phương án phát triển các kết cấu hạ tầng này trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung thêm 5.2. <i>Kết cấu hạ tầng lao động, việc làm, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	5.4. Kết cấu hạ tầng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ.		
118	Về kết cấu hạ tầng giáo dục, đào tạo (Mục 5.3.1) : Đề nghị bổ sung làm rõ thêm thực trạng về phân bố không gian mạng lưới trường từng địa bàn tỉnh (địa điểm và diện tích cụ thể) cho các cơ sở giáo dục để thấy rõ hơn bức tranh mạng lưới cơ sở giáo dục của tỉnh; đánh giá thừa thiếu trường lớp ở từng địa bàn tỉnh so với quy mô dân số, mức độ đáp ứng của hạ tầng giáo dục với nhu cầu giáo dục của người dân và yêu cầu phát triển của tỉnh; bổ sung đánh giá kết quả triển khai các quy hoạch đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; đánh giá sự liên kết, đồng bộ, sự phù hợp của hệ thống hạ tầng giáo dục và đào tạo với các hệ thống kết cấu hạ tầng khác của thành phố (như hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, công nghệ thông tin,...); đánh giá những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, tồn tại các yếu tố tác động đến mạng lưới trường lớp và hạ tầng giáo dục và đào tạo để làm căn cứ, cơ sở lập quy hoạch trong giai đoạn tới.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại <i>mục 5.4.1. Giáo dục, đào tạo</i>
119	Đề nghị bổ sung thông tin, dữ liệu hạ tầng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh; đánh giá vai trò, sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh với cả vùng và cả nước (<i>Đại học Thái Nguyên là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực lớn của cả nước</i>) để làm rõ hơn hiện trạng hạ tầng giáo dục đại học của tỉnh.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại <i>mục 5.4.1. Giáo dục, đào tạo</i>
120	Báo cáo đã mô tả về hệ thống hạ tầng, đề nghị bổ sung trong kết cấu hạ tầng y tế; giáo dục, đào tạo; văn hóa, thể thao, du lịch; dịch vụ, thương mại: (i) Đánh giá về hệ thống cơ sở vật chất hiện tại; (ii) Sự đáp ứng của hệ thống kết cấu hạ tầng với nhu cầu hiện tại của địa phương và vùng; (iii) Đánh giá sự tồn tại, hạn chế của hệ	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung tại các báo cáo chuyên đề về hạ tầng y tế; giáo dục, đào tạo; văn hóa, thể

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thống kết cấu hạ tầng; (iv) Phân tích những tồn tại, hạn chế dẫn đến “... số lượng công nhân kỹ thuật được đào tạo hàng năm chưa đủ cung cấp cho địa bàn và các tỉnh, vùng xung quanh” theo nhận định của Báo cáo (trang 191).		thao, du lịch; dịch vụ, thương mại.
	5.5. Kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch		
121	Đề nghị bổ sung làm rõ hiện trạng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; trong đó, phân tích, đánh giá cụ thể về các ngành công nghiệp văn hóa là thế mạnh của tỉnh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu bổ sung các định hướng, giải pháp đầu tư phát triển các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với tiềm năng sẵn có của địa phương, tập trung bám sát các nhiệm vụ tại Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và kế hoạch của tỉnh Thái Nguyên đã ban hành để triển khai Chiến lược này nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung: tại điểm 3. <i>Công nghiệp văn hoá, mục 1.2.2.3 Văn hoá - Thể thao (thuộc mục 1.2.2. Hiện trạng phát triển các ngành) và điểm c mục 1.2.5. Phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao.</i>
122	Về hiện trạng phát triển khu du lịch, cần đánh giá cụ thể, chi tiết hơn về hiện trạng phát triển du lịch tại Khu du lịch quốc gia hồ Núi Cốc để làm rõ một số nội dung như: số lượng, thị trường khách du lịch; cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch; phát triển sản phẩm du lịch...	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung tại mục tại mục 3.4.6. <i>Khu chức năng du lịch (thuộc mục 3.4. Hiện trạng phát triển các khu chức năng)</i>
123	Một số nội dung tại Báo cáo giải trình chưa thống nhất với Báo cáo tổng hợp, như: ý kiến đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa tại Báo cáo giải trình nêu đã tiếp thu tại các trang 91-93 của Báo cáo tổng hợp nhưng tại Báo cáo tổng hợp, nội dung này được thể hiện tại các trang 94-96...	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung tại điểm 1. <i>Về văn hóa mục 1.2.2.3. Văn hoá Thể thao (thuộc mục 1.2. Hiện trạng phát triển các ngành và lĩnh vực xã hội) trong báo cáo TH xin ý kiến lần trước.</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	VI. HIỆN TRẠNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
	6.1. Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
124	Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, đã nêu được hiện trạng, tuy nhiên cần bổ sung nội dung về những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại mục “6.1. Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học”.
125	Phần này cần đánh giá theo các nội dung đã phân tích từ phần hiện trạng - Điểm mạnh: cần bổ sung điểm mạnh về tài nguyên du lịch, giàu tài nguyên khoáng sản, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng TDMN, về nông nghiệp có vùng trồng chè có chất lượng cao.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại mục “2.1. Phân tích SWOT”.
126	Bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Mục 1 Chương III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại mục “6.1. Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học”.
127	Theo Quyết định số 1976/QĐ- TTg, ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỉnh Thái	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 6.1.4. Môi

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nguyên có 4 khu rừng đặc dụng: Vườn quốc gia Tam Đảo, phần của tỉnh Thái Nguyên có diện tích là 11.446,0 ha; khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa-Phượng Hoàng 17.639,0 ha; khu Bảo vệ cảnh quan ATK Định Hoá 8.758,0 ha; khu Dữ trữ thiên nhiên Hồ Núi Cốc 6.000,0 ha, đề nghị rà soát lại: diện tích các KBT(trang 207-208); đối với KBTTN Hồ Núi Cốc rà soát Quyết định để loại bỏ KBT này; kiểm tra diện tích rừng đặc dụng tại Bảng 2.6.54 (trang 530-531) và số liệu tại trang 610 để thống nhất. Ngoài ra 5 khu có tính ĐDSH cao và cảnh quan đẹp của tỉnh đề xuất, cần bổ sung thêm diện tích mỗi khu và tình hình quản lý, bảo vệ (trang 210-211).	Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	trường tự nhiên và đa dạng sinh học Riêng đối với mục nhận định 5 khu có tính ĐDSH cao và cảnh quan đẹp không đưa vào đánh giá, vì hiện trạng đã thay đổi, không còn phù hợp.
128	Hiện trạng về quản lý chất thải, cần bổ sung phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn việc thực hiện chỉ tiêu trong quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường (trang 213), phân tích các nguyên nhân, nhất là các chỉ tiêu không đạt được hoặc đạt thấp, như thu gom xử lý nước thải sinh hoạt đạt 7,7% so với chỉ tiêu 60%...	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục “6.1. Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học”.
	6.2. Hiện trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên		
	6.3. Hiện trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên (khoáng sản)		
129	Bổ sung nội dung đánh giá về thực trạng công tác quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu, bổ sung tại mục “6.3.4. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản cấp tỉnh trên địa bàn”.
130	Bổ sung: (i) Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Mục 1 Chương III Thông tư số	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	(i) Phân tích, đánh giá thực trạng môi trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Mục 1 Chương

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); (ii) Đánh giá thực trạng bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn Tỉnh; (iii) Phân tích, đánh giá hiện trạng vị trí các khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư, thăm dò, khai thác trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030.		III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) đã được tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 6.1. Hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
	6.5. Hiện trạng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu		
131	Báo cáo đã cập nhật về tình hình diễn biến thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn trong những năm qua (trang 230 - 235), đề nghị bổ sung: (i) Đưa ra số liệu bị ảnh hưởng (về đời sống nhân dân, nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, ...), tình hình xử lý, các biện pháp khắc phục, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, ...) trong những năm qua; (ii) Phân tích những tồn tại, bất cập trong xử lý, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai trong thời gian vừa qua.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã cập nhật và bổ sung trong mục 6.5.3. <i>Thực trạng công tác phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH và 6.5.4. Phân tích những tồn tại, bất cập trong xử lý, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai trong thời gian vừa qua.</i>
	MỤC 3. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP		
132	Đánh giá tổng hợp, cần bổ sung: những nguyên nhân các kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá phải bao gồm các mặt trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại “mục 1.2. Nguyên nhân của mục 3. Đánh giá tổng hợp”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	II. PHÂN TÍCH SWOT VÀ XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG QUY HOẠCH TỈNH		
	2.1. Phân tích SWOT		
133	Tôi đánh giá cao báo cáo đã đề cập đến những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức và phân tích tổng hợp trong ma trận SOWT để tìm ra các hướng chiến lược làm định hướng quy hoạch. Tuy nhiên, các nội dung nhận định về điểm mạnh. Điểm yếu, cơ hội thách thức chưa thực sự nói nên những đặc trưng của Tỉnh cũng như những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của Tỉnh trong tương lai. Nên cần nhắc bổ sung các điểm mạnh của Tỉnh những điểm mạnh của Tỉnh như: nguồn mỏ quặng cho công nghiệp khai thác và luyện kim là trung tâm công nghiệp lâu đời; có các nhà đầu tư FDI lớn là động lực phát triển kinh tế của Tỉnh; có các sản phẩm đặc sản như chè, có cao tốc nối liền với trung tâm Hà Nội thuận lợi cho giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa; có các tiềm năng thiên nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế xanh, du lịch xanh. Đồng thời cần nhấn mạnh thêm các điểm yếu như thiếu hệ thống giao thông kết nối trong nội bộ các vùng trong tỉnh cũng như với các tỉnh lân cận để giúp Tỉnh trở thành một trung tâm giao lưu kinh tế.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung hoàn chỉnh trong phần phân tích tại mục 2.1. Phân tích SWOT
134	Về thách thức, Thái Nguyên là trung tâm công nghiệp luyện kim và khai khoáng, do vậy, việc thực hiện cam kết COP26 sẽ là một thách thức lớn đối với Thái Nguyên. Trong khi đó, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp hiện tại chưa đảm bảo, một số khu công nghiệp hiện hữu chưa có đầy đủ hệ thống xử lý nước thải (kiểm tra lại báo cáo: có chỗ ghi 5 khu có khu xử lý nước thải hoạt động, có chỗ thì ghi là 4 cơ sở hoạt động) thì thách thức về vấn đề công nghệ sản xuất và xử lý môi trường sẽ càng trở lên hiện hữu. Thêm vào	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung hoàn chỉnh trong phần phân tích tại mục 2.1. Phân tích SWOT

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đó, tăng trưởng kinh tế Thái Nguyên những năm gần đây chủ yếu do sự góp mặt của nhà máy Samsung. Rõ ràng đó là một thách thức và rủi ro khi nền kinh tế phụ thuộc quá lớn và một nhà đầu tư bên ngoài, kể cả không có những biến động rủi ro từ phía nhà đầu tư thì việc thúc đẩy tăng trưởng nhanh trong thời gian tới sẽ là một thách thức.		
135	Phần tổng hợp kết quả phân tích ma trận SOWT (mục 2.1.5 trang 243) phải là kết quả của sự kết hợp các yếu tố điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội thách thức để đưa ra các phương án hành động chiến lược để tranh thủ cơ hội phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu và vượt qua thách thức, chứ không phải là chỉ ra 5 điểm là lợi thế và 12 tiềm năng.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Đánh giá tổng hợp SWOT đã xác định 5 thế mạnh, 6 cơ hội và 12 tiềm năng lợi thế còn 7 điểm yếu và 7 thách thức được xác định là các vấn đề trọng tâm phải giải quyết tại “mục 2.2. Các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh”.
136	Đánh giá tổng hợp SWOT xác định tỉnh Thái Nguyên có 5 thế mạnh nổi trội và 12 tiềm năng và lợi thế quan trọng nhưng ở các phần phân tích S, W, O, T lại chưa thể hiện đủ những điều này. Vì vậy, cần nghiên cứu kỹ hơn để làm rõ lý do đưa ra đánh giá tổng hợp SWOT, đảm bảo logic.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Đánh giá tổng hợp SWOT đã xác định 5 thế mạnh, 6 cơ hội và 12 tiềm năng lợi thế còn 7 điểm yếu và 7 thách thức được xác định là các vấn đề trọng tâm phải giải quyết tại “mục 2.2. Các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh”.
	2.2. Các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh		
137	Đề nghị xem xét lại đề xuất “Quy hoạch hệ thống chính trị, hành chính vững mạnh, ... (trang 245)” - Theo Luật Quy hoạch, nội dung trên không được quy định lập trong quy hoạch tỉnh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục “2.2. Các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
138	Bổ sung giải pháp để phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực theo nội dung trong “phân tích các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh” - trang 244.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục 2.2. Các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh
	MỤC 4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ		
139	Mục 4 trang 246: “Một số kinh nghiệm quốc tế” không nên đưa vào đây, nếu có chuyển thành phần phụ lục; chỉ lấy những vấn đề quốc tế có tác động thay đổi đưa vào phần Bối cảnh quốc tế khi xác định các định hướng quy hoạch.	GS.TS. HOÀNG VĂN CUÔNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh có ý kiến như sau: Mục đích đưa vào mục này là để đưa ra mô hình tham khảo học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Từ đó, tham khảo để xây dựng phương pháp, cách thức quy hoạch phù hợp, hiệu quả.
140	Bỏ mục 4. Một số kinh nghiệm quốc tế (trang 246), cho vào mục tài liệu tham khảo.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh có ý kiến như sau: Mục đích đưa vào mục này là để đưa ra mô hình tham khảo học hỏi kinh nghiệm quốc tế. Từ đó, tham khảo để xây dựng phương pháp, cách thức quy hoạch phù hợp, hiệu quả.
	MỤC 5. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		
141	Bổ sung thuyết minh cơ sở khoa học, dự báo và phương pháp tính toán các mục tiêu phát triển chủ yếu trong thời kỳ quy hoạch (Chẳng hạn: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân với tốc độ 7%/năm, phải lý giải thế	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện những nội dung này tại mục

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH					CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nào để tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025 đạt 8%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 8 - 8,5%/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 3.809 USD/người, như thế nào để năm 2025 đạt 5.800 USD/người và năm 2030 đạt 8.883 USD/người, ...).						“IV. Xây dựng các kịch bản lựa chọn phương án phát triển”.
142	Xem xét, phân tích một số chỉ tiêu trong Báo cáo chưa phù hợp với chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 như Bảng sau:					BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại bảng 2.5.18. Các chỉ tiêu phát triển tỉnh Thái Nguyên”.
	TT	Chỉ tiêu	Báo cáo	Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 13/10/2020	Ghi chú		
	1	GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 (triệu đồng/người)	135	Từ 150 trở lên	Theo giá quy đổi tỷ giá hối đoái tại trang 44		
	2	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025	3	6			
	3	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 (%)	95	98,5			
143	Phân tích nguyên nhân dẫn đến: (1) Giảm tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên dân số từ 97,2% giai đoạn năm 2016 - 2020 xuống còn 95% vào năm 2025; (ii) Giảm tỷ lệ che phủ rừng ổn định giai đoạn 2016 - 2020 từ 47,6% xuống còn 46% vào năm 2025.					BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại bảng 2.5.18. Các chỉ tiêu phát triển tỉnh Thái Nguyên”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
144	Tôi đồng tình với các quan điểm của báo cáo quy hoạch; tuy nhiên, về mục tiêu đề ra trong báo cáo quy hoạch trình bày quá vắn tắt. Mục tiêu tổng quát cần phải khái quát được sự phát triển toàn diện của Tỉnh đến 2030 và 2050 trên tất cả các phương diện kinh tế, xã hội và vị thế diện mạo của Tỉnh đến các mốc quy hoạch. Mục tiêu cụ thể cần phải chỉ ra các tiêu chí cụ thể cần đạt được đến các mốc thời gian quy hoạch. Ngược lại với phần mục tiêu trình bày vắn tắt, thì phần tầm nhìn đến 2050 lại được trình bày rất kỹ, với ý tưởng mong muốn khá tham vọng để trở thành một trong những tỉnh phồn thịnh nhất miền Bắc và là nơi đáng sống, đáng đến?. Mặc dù quy hoạch là vẽ ra viễn cảnh tương lai, nhưng phải dựa trên các nguyên liệu và kỹ năng để làm nên chiếc bánh, nếu không sẽ trở thành bánh vẽ!.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu, các mục tiêu đã được thể hiện thông qua các kịch bản tại mục “IV. Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển” và “mục 6. Các phương án quy hoạch và phát triển tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 – 2030”.
	I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN		
145	Về quan điểm phát triển (mục I.): Báo cáo đã thể hiện quan điểm chủ đạo về phát triển kinh tế là đẩy mạnh liên kết vùng; lấy phát triển kinh tế công nghiệp và kinh tế đô thị hóa làm “động lực” để thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ, các lĩnh vực ... Tuy nhiên, vẫn rất cần nghiên cứu thêm về quan điểm để trình bày rõ hơn các điểm nhấn, đặc thù địa phương hay đặc thù của thời kỳ 2021-2030 so với thời kỳ trước.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Khi đưa ra các quan điểm phát triển tỉnh, QHT đã có rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ trước, đồng thời với việc nghiên cứu các cơ sở pháp lý, các chủ trương định hướng, chiến lược phát triển của đảng và nhà nước có liên quan đến tỉnh Thái Nguyên
146	Quan điểm phát triển: Đã đề xuất 6 quan điểm phát triển tỉnh, tuy nhiên cần rà soát lại quan điểm chung: là xác định chủ đề phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch (2021-2030) phải tính đến các chủ trương chính sách và ý tưởng chủ đạo của Đảng cho phát triển, phù hợp với đặc điểm của tỉnh, không đề cập đến công việc lập quy hoạch tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
147	QH đã đưa ra 6 quan điểm phát triển, trong đó có 1 quan điểm chung và 5 quan điểm về 5 lĩnh vực. Các quan điểm được đưa ra khá ngắn gọn và đầy đủ. Riêng quan điểm 6 đề nghị bỏ toàn bộ câu 2 và câu 3 chỉ giữ lại câu 1 cho phù hợp với tiêu đề.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung tại “mục 1.6. Quan điểm chính trị, quốc phòng, an ninh, hợp tác và hội nhập”.
	II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN		
148	Đề nghị chỉnh sửa mục tiêu “nghiên cứu đổi mới sản xuất công nghệ cao” thành “nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ cao” hoặc “nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất...” để phù hợp với mục đích của việc đổi mới công nghệ.	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung này.
149	Mục tiêu cụ thể: đề xuất 2 mục tiêu cho 2 giai đoạn, tuy nhiên cần bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, bao trùm được các hoạt động chủ yếu để thực hiện cho giai đoạn quy hoạch. Cần xem xét thêm các chỉ tiêu cụ thể theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 về mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Khi đưa ra mục tiêu cho 2 giai đoạn, QHT đã xem xét đánh giá đầy đủ các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 – 2025 về mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030, trước khi đề xuất cho giai đoạn 2026 – 2030.
150	Mục tiêu tổng quát: Tôi đồng ý với mục tiêu tổng quát đề ra. Tuy vậy, trong ô thứ 2 :“2. Trở thành một trong những tỉnh giàu có, phồn thịnh nhất ở miền Bắc” đề nghị xem xét lại vì đến năm 2030 GRDP/người của Thái nguyên mới đạt 8.883 USD, đạt mức trung bình khá chưa thể nói là giàu có.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược,	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung này.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chính sách công nghiệp)	
151	Các mục tiêu cụ thể: đề nghị đưa thêm bảng các chỉ tiêu cụ thể phân đầu đến năm 2025 và 2030 vào tiểu mục này để tiện theo dõi vì nói đến mục tiêu cụ thể nhưng không thấy đâu.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Các mục tiêu cụ thể đã đưa các chỉ tiêu tại “bảng 2.5.18. các chỉ tiêu phát triển tỉnh Thái Nguyên”. Vì các chỉ tiêu này chỉ có thể xác định được sau khi luận chứng lựa chọn được các phương án phát triển.
	III. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2050		
	IV. XÂY DỰNG CÁC KỊCH BẢN VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN		
152	Một số thông tin, số liệu cần giải thích thêm: Bảng 2.5.7 (trang 269) một số huyện đặt kế hoạch tỷ lệ đô thị hoá có sự tăng cao: huyện Đại Từ từ 11,3% (năm 2020) lên 60% (năm 2030), huyện Phú Bình từ 0,6% (năm 2020) lên 62,1% (năm 2030). Xem lại số liệu tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 là 70% tăng lên 80% đến năm 2030 (trang 300), tại trang 318, tỷ lệ lao động qua đào tạo 90% đến năm 2030...	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Theo mục tiêu phát triển đô thị thì giai đoạn 2026 – 2030 huyện Đại Từ, huyện Phú Bình lên đô thị loại IV - Về tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 80%
153	Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh: Xây dựng 3 kịch bản về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giai đoạn 2021-2030, có chỉ số GRDP đều cao hơn so với chỉ tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5-7%. So với chỉ tiêu GRDP được Đảng bộ tỉnh đề xuất là từ 8% trở lên, thì chỉ tiêu của các phương án đề xuất cũng là mức cao để toàn tỉnh phấn đấu.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Đúng như vậy, tuy nhiên với các động lực tăng trưởng chính dựa vào thu hút đầu tư CN, du lịch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị và nông thôn có thể phấn đấu đạt được.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
154	Các kịch bản phát triển được xây dựng dựa trên luận cứ về dân số và lao động là các biến đầu vào để hình thành các phương án phát triển. Đúng là trong quy hoạch, dân số là một biến quan trọng để xây dựng các phương án phát triển, nhất là quy hoạch xây dựng đô thị phải lấy biến dân số là căn cứ để hoạch định các mục tiêu phát triển nhằm đáp ứng các yêu cầu nâng cao các điều kiện sinh sống của người dân là mục tiêu tối thượng của phát triển. Tuy nhiên, trong quy hoạch Tỉnh, biến dân số và lao động sẽ phụ thuộc rất nhiều vào các hoạt động kinh tế sẽ được hoạch định và triển khai đầu tư như thế nào, sẽ là lực đẩy hay hút lao động động từ đó kéo theo xu hướng biến động về dân số cơ học. Do vậy, nếu lấy dân số là căn cứ dự báo thì bản thân việc dự báo xu hướng biến động dân số đã khó có cơ sở chắc chắn. Theo tôi, kịch bản phát triển phải được xây dựng trên căn cứ vào phương án khai thác các nguồn lực và tiềm năng thế mạnh của Tỉnh, các tác động bên ngoài từ môi trường quốc tế đến sự phát triển các ngành trong cả nước có quan hệ trực tiếp đến các hoạt động kinh tế của Tỉnh và định hướng phát triển của vùng cũng như khả năng huy động các nguồn lực đầu tư để thực hiện các ý tưởng phát triển. Trên cơ sở các giả định đó để hình thành nên “câu chuyện” có những tình huống mấu chốt có các cách giải quyết khác nhau để tạo nên các kịch bản khác nhau. Đối với Thái Nguyên, vốn đã là vùng trung tâm công nghiệp lâu đời, những năm gần đây lại thu hút được nhà đầu tư FDI lớn nên đã tạo ra quy mô và tốc độ tăng GRDP khá cao. Đương nhiên, những năm sau đó tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng cao là rất khó, nên tốc độ tăng trưởng sẽ có xu hướng chậm dần thực tế diễn ra những năm qua là đương nhiên. Trong bối cảnh đó, nếu không có những khâu đột phá quan trọng để tạo nên những bước nhảy	GS.TS. HOÀNG VĂN CUÔNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Nội dung này, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh có ý kiến như sau: Căn cứ vào dự báo của tổng cục thống kê và điều kiện thực tiễn của địa phương, QHT đưa ra phương án tăng trưởng dân số và lao động khả dĩ có thể phấn đấu được. Tuy nhiên, nhu cầu lao động theo kịch bản phát triển kinh tế là một vấn đề khác. Theo phương pháp cân bằng lao động, có 3 khả năng xảy ra (i) quy mô dân số đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế; (ii) quy mô và dân số không đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, trường hợp này phải có chính sách thu hút lao động và tăng trưởng giao thông con lắc; (iii) trường hợp quy mô dân số quá lớn sẽ tạo ra thất nghiệp, dẫn đến xuất cư, tuy nhiên trường hợp này rất khó xảy ra. Về các khâu đột phá, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh tiếp thu ý kiến chuyên gia, các khâu đột phá này được đưa ra theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX và bối

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	mới thì rất khó có thể đưa tốc độ tăng trưởng những năm tới tăng cao. Các khâu đột phá được trình bày trong báo cáo quy hoạch cũng không có gì là đột phá, đều là những nhiệm vụ bấy lâu nay ta thường nhắc tới như đẩy mạnh nâng cao tăng cường... Do vậy, cần phải có luận chứng rõ hơn cho các kịch bản phát triển, phải có minh chứng cho việc tính toán ra các mục tiêu tăng trưởng và nên tính đến các khâu đột phá về quy hoạch phát triển Thái Nguyên thành một trung tâm dịch vụ thương mại và logistic của Vùng, đồng thời thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp chế biến sâu sau khai thác và các ngành luyện kim cũng như chế biến sâu các sản phẩm đặc sản.		cạnh đổi mới, tăng cường chuyển đổi số của tỉnh
155	3 kịch bản được xây dựng và luận chứng có cơ sở khoa học và sát với thực tiễn: luận chứng từ dân số, lao động, kịch bản kinh tế. Tuy nhiên, tỷ lệ đô thị hóa từ 32,1 lên 58,92 là khá cao, cần cân nhắc kỹ, một số huyện như TX Đại Từ từ 11% lên 60%, Phú Bình từ 0,6% lên 62%; về kịch bản kinh tế, chưa luận chứng rõ được kịch bản tốc độ tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2021-2030 là 8-8,5% trong khi thời kỳ 2016-2020 chỉ đạt trung bình là 5,99% (thời kỳ này có cú hích do hoàn thành tuyến cao tốc HN- Thái Nguyên). Trong các kịch bản phát triển kinh tế, cần chú trọng hơn nội dung phát triển sản xuất nông lâm, thủy sản, với đặc trưng vùng chè Trong các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá cần bổ sung tiếp tục phát triển hệ thống giáo dục đại học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh cũng như vùng TDMNPB, coi đây là ngành nghề tạo ra nguồn thu lớn cho tỉnh.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: - Tăng trưởng dân số đô thị phụ thuộc vào 4 yếu tố: (i) tăng tự nhiên; (ii) tăng cơ học; (iii) tăng do xây mới các đơn vị hành chính xung quanh; (iv) dân số tạm trú tính theo quy định của pháp luật. Thời kỳ sắp tới, với việc xây dựng 2 thị xã mới (Đại Từ và Phú Bình) phát triển công nghiệp, nên tăng rất nhanh. - Tăng trưởng kinh tế thời kỳ 2016 – 2020 của tỉnh là 10,48%, do vậy luận chứng tăng trưởng giai đoạn 2021 – 2030 là 8,5% là phù hợp.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Xây dựng hệ thống giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh. QHT chỉ bổ sung về mặt KT-XH và không gian.
	4.1. Các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển dân số, lao động và đô thị hóa		
	4.1.1. Dân số và lao động		
	4.1.2. Luận chứng các kịch bản tăng trưởng: Dân số, lao động và đô thị hóa và phát triển đô thị		
	4.1.2.1. Dân số		
156	Về dự báo dân số (Mục 4.1.2.1 trang 266): Đề nghị xem xét nghiên cứu, bổ sung thêm một số dự báo về quy mô, cơ cấu dân số theo độ tuổi, dự báo về nhu cầu phát triển nhân lực, lao động và việc làm, để làm căn cứ, cơ sở tính toán, xác định quy mô học sinh, nhu cầu phát triển của hệ thống cơ hạ tầng giáo dục và đào tạo, nhu cầu sử dụng đất và các yếu tố mang tính điều kiện của quy hoạch (như quy mô trường, lớp, giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính.), từ đó đề xuất phương án quy hoạch phù hợp.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch xin tiếp thu tại mục “4.3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo”
	4.2. Các kịch bản tăng trưởng và lựa chọn phương án phát triển kinh tế		
157	Trong tiểu mục 4.2.3.5. Dự kiến tăng trưởng GRDP/đầu người (trang 286) sửa lại từ 900 USD sang 9000 USD cho đúng.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược,	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chính sách công nghiệp)	
158	Bảng 2.5.12. Tổng hợp các phương án tăng trưởng thời kỳ 2021-2030: Mục 12 tỷ giá (trang 289) cần sửa lại tỷ giá phương án 2 cho thống nhất với phương án 1 và 3 vì tỷ giá VND và USD không phụ thuộc vào các phương án tăng trưởng của Thái Nguyên.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa tại “Bảng 2.5.12. Tổng hợp các phương án tăng trưởng thời kỳ 2021-2030”
	4.3. Các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển không gian và tổ chức lãnh thổ		
159	Trong Bảng 2.5.15. Vùng đồng tính chất (trang 294) và bảng 2.5.16. Hệ thống các vùng tích hợp (trang 295), đề nghị sửa lại quy mô dân số các vùng theo phương án chọn là 1.517.909 người năm 2030.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại “Bảng 2.5.15. Vùng đồng tính chất”
	V. HỆ THỐNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN TỈNH THEO CÁC PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN		
160	Đã đưa ra 20 chỉ tiêu phát triển kinh tế và xã hội. Đề nghị sửa lại chỉ tiêu 5: Tỷ trọng CNCB&CT trong GRDP. Trong bảng nêu năm 2025 đạt >20% và 2030 đạt 45-50%. Thực tế năm 2020 đã đạt trên 51% (Riêng VA ngành CN năm 2020 chiếm 51,6% tổng GRDP tỉnh, nếu tính cả XD nữa thì chiếm 58%. Công nghiệp CB&CT của tỉnh chiếm 99% toàn ngành CN).	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại “Bảng 2.5. 18: Các chỉ tiêu phát triển tỉnh Thái Nguyên”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đề nghị xem xét chỉ tiêu 14: Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên dân số. Năm 2020 đã đạt 97,2% mà năm 2025 chỉ phấn đấu 95%?		
	VI. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ TRONG QUY HOẠCH TỈNH		
	MỤC 6. CÁC PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021-2030		
161	Theo nhiệm vụ đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Báo cáo nghiên cứu, xây dựng: + Cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút các nguồn lực, các nhà đầu tư đến với tỉnh Thái Nguyên. + Nghiên cứu, triển khai mô hình kinh tế ban đêm, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thực tiễn phát triển của tỉnh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Đây là những định hướng trong thời kỳ 2021-2030, trong QH tỉnh không thể chi tiết hóa những định hướng này, những định hướng này sẽ được chi tiết hóa trong các đề án để phù hợp trong từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của Tỉnh
162	Bổ sung phương án quy hoạch về an ninh, quốc phòng: trong đó làm rõ diện tích đất an ninh, quốc phòng làm kinh tế... phương án trả lại đất cho địa phương phát triển kinh tế cũng như diện tích quy hoạch bổ sung.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập Quy hoạch đã thể hiện tại mục “V. phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện”.
163	Đối với danh mục các dự án, đề nghị bổ sung làm rõ diện tích mở mới, diện tích mở rộng trong thời kỳ quy hoạch, các loại đất phải chuyển sang để phát triển các công trình này.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Trong danh mục các dự án của quy hoạch Cơ quan lập Quy hoạch đã có thông tin về quy mô đầu tư và nguồn vốn đầu tư. Đối với các loại đất phải chuyển sang để phát triển các công trình này đã thể hiện trong Biểu chu

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			chuyển đất đai thời kỳ 2021-2030.
	I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI		
	1.1. Phương hướng phát triển các ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh		
164	Các ngành được đề xuất là ngành quan trọng, gồm: Công nghiệp-xây dựng; Nông, lâm, thủy sản và Thương mại, dịch vụ. Tuy nhiên chưa đề xuất các tiêu chí cụ thể để lựa chọn. Cần bổ sung tiêu chí lựa chọn ngành quan trọng, mỗi ngành được lựa chọn là ngành quan trọng cần thể hiện 2 nội dung: (i) Luận chứng được lĩnh vực sản xuất hay dịch vụ có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, giải quyết việc làm, thu ngân sách địa phương. Nội dung phần này cần chú ý đến yêu cầu hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành (cụm ngành). (ii) Đề xuất các giải pháp mang tính đột phá cho phát triển bền vững các ngành kinh tế quan trọng như: đột phá về chính sách; đột phá về đầu tư công; đột phá về khoa học - công nghệ và phát triển nhân lực; đột phá về kết cấu hạ tầng.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch đã nghiên cứu và đề xuất 2 nhóm ngành công nghiệp quan trọng của Thái Nguyên là công nghiệp cơ khí, chế biến, chế tạo và công nghiệp điện tử đã xây dựng phương án chuyên đề làm cơ sở tổng hợp trong báo cáo quy hoạch tỉnh.
165	Xác định không gian địa lý, gắn với bố trí sử dụng đất cho các ngành quan trọng, đặc biệt là các ngành sản xuất, cần bổ sung: Nội dung xác định diện tích cần thiết cho không gian phát triển các ngành cụ thể (một số còn thiếu, như diện tích các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; nông nghiệp... nên thiết kế thành bảng). Đối với số liệu diện tích đất Lâm nghiệp, đưa vào quy hoạch là phù hợp với đề xuất Quy hoạch ngành Lâm nghiệp thời kỳ 2020-2030 và tầm nhìn đến 2050 đang được Bộ NN&PTNT xây dựng. - Bổ sung tầm nhìn của các ngành đến năm 2050.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tạo diện tích các khu chức năng đã được tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 6.2.3. Các khu chức năng, V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Diện tích chi tiết từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, một số dự án nông nghiệp thể hiện chi tiết tại báo cáo chuyên đề phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai; thể hiện tại phụ lục của Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh. Theo Quy định về nội dung QH tỉnh chỉ Quy định về mục tiêu phát triển QH tỉnh có tầm nhìn đến 2050, không có nội dung tầm nhìn, phương án phát triển ngành đến năm 2050
166	Về phương hướng phát triển các ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh (tại điểm 1.1 khoản I Mục 6 phần thứ II, từ trang 303-316): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các tiêu chí đánh giá, lựa chọn các ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh để bảo đảm việc lựa chọn các ngành được chính xác, gắn với lợi thế của tỉnh, có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là ngành trọng điểm, mũi nhọn..., tránh việc lựa chọn quá nhiều ngành quan trọng, dẫn đến việc đầu tư không tập trung, trọng điểm, dễ dàn trải, hiệu quả không cao như kỳ vọng.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch có ý kiến như sau: Việc lựa chọn các ngành kinh tế quan trọng được dựa trên lợi thế của tỉnh, có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó tập trung cho phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, chuyển đổi số theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XX.
	<i>1.1.1. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp – xây dựng</i>		
167	Các giải pháp thực hiện (trang 306) chưa có tiêu đề. Đề nghị bổ sung đánh số tiêu đề là 1.1.1.4. để tránh hiểu đó là giải pháp của ngành xây dựng.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện	Tại mục 1.1.1.3 Định hướng phát triển ngành xây dựng

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	
168	Cần làm rõ thêm định hướng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ gì để thúc đẩy chuyển dịch sản xuất công nghiệp đi theo chiều sâu, tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm và các ngành công nghiệp hiện có trên địa bàn. Nên cân nhắc thu hẹp dần công nghiệp dệt may để không cạnh tranh về các nguồn nhân lực và các điều kiện phát triển khác.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung cụ thể định hướng thu hút đầu tư CNHT tỉnh Thái Nguyên tại mục 1.1.1.2. c (Nhóm ngành/sản phẩm CNHT). Hiện tại CN dệt may của Tỉnh đang thu hút được nhiều lao động và nâng cao được đời sống lao động phổ thông, về định hướng lâu dài Tỉnh sẽ nghiên cứu, xem xét
169	Đồng thời cần chỉ rõ phương án quy hoạch các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp để làm cơ sở cho các phương án quy hoạch hạ tầng và phân bổ đất đai.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập Quy hoạch có ý kiến như sau: Trong quá trình thực hiện phương án phát triển KCN và CCN, đơn vị lập Phương án KCN, CCN và Phương án sử dụng đất tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, UBND các địa phương liên quan nhằm thống nhất vị trí, diện tích đất để làm cơ sở cho Phương án phát triển KCN, CCN và phương án phân bổ đất đai.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
170	Nên phân tích thêm luận chứng để phát triển công nghiệp chế biến nông sản đặc sản như chè thông qua khả năng kết nối các vùng sản xuất chè nguyên liệu của các tỉnh lân cận trong vùng với các hướng chế biến sâu, hiện đại và phát triển các trung tâm triển lãm giao dịch chè Việt Nam tại Thái Nguyên.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Sản phẩm chè của Thái Nguyên có khác với chè các vùng lân cận, nên để giữ được đặc thù của sản phẩm chè Thái Nguyên cần có hướng phát triển riêng.
171	Phương hướng phát triển các ngành công nghiệp - xây dựng, du lịch cũng như phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, phương án phát triển mạng lưới cơ sở du lịch còn thiếu định lượng về sản phẩm đầu ra cũng như phân bố không gian của kết cấu hạ tầng, rất khó để áp dụng liên kết ngành trong quy hoạch. Ví dụ như chúng ta dự báo có 5,6 triệu lượt khách du lịch vào năm 2030 nhưng không xác định được lượng khách đó phân bố đến các địa điểm như thế nào, dẫn tới các ngành phục vụ như giao thông, điện, nước không đủ cơ sở để bố trí hạ tầng, công suất chính xác.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Trong QHT các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chức năng đã có định hướng sắp xếp thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện, nước,...)
	<i>1.1.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản</i>		
172	Đây là nội dung đã được thực hiện lồng ghép vào phần Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội trong phần mục Phương hướng phát triển nông lâm thủy sản (trang 307-315. Cần bổ sung định hướng phát triển vùng nông nghiệp gắn với du lịch trên địa bàn tỉnh. - Đã có định hướng và bố trí diện tích đất nông nghiệp để phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cho ngành trồng trọt 6.677,09 ha và chăn nuôi 2.914,7 ha, tuy nhiên cần bổ sung danh mục (tên, vị trí, quy mô) các khu đã, đang trình phê duyệt, các khu quy hoạch mới trong thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại mục 1.1.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản. Diện tích trồng trọt 6.677,09 ha và chăn nuôi 2.914,7 ha là diện tích sản xuất ứng dụng công nghệ cao (Đây là dự án phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Chứ không phải khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khu nông nghiệp công nghệ cao do Thủ tướng phê duyệt).
173	Đối với nội dung chuyển đổi đất nông lâm trường: Trong báo cáo chỉ ghi là “<i>tiếp tục sắp xếp, đổi mới nông lâm trường quốc doanh...</i>”, đề nghị bổ sung định hướng có giá trị cụ thể. Bổ sung các định hướng: phát triển rừng đặc dụng; quản lý phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; phát triển rừng sản xuất gắn với chế biến và thương mại lâm sản; cho thuê môi trường rừng, dịch vụ du lịch sinh thái trên những vùng có tiềm năng;	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục c) Lĩnh vực lâm nghiệp thuộc mục 1.1.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản
174	Trong phương hướng phát triển nông nghiệp, báo cáo quy hoạch nhắc rất nhiều đến phát triển các cây trồng đặc sản. như chè, quế ... Cần đánh giá rõ hơn về tiềm năng phát triển và nên có phương án quy hoạch các vùng trồng trong tỉnh (quy mô và phân bố địa bàn) gắn với định hướng phát triển vùng trồng các sản phẩm này ở các tỉnh khác trong vùng để hình thành các vùng nguyên liệu đủ lớn cho phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Đã quy hoạch các vùng trồng cây đặc sản tại mục 2. Định hướng phát triển các ngành hàng, lĩnh vực chủ yếu thuộc mục 1.1.2. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm và thủy sản. Tuy nhiên tỉnh Thái Nguyên không đặt vấn đề liên kết với các tỉnh khác trong chế biến, vì các sản phẩm đặc sản của Thái Nguyên có lợi thế đặc thù riêng, thương hiệu riêng, tỉnh sẽ tập trung nâng cao chất lượng, phát triển theo chuỗi giá trị bền vững
	1.1.3. Phương hướng phát triển ngành thương mại - dịch vụ		
175	Về phát triển thương mại dịch vụ và du lịch nên nghiên cứu thêm để có luận cứ quy hoạch Thái Nguyên thành một trung tâm dịch vụ, trung tâm logistic để giới thiệu, phân phối tiêu thụ sản phẩm	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	của Vùng. Chuyển các nội dung về quan điểm mục tiêu phát triển trong phân cơ sở hạ tầng du lịch nên nội dung phương hướng quy hoạch phát triển du lịch, đồng thời cần cụ thể thêm các phương án quy hoạch xây dựng các điểm đến du lịch theo mô hình dịch vụ-du lịch tổng hợp để không chỉ thu hút khách đến du lịch thăm quan mà kết hợp phát triển các mô hình đô thị dịch vụ du lịch.	Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	
176	Đề nghị trong nội dung này chủ yếu tập trung vào phát triển thương mại gồm: bán buôn, bán lẻ với các cơ sở hạ tầng như chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, kho bãi, dịch vụ logistic, thương mại điện tử. Từ đó cần điều chỉnh lại quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển vì các chuyên ngành dịch vụ như: y tế; giáo dục đào tạo; KH&CN; Lao động, thương binh và xã hội; du lịch; văn hóa, thể thao đã đề cập chi tiết riêng trong mục 1.2.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Tiểu mục này chỉ đưa ra phương án phát triển chung. Cụ thể hơn đã có ở tiểu mục 4.8.3. Các định hướng phát triển của mục 4.8 Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ
	1.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa xã hội		
177	Về phương án phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa xã hội (tại điểm 1.2 khoản I Mục 6 phần thứ II, từ trang 316-324): Đề nghị ghép với phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội (tại điểm 1.3 khoản I Mục 6 phần thứ II, từ trang 324-327).	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Mục 1.2 nói về phương án phát triển ngành, còn mục 1.3 nói về phương án tổ chức không gian kết nối hạ tầng; nội dung hoàn toàn khác nhau, nên cần phải tách biệt
178	Đề nghị bổ sung chỉ tiêu xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đối với thiết chế văn hóa cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao (tại các trang 322-333 của Báo cáo tổng hợp)	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Theo khoản 1 điều 27 của luật quy hoạch chỉ đề cập đến dự án cấp tỉnh.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
179	Trong nhóm ngành này bao gồm 6 chuyên ngành: y tế; giáo dục đào tạo; KH&CN; Lao động, thương binh và xã hội; du lịch; văn hóa, thể thao. Trong mỗi chuyên ngành đã nêu được định hướng phát triển. Tuy vậy, đề nghị có sự biên chế thống nhất giữa các chuyên ngành vì có chuyên ngành nêu rất cụ thể lại có cả mục tiêu phát triển, trong khi các chuyên ngành khác không có.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “1.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực văn hóa xã hội”.
	1.2.1. Phương hướng phát triển ngành y tế		
	1.2.2. Phương hướng phát triển ngành giáo dục và đào tạo		
180	Về phương hướng phát triển ngành giáo dục và đào tạo (trang 316): Đề nghị rà soát, biên tập lại mục này để đảm bảo có sự liên quan và định hướng cho các đề xuất đối với phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo ở Mục 4.3 (trang 483) của báo cáo. Cụ thể, có thể tham khảo một số nội dung quan điểm phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo như sau: <i>“Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở; linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.</i> <i>Phát triển mạng lưới trường lớp ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đông dân cư, đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học theo yêu cầu. Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông phù hợp với điều kiện địa phương, địa bàn cụ thể để đảm bảo thực hiện công bằng giáo dục và giáo dục là phúc lợi xã hội.</i>	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung tại mục 1.2.2. <i>Phương hướng phát triển ngành giáo dục và đào tạo</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>Phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển, đặc biệt là loại hình tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập từ cơ sở.</i> <i>Tiếp tục quan tâm ưu tiên đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh, các ngành khoa học cơ bản, trọng điểm, mũi nhọn để đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng và cơ cấu hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ cao như mục tiêu của tỉnh đề ra tại quy hoạch tỉnh. (Mục tiêu là “Đến năm 2030, tỉnh Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại, trung tâm giáo dục, nghiên cứu đổi mới sản xuất công nghệ cao; trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe; trung tâm du lịch và di sản của vùng trung du miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội”).</i> <i>Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận dịch vụ và giáo dục bình đẳng, có chất lượng và đảm bảo thực hiện công bằng xã hội ”.</i>		
	1.3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội		
181	Bổ sung phương án củng cố quốc phòng an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có nội dung quy hoạch các công trình lưỡng dụng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, đồng thời sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi có tình huống.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “1.4. phương án củng cố quốc phòng an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
182	Báo cáo đã đề xuất tổ chức không gian thành 2 vùng lớn và 3 cụm đô thị - công nghiệp và 2 khu liên huyện tương đối thích hợp, tuy nhiên cần bổ sung: (i) Xây dựng cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện; (ii) Phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh và liên huyện.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Các nội dung sẽ được cụ thể hóa trong phân cấp quản lý, nguyên tắc phân bổ nguồn lực và kế hoạch đầu tư công trung hạn.
	II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG		
	2.1. Nguyên tắc chung		
	2.2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị		
183	Theo nội dung quy hoạch đến năm 2030, tỉnh Thái Nguyên quy hoạch bổ sung 4 khu công nghiệp, 28 cụm công nghiệp, do vậy cần có nghiên cứu về nội dung phương án phát triển đô thị, nhà ở (đặc biệt khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở công nhân cho thuê), hạ tầng, dịch vụ, văn hóa, xã hội và các hạ tầng liên quan khác đáp ứng nhu cầu phát triển về công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa nội dung tại mục 2.2.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị, tiểu mục 2.2.2.1. Định hướng phát triển không gian (<i>Số lượng, khu, cụm công nghiệp, phương án phát triển đô thị, nhà ở phù hợp với nhau và phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất Chính phủ phân bổ tại Quyết định 326/QĐ-TTg</i>).
184	Rà soát, đối chiếu giữa Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021–2030 với Kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Thái Nguyên (Bảng 2.6.5), dự kiến phân loại 2021-2025 đô thị và các đô thị mới đề xuất thành lập cơ bản phù hợp với quyết	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra	Cơ quan lập Quy hoạch đã thực hiện rà soát, đối chiếu giữa Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	định của Chính phủ, cần xem lại đánh giá hiện trạng 2020 của TT. Hùng Sơn, huyện Đại từ; - Bổ sung thêm nội dung đề xuất mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; - Bổ sung danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống đô thị: tên dự án, dự kiến tổng mức đầu tư, thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.	quy hoạch rừng)	phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021–2030 phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Thái Nguyên. Mô hình, cấu trúc hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội của CQLQH đã được trình bày trong nội dung đề xuất phát triển hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Thái Nguyên - Danh mục các dự án đã tiếp thu và bổ sung ở bảng 3.2. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên
185	Với việc Báo cáo dự báo dân số của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 là 1.517.909 người, tăng khoảng 16% so với dân số năm 2020 (1.307.871 người). Dân số đô thị năm 2030 là 894.367 người, tăng khoảng 113% so với dân số đô thị năm 2020 (419.679 người). Đề nghị Báo cáo phân tích, dự báo bổ sung phát triển về hạ tầng (hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội), nhất là hạ tầng đô thị để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, học tập và lao động của lượng dân số đến năm 2030 của tỉnh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Các phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đã tính toán và bố trí đủ quy mô, công suất... để đáp ứng cho dân số được dự báo vào năm 2030
186	Chiều 15/02/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 10/4/2022. Sau khi thành lập thành phố Phổ Yên, diện tích tự nhiên	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	của tỉnh Thái Nguyên không thay đổi, số đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên sẽ tăng thêm 01 thành phố và giảm 01 thị xã, tăng 9 phường và giảm 9 xã. Đề nghị Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên cập nhật và chỉnh sửa cho phù hợp.		
	2.2.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị		
187	Cần luận cứ đảm bảo tính khoa học và thực tiễn đối với mức dự báo tỷ lệ đô thị hóa của huyện Đại Từ, huyện Phú Bình; Rà soát đảm bảo tính thống nhất của kế hoạch phân loại đô thị tỉnh Thái Nguyên với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021.	BỘ XÂY DỰNG	Về luận cứ dự báo tỷ lệ đô thị hóa của huyện Đại Từ, huyện Phú Bình, Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại mục 2.2.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị” Trên cơ sở đánh giá theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021, tỉnh Thái Nguyên có đề xuất điều chỉnh bổ sung tại phương án phát triển đô thị trong quy hoạch tỉnh
	2.3. Phương án quy hoạch và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn		
188	Nội dung được trình bày tương đối chi tiết, tuy nhiên cần rà soát, bổ sung danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư để phát triển hệ thống điểm dân cư: tên dự án, dự kiến tổng mức đầu tư, thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại bảng 3.2. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
189	Về dự báo nhu cầu đất xây dựng: Bổ sung nhu cầu đất xây dựng của tỉnh (đất xây dựng đô thị, khu dân cư nông thôn, khu chức năng...) theo từng giai đoạn quy hoạch, đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phân bổ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị rà soát: quy mô đất xây dựng khu dân dụng, khu dân cư nông thôn như đề xuất tại định hướng phát triển các đô thị trên cơ sở phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả (tiểu mục 2.2.2.3 trang 334; tiểu mục 2.3.1.3 trang 342 tại Báo cáo tổng hợp).	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.
190	Cần bổ sung nội dung nghiên cứu (giải pháp về quy hoạch, mô hình quản lý, nguồn lực) để đảm bảo tính khả thi khi thực hiện theo phương án hình thành các cụm đô thị tích hợp trên địa bàn tỉnh như cụm đô thị: thành phố Thái Nguyên - thị xã Phổ Yên - thành phố Sông Công; Đại Từ (tích hợp thị trấn Hùng Sơn, Quân Chu, Yên Lãng, Cù Vân vào khu vực nội thị), Phú Bình (tích hợp thị trấn Hương Sơn, Diềm Thụy).	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa. Nội dung chi tiết được thể hiện tại nội dung đề xuất phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn.
	2.4. Phương án quy hoạch và phát triển các khu chức năng		
191	Đề nghị bổ sung nội dung chi tiết, cụ thể phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo (<i>quy mô, nhu cầu số lượng, cơ cấu loại hình, các điều kiện đảm bảo về quỹ đất, đội ngũ, các nguồn lực đầu tư cho hạ tầng khu nghiên cứu, đào tạo,...</i>) theo đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch và Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Trong các phương án phát triển giáo dục, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đã xác định quỹ đất cho phát triển khu nghiên cứu, đào tạo và có các cơ sở phát triển giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2.4.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp		
192	Đối với phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp, theo tôi nên bỏ định hướng tầm nhìn sau năm 2030 (trang 352) vì đang quy hoạch đến năm 2030.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.4.1. Phương án phát triển các khu công nghiệp và cụm công nghiệp
193	Để phát triển khu công nghiệp của tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã đề xuất gồm 11 KCN và 1 khu công nghệ cao, với tổng diện tích 4.420,98 ha (trang 355), trong đó thành lập mới 4 KCN mới với tổng diện tích là 1.322ha, đề nghị xem xét thêm về số liệu quy hoạch về KCC theo QĐ 326/QĐ-TTg về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất... xem lại số liệu diện tích các KCC, 12 khu với tổng diện tích 3.605,1 ha (trang 364) để thống nhất.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu điều chỉnh diện tích KCN trong báo cáo “Phương án phát triển hệ thống KCN, CCN, KCNC thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” và bản tổng hợp QH tỉnh Thái Nguyên phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
194	- Các Cụm công nghiệp được thành lập đến năm 2020 của tỉnh có 28 CCN với diện tích là 1.337,36 ha, vượt so với chỉ tiêu là 712 ha đất được phân bổ đến năm 2020 tại Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 10/5/2018 của Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) của tỉnh Thái Nguyên. Báo cáo đề xuất lập mới 28 CCN với tổng diện tích là 1.619,49 ha bổ sung vào quy hoạch tỉnh. Cần rà soát, điều chỉnh phù hợp với các chỉ tiêu phê duyệt của Chính phủ.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch đã xây dựng phương án phát triển khu, cụm công nghiệp đã hoàn thiện, phù hợp chỉ tiêu sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
195	- Đề thành lập các KCN và CCN, cần bổ sung thêm: (i) Thông tin về hiện trạng sử dụng đất và điều kiện phát triển cụ thể của KCN, CCN đề xuất bổ sung mới; đánh giá và giải trình về khả năng đáp ứng các điều kiện về việc bổ sung mới KCN, CCN. (ii) Đánh giá và giải trình cụ thể về khả năng xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở và các công trình xã hội, văn hóa, thể thao phục vụ lực lượng làm việc của KCN, CCN; (ii) Đánh giá về khả năng cung cấp và đáp ứng nhu cầu về lao động cho phát triển KCN, CCN; đảm bảo phù hợp của phương án phát triển KCN, CCN với các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. (iii) Phương án phát triển KCN, CCN tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp thời kỳ 2020-2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu. Do là quy hoạch tổng thể nên các khu công nghiệp và cụm công nghiệp cơ bản đã được nghiên cứu và lựa chọn trên cơ sở vị trí thuận lợi trong thu hút đầu tư, gần hệ thống hạ tầng (giao thông, cấp điện, nước,...), sử dụng đất nông nghiệp (nếu có) có năng suất thấp, không sử dụng đất ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp, không ảnh hưởng đến các công trình văn hoá,... Về đánh giá giải trình về quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, nhà ở, công trình xã hội, nhu cầu lao động cho phát triển, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, BVMT, di tích lịch sử,... sẽ được từng bước nghiên cứu cụ thể tại phần quy hoạch chi tiết từng KCN và CCN sau khi quy hoạch Tỉnh được phê duyệt.
196	Ngoài những khu công nghiệp đã định hướng quy hoạch tại trang 355, trang 364 tiếp tục quy hoạch mới thêm khu công nghiệp thời kỳ 2021 - 2030 là: Khu công nghiệp Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ. Không phù hợp với định hướng phát triển các khu công nghiệp tại trang 355, đề nghị Báo cáo nghiên cứu, xem xét lại.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã chỉnh sửa thông tin về KCN Nam Hoà tại mục “2.4. Phương án quy hoạch và phát triển các khu chức năng”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
197	Đề nghị bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp: Hiện trạng đất đai các cụm công nghiệp; Định hướng ngành nghề hoạt động; Giải pháp thu hút đầu tư; Dự kiến tiến độ thành lập, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã bổ sung thêm các nội dung theo ý kiến góp ý (Trong nội dung của Hợp phần KCN, CCN, KCNC đã có các nội dung này).
198	Trong Bảng 2.6.8: Danh mục quy hoạch các cụm công nghiệp tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030 (trang 356) đề nghị sắp xếp, phân chia lại thành các mục riêng rẽ: Danh mục các cụm công nghiệp đã phê duyệt đến năm 2020, danh mục các cụm công nghiệp quy hoạch mới trong thời kỳ 2021 - 2030.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu. Tại Bảng 2.6.8. Danh mục quy hoạch cụm công nghiệp tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 và sau năm 2030 đã chia ra (1) nhóm CCN đã quy hoạch, (2) nhóm CCN bổ sung và (3) nhóm CCN đưa ra khỏi quy hoạch.
199	Đề nghị làm rõ cơ sở đề xuất Phương án phát triển CCN giai đoạn 2021- 2030 (từ 35 CCN với tổng diện tích 1.335 ha hiện nay lên 56 CCN với tổng diện tích 2.956,85 ha).	BỘ CÔNG THƯƠNG	Hiện nay, Phương án phát triển cụm công nghiệp đã được tỉnh Thái Nguyên tiếp thu, chỉnh sửa lại cho phù hợp định hướng phát triển cũng như chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên được Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022. Theo đó, tỉnh Thái Nguyên đề xuất quy hoạch 41 CCN với tổng diện tích 2.067 ha thời kỳ 2021-2030. CQLQH cũng đã nghiên cứu và bổ sung thêm nội dung để làm nổi bật hơn nội dung về định

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hướng và nhu cầu phát triển CCN trong nội dung bản tổng hợp QH Tỉnh
200	Tại “Bảng 2.6.8 Danh mục quy hoạch CCN tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 và sau năm 2030” (trang 356-357 Dự thảo Báo cáo) và “Phụ lục 2. Danh mục quy hoạch CCN tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 và sau năm 2030” (trang 47-51 Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch Tỉnh), đề nghị bổ sung nội dung ngành nghề thu hút đầu tư (đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2021-2030).	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và đã nghiên cứu bổ sung theo ý kiến góp ý.
	2.4.2. Phương án quy hoạch phát triển khu vực có vai trò động lực		
201	Đề nghị sửa lại số liệu tổng diện tích các KCN (đoạn cuối trang 364; đoạn 2 trên xuống trang 366) cho khớp với số liệu trang 354-355. Đề nghị sửa câu đầu đoạn 2 trên xuống trang 365 vì Thái Nguyên không có các huyện vùng biển phía Đông.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa
202	Đề nghị Báo cáo nghiên cứu, xem xét lại một số nội dung đề xuất sau: - Về mục tiêu kinh tế, Báo cáo đã xác định, một trong những nội dung được giới hạn trong “Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực của tỉnh” là “Xác định các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, bao gồm ... khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu” (trang 363). Tỉnh Thái Nguyên không có khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu. - Huyện Phú Bình là đô thị trung tâm của tỉnh, ... (trang 581).	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
203	- Trong thời gian tới, tỉnh cần nghiên cứu ban hành các cơ chế chính sách tạo điều kiện cho các địa phương trong vùng đầu tư cơ sở hạ tầng, ... (trang 364).	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa
204	Về quy hoạch phát triển sân golf (trang 369): Tỉnh đề xuất quy hoạch 15 sân golf. Việc quy hoạch nhiều sân golf mới cần phải có sự nghiên cứu kỹ lưỡng, đánh giá cụ thể nhu cầu, hiện trạng tài nguyên đất đai, tránh tình trạng chiếm dụng, lãng phí nguồn lực đất đai, ảnh hưởng đến sản xuất của người dân.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hiện này số lượng dự kiến quy hoạch sân golf đã giảm xuống còn 13 sân. Tiếp thu, bổ sung diện tích đất TĐTT công cộng cho các xã phường đảm bảo đúng thiết chế văn hóa cũng như định mức sử dụng đất TĐTT đã được quy định
205	Đối với quy hoạch hệ thống sân gôn, quy hoạch bổ sung 15 sân gôn là rất lớn, đề nghị cân nhắc giảm bớt, đồng thời bổ sung diện tích đất TĐTT công cộng cho các xã phường đảm bảo đúng thiết chế văn hóa cũng như định mức sử dụng đất TĐTT đã được quy định. $DT_{\text{đất TĐTT2030 chưa gồm sân gôn}} = 1,52 \text{ triệu} * (0,88 - 1,99 \text{ m}^2/\text{người}) - DT_{\text{HT2020}} = 140 \text{ ha (tối đa)}$	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hiện này số lượng dự kiến quy hoạch sân golf đã giảm xuống còn 13 sân. Tiếp thu, bổ sung diện tích đất TĐTT công cộng cho các xã phường đảm bảo đúng thiết chế văn hóa cũng như định mức sử dụng đất TĐTT đã được quy định
206	Để phát triển các khu vực có vai trò động lực, báo cáo đã đề xuất các dự án liên quan đến phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, tuy nhiên cần rà soát, xem xét khả năng sử dụng khi đề xuất phương án phát triển khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng vui chơi, giải trí thể thao sân gôn tỉnh Thái Nguyên, trong đó có 15 khu dịch vụ có sân gôn trên địa bàn (trang 369), nội dung này nên đưa về mục 4.7. (trang 506).	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa tại “mục 4.7.3.2. Định hướng phát triển tuyến, điểm du lịch”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
207	Tại nội dung Phương án quy hoạch phát triển khu vực có vai trò động lực (mục 2.4.2 trang 361) của Báo cáo Quy hoạch tỉnh có đề cập đến việc “Xác định các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, bao gồm các trung tâm đô thị, vùng công nghiệp tập trung, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu” Tuy nhiên, tỉnh Thái Nguyên không có đường biên giới, không có bờ biển, do đó, việc đề cập đến các nội dung khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu trong phương án quy hoạch phát triển khu vực có vai trò động lực của tỉnh là chưa hợp lý. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên rà soát, chỉnh sửa,	BỘ CÔNG AN	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa
208	Đề nghị trong quy hoạch xung quanh khu vực, các công trình liên quan an ninh, quốc phòng, các địa bàn trọng điểm chiến lược, cần lưu ý đến việc phê duyệt, quản lý các doanh nghiệp, dự án đầu tư nước ngoài, người nước ngoài mua cổ phần, góp vốn đầu tư, “núp bóng” đầu tư vào các dự án bất động sản tại đây. Không để xảy ra tình trạng các công trình, dự án sau khi đã được quy hoạch, phê duyệt không thể triển khai hoặc triển khai chậm do có sự chồng lấn với các khu vực đất quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ chiến lược hoặc hình thành các “điểm nóng” về an ninh trật tự... tạo điều kiện cho các thế lực thù địch, phản động lợi dụng kích động chống phá Đảng, Nhà nước.	BỘ CÔNG AN	Trong quá trình lập quy hoạch tỉnh cơ quan lập quy hoạch tỉnh đã phối hợp các sở ngành địa phương trong đó ngành An ninh, để đảm bảo các quy hoạch không ảnh hưởng đến vấn đề an ninh quốc phòng, không trùng lập với các quy hoạch an ninh quốc phòng. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, tiếp thu ý kiến của Bộ Công an, tỉnh Thái Nguyên sẽ đảm bảo vấn đề an ninh trật tự trong quá trình quản lý các dự án đầu tư.
	2.4.3. Phương án quy hoạch phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
209	Đối với Phương án phát triển các khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn cần bổ sung nội dung: xây dựng phương án kết nối, liên kết giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực có vai trò động lực của tỉnh, để hỗ trợ, thúc đẩy, từng bước phát triển các khu vực đang được tỉnh quan tâm.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn là các xã, thôn được Ủy ban dân tộc Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 09 năm 2021, các xã, thôn này đã kết nối chung với tỉnh về hệ thống thông tin, giao thông, điện...
	III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT		
210	Tôi cho rằng, những nội dung nào có phương hướng quy hoạch các ngành kinh tế kỹ thuật thì toàn bộ các nội dung về quan điểm, mục tiêu, dự báo nhu cầu nên chuyển vào phần phương hướng quy hoạch phát triển các ngành đó. Nội dung phương án quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật nên đi trực tiếp vào từng loại hạ tầng, bắt đầu từ hệ thống hạ tầng quốc gia có mặt trên địa bàn, sau đó đến quy hoạch hệ thống kết nối hạ tầng quốc gia, với hệ thống hạ tầng của vùng và tỉnh rồi cuối cùng là hệ thống hạ tầng nội bộ kết nối các vùng trong tỉnh. Trong phương án quy hoạch cần đánh giá rõ hiện trạng đáp ứng đến đâu, dự báo nhu cầu và định hướng cải tạo, nâng cấp, kết nối hay đầu tư hệ thống mới.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Các nội dung phương hướng phát triển ngành và phát triển kết cấu hạ tầng thực hiện đúng với nhiệm vụ quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng phê duyệt vì vậy 2 nội dung phát triển ngành và phát triển kết cấu hạ tầng là tách biệt.
	3.1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông		
211	Về bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, hành lang liên tỉnh, liên huyện,... là chưa đáp ứng được yêu cầu làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định quy mô, thời điểm đầu tư, thứ tự ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa và đã bổ sung tại mục 3.1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
212	Đường Vành đai 5 – Hà Nội: Theo quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đường vành đai 5 – Hà Nội là đường cao tốc, trong dự thảo quy hoạch là quốc lộ. Vì vậy, đề nghị rà soát, cập nhật các nội dung đã tham gia góp ý tại văn bản số 301/BGTVT-KHĐT ngày 12/01/2022 nêu trên để bảo đảm tính khoa học, khả thi của quy hoạch tỉnh Thái Nguyên.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu chỉnh sửa nội dung về Vành đai 5 – Hà Nội là đường cao tốc phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021
213	Thông tin, số liệu đã được cập nhật đến năm 2020, đề nghị bổ sung đánh giá thêm về ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến số liệu thống kê về vận tải, trường hợp cần thiết cần kiến nghị loại bỏ số liệu bất thường trong quá trình phân tích, dự báo; về dự báo các yếu tố và điều kiện phát triển. Đề nghị bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải có phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Trong báo cáo đã tính toán, phân tích đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng của Covid đối với vận tải, để loại bỏ các yếu tố bất thường.
214	Đã nghiên cứu bố trí không gian các công trình giao thông quốc gia trên địa bàn như đường vành đai 5 – Hà Nội, đường bộ cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên – Bắc Kạn, hệ thống quốc lộ, cảng đường thủy nội địa,... làm cơ sở để xây dựng các định hướng phát triển giao thông tỉnh; Cơ bản đảm bảo sự kết nối, thống nhất với quy hoạch ngành quốc gia, tuy nhiên cần rà soát bảo đảm phù hợp với phương án quy hoạch ngành quốc gia được duyệt.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu chỉnh sửa trong các báo cáo đảm bảo đảm phù hợp với phương án quy hoạch ngành quốc gia được duyệt.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
215	Về dự báo nhu cầu, báo cáo có dự báo tổng khối lượng vận chuyển đường bộ, đường thủy theo hệ số đàn hồi, kết quả dự báo khối lượng vận tải đưa ra (các năm từ 2021 đến 2025 và năm 2030) cơ bản là phù hợp giữa thuyết minh về GRDP (8%-8,5%), hệ số đàn hồi (1,53 và 1,33). Trên một số hành lang vận tải, báo cáo có sử dụng kết quả dự báo trong quy hoạch ngành quốc gia về GTVT, tuy nhiên chưa có phân tích, đánh giá. Các tuyến cao tốc, quốc lộ có đưa ra kết quả dự báo lưu lượng nhưng chưa dẫn nguồn, đề nghị nêu rõ nguồn số liệu. Ngoài ra, báo cáo nên có phân tích, dự báo lưu lượng cho đường tỉnh.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh tiếp thu, bổ sung tại “mục 3.1.2.4. Dự báo lưu lượng trên các tuyến giao thông chính”.
216	Bổ sung nội dung về định hướng chung phát triển hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh, nhất là các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu tại mục “6.2. Quy hoạch xây dựng các vùng cấp huyện”
217	Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong báo cáo chỉ trình bày định hướng sơ bộ quy hoạch kết cấu hạ tầng, đề nghị bổ sung vào phương án mục tiêu đến năm 2030 về khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách dự kiến đạt được/thông qua; bổ sung chỉ tiêu về vận tải hành khách công cộng do trong giai đoạn tới tỉnh Thái Nguyên định hướng phát triển nhiều khu công nghiệp, khu du lịch; bổ sung định hướng phân đầu đến năm 2030 đưa vào cấp kỹ thuật các tuyến đường tỉnh quan trọng, mở mới một số tuyến cần thiết làm cơ sở xác định phương án phát triển KCHTGT.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tỉnh đã tiếp thu chỉnh sửa trong các nội dung về khối lượng vận tải, vận tải hành khách công cộng và định hướng một số tuyến đường địa phương quan trọng.
218	Đề nghị nghiên cứu, phân nhóm thành hệ thống cao tốc, hệ thống quốc lộ, hệ thống đường địa phương để trình bày trong thuyết minh cho logic, dễ hiểu.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo tại “tiểu mục 3.1.3. Định hướng

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			phát triển của mục 3.1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông”
	3.1.3. Định hướng phát triển		
219	Mục 3.1.3. "Định hướng phát triển" cần sửa thành Phương án phát triển cho phù hợp với thời kỳ 10 năm (định hướng chỉ sử dụng cho thời kỳ 2050).	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “3.1.3. Định hướng phát triển”
	3.1.3.1. Đường bộ		
220	Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Quy hoạch, xem xét, rà soát lại, không quy hoạch các dự án cấp huyện trong quy hoạch tỉnh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa về việc không quy hoạch các dự án cấp huyện trong quy hoạch tỉnh.
221	Xem xét, rà soát cụ thể định hướng quy hoạch từng tuyến đường cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa trong Báo cáo tổng hợp và Báo cáo chi tiết phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
222	Số lượng dự án, tên dự án, quy mô dự án trong phần định hướng quy hoạch của Báo cáo (từ trang 383 đến 385) không thống nhất với Bảng 2.6.18 (trang 387) và Phụ lục 4 trong dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị xem xét, rà soát lại.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa
223	Đường Vành đai 5 - Hà Nội: Tại trang 383, đề nghị điều chỉnh từ ... tuyến vành đai V có quy mô là đường cao tốc, 6 làn xe bằng phương án xây dựng cầu cạn. Tuy nhiên đề linh hoạt đề nghị điều chỉnh như sau ... tuyến vành đai V là cao tốc đô thị hoặc cao tốc thông thường, quy mô 6 làn xe.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa
224	Đề nghị rà soát, cập nhật quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho phù hợp với quy mô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Trong đó cần lưu ý quy hoạch các tuyến quốc lộ có quy mô “tối thiểu” để bảo đảm tính mở của quy hoạch, quy mô đầu tư được xác định theo nhu cầu vận tải và nguồn lực, tránh phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa, rà soát, cập nhật quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với quy mô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.
225	Đề nghị rà soát, chuyển nội dung: Phát triển “trục hồ Núi Cốc” kết nối với đường 270, đường 261 với thị trấn Đại Từ - Thị trấn Quân Chu - Phố Yên thành một vành đai phát triển, khai thác không gian hồ Núi Cốc, khu vực Tam Đảo (kết nối với tỉnh Vĩnh Phúc) và quỹ đất, tạo sự gắn kết khu vực phía Tây Thái Nguyên với khu vực Trung tâm. Sang phần hệ thống đường địa phương do tuyến đường này không thuộc hệ thống đường bộ quốc gia.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo, đưa tuyến đường ven Hồ Núi Cốc vào danh mục đường địa phương theo đúng quy định.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
226	Các tuyến đường địa phương trong quy hoạch tỉnh chỉ xác định về chiều dài, quy mô, đề nghị bổ sung điểm đầu, điểm cuối, tiến trình đầu tư. Tương tự như trên, đối với các tuyến đường do địa phương quản lý, nghiên cứu bổ sung cụm từ quy mô tối thiểu; các đoạn qua đô thị xác định quy mô phù hợp quy hoạch đô thị (không phải quy mô tối thiểu).	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo thể hiện đầy đủ điểm đầu, điểm cuối, tiến trình đầu tư các tuyến đường địa phương trong quy hoạch.
227	Nội dung quy hoạch chưa thể hiện được nội dung về quy hoạch giao thông đô thị, đề nghị bổ sung. Đây là quy hoạch có tính dài hạn, nghiên cứu quy hoạch hệ thống vận tải theo các hành lang liên vùng, liên huyện, gắn với các tuyến giao thông quốc gia trên địa bàn, định hướng phát triển du lịch, khu công nghiệp, đô thị,..., trong đó đường bộ có vai trò chủ đạo, được hỗ trợ bằng hệ thống giao thông thủy (nếu có).	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa, trong các Báo cáo đã có định hướng về giao thông đô thị. Phương án chi tiết triển khai trong các quy hoạch vùng và quy hoạch đô thị.
228	Đối với giao thông đô thị, đề nghị nghiên cứu quy hoạch hệ thống đường vành đai thành phố Thái Nguyên làm cơ sở định hướng phát triển đô thị, quản lý quỹ đất, hạn chế xe quá cảnh qua thành phố Thái Nguyên.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo gồm tuyến vành đai I và vành đai II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
229	Đối với các đường trục chính đô thị đi trùng hệ thống quốc lộ, đề nghị quy hoạch xây dựng hệ thống đường gom, đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo, nội dung chi tiết triển khai trong quá trình lập quy hoạch xây dựng đô thị, các tuyến đường đô thị sẽ quy hoạch sẽ hệ thống đường gom theo quy định của pháp luật.
230	Đối với các đường trục chính đô thị đi trùng hệ thống quốc lộ, đề nghị quy hoạch xây dựng hệ thống đường gom, đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung chỉnh sửa nội dung tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	các quốc lộ. Bổ sung định hướng phân đầu tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16%-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị để phù hợp Luật Giao thông đường bộ và quy hoạch mạng lưới đường bộ.		đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16%-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị.
231	Đề nghị bổ sung quy hoạch các tuyến kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông trên địa bàn Thái Nguyên được định hướng tại Phụ lục IV, Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ;	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát và bảo đảm sự kết nối các phương thức vận tải, đầu mối giao thông cấp quốc gia.
232	Bổ sung quy hoạch đầu nối vào các tuyến cao tốc, quốc lộ theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 59, Luật Quy hoạch.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung quy hoạch đầu nối vào các tuyến cao tốc, quốc lộ trong phụ lục phương án phát triển mạng lưới giao thông.
233	Cao tốc: Báo cáo quy hoạch Tinh cơ bản đã có cập nhật theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch 1454) nhưng vẫn còn điểm chưa phù hợp. Trên địa bàn tỉnh có 2 tuyến cao tốc: Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng (CT.07), đoạn qua tỉnh có quy mô 6 làn và 4 làn xe, tiến trình đầu tư trước 2030; Vành đai V vùng Hà Nội (CT.39), có quy mô 6 làn xe, tiến trình đầu tư trước 2030. Phương án quy hoạch tuyến vành đai V trên địa bàn tỉnh có đoạn cấp II, 4 làn xe là chưa phù hợp. Ngoài ra, báo cáo cần xác định vị trí tuyến, chiều dài tuyến đi trên địa bàn tỉnh, quy mô từng đoạn.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa, rà soát, cập nhật quy hoạch các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với quy mô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Riêng đối với đường VĐ 5 cần phân kỳ đầu tư theo giai đoạn.
234	Quốc lộ: Báo cáo quy hoạch tinh cơ bản đã bám sát theo Quy hoạch 1454, tuy nhiên quy hoạch nên tách ra các nhóm quốc lộ chính yếu (QL.3, QL.37, đường Hồ Chí Minh), quốc lộ thứ yếu (QL.1B, QL.17, QL.3C) và bổ sung thông tin điểm đầu, điểm cuối, chiều dài đoạn đi qua tỉnh.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
235	Đường tỉnh: 15 tuyến đường tỉnh mới chưa được thuyết minh về quy mô quy hoạch (cấp đường) làm cơ sở tính quỹ đất, là các tuyến 261B, 270B, 272, 273, 262B, 263D, 265B, 266B, 269F, 264C, 263E, 261F, 270C, 270D.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung
	3.1.3.2. Đường sắt		
236	Xem xét, rà soát lại việc định hướng nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên và tuyến Kép - Lưu Xá đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/11/2021.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa tại “mục 3.1.3.2. Đường sắt” đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/11/2021.
237	Về mục tiêu phát triển: Theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1769/QĐ- TTg ngày 19/10/2021 (Quyết định 1769): <i>mục tiêu đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp để khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có (trong đó có tuyến đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên, Kép - Lưu Xá; tầm nhìn đến năm 2050: Từng bước xây dựng các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu từng giai đoạn (trong đó có tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái). Tuy nhiên, trong báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là “nâng cấp, xây dựng tuyến đường sắt Thái Nguyên - Núi Hồng kéo dài sang Tuyên Quang để nối với đường sắt Hà Nội - Lào Cai”.</i> Vì vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát, chỉnh sửa phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
238	Theo Quyết định 1769, nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu 07 tuyến đường sắt hiện có (trong đó: Tuyến Hà Nội - Thái Nguyên từ ga Đông Anh đến ga Quán Triều: đường đơn, khổ lồng 1.000 mm và 1.435 mm, chiều dài 55 km; Tuyến Kép - Lưu Xá từ ga Kép đến ga Lưu Xá: đường đơn, khổ 1.435 mm, chiều dài 56 km). Tuy nhiên, trong báo cáo Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là: “Nâng cấp cải tạo hai tuyến đường sắt hiện có là tuyến Hà Nội - Thái Nguyên đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, khổ đường lồng và tuyến Kép - Lưu Xá, khổ đường 1435mm”. Vì vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp. Theo Quyết định 1769, xây dựng mới tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái (giai đoạn đến năm 2050); Quá trình lập quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, cơ quan tổ chức lập quy hoạch căn cứ Quy hoạch mạng lưới đường sắt được duyệt đề tích hợp bảo đảm tính đồng bộ; đồng thời, quy hoạch các tuyến đường sắt (bao gồm quy mô, hướng tuyến,...) để kết nối cảng biển lớn, cảng cạn, cảng thủy nội địa, các khu kinh tế, khu du lịch... với đường sắt quốc gia đáp ứng nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực đầu tư của các địa phương... Tuy nhiên, trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên là: “Sau 2030, xây mới tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái để kết nối với tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai với tổng chiều dài dự kiến khoảng 73km, khổ đường 1435”. Vì vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa, rà soát các nội dung trong Báo cáo bảo đảm phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021.
239	Quy hoạch mạng lưới đường sắt (Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê) đặt mục tiêu nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu 07 tuyến đường sắt hiện có, không xác định nâng cấp phải đạt cấp đối với các tuyến hiện có (gồm cả Hà Nội - Thái Nguyên) nên đề nghị báo cáo điều chỉnh	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	cho phù hợp (không nêu đạt cấp I).		
240	Đối với tuyến xây dựng mới Thái Nguyên - Tuyên Quang - Yên Bái, đường đơn, khổ 1435mm, đề nghị bổ sung mô tả sơ bộ hướng tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, lưu ý phối hợp với tỉnh Tuyên Quang, Bộ Giao thông vận tải khi triển khai quy hoạch chi tiết tuyến đường sắt (quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành), đề dự trữ quy đất, bố trí các giao cắt đối với các quốc lộ, đường tỉnh... trên địa bàn.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “3.1.3.2. Đường sắt”.
	3.1.3.3. Đường thủy		
241	Báo cáo định hướng “Đầu tư mở rộng cụm cảng Đa Phúc theo quy hoạch hệ thống cụm cảng sông phía Bắc” (trang 555) - Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng đường thủy nội địa phía Bắc (được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt số 1112/QĐ-BGTVT ngày 26/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) là danh mục số 184 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ, quy hoạch này sẽ được tích hợp vào Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030 và Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên sau khi được phê duyệt. Đề nghị Báo cáo nghiên cứu, xem xét, bổ sung.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa trong các Báo cáo đảm bảo phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.
242	Đề nghị cập nhật quy hoạch đến năm 2030 các tuyến đường thủy nội địa quốc gia qua địa phương trong Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật đảm bảo phù hợp với Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
243	Việc quy hoạch cảng thủy nội địa cần phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, phù hợp với nhu cầu thông qua hàng hóa vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa đảm bảo không dư thừa công suất và tiết kiệm nguồn lực đầu tư.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và nhu cầu thông qua hàng hóa vận tải bằng phương thức đường thủy nội địa đảm bảo không dư thừa công suất và tiết kiệm nguồn lực đầu tư.
244	Báo cáo quy hoạch tuyến đường thủy qua địa bàn tỉnh gồm 2 đoạn sông cấp III, đã phù hợp với Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên báo cáo nên trình bày lại cho phù hợp với nội dung trong quyết định 1829/QĐ-TTg (trên địa bàn có tuyến đường thủy Phả Lại - Đa Phúc, cấp III, tuyến đi trên 02 đoạn sông Cầu và sông Công).	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 3.1.3.3. Đường thủy
245	Trong nội dung quy hoạch cảng, bến thủy nội địa đề nghị bổ sung quy hoạch quy mô có thể tiếp nhận các cỡ tàu đối với các cảng, bến thủy nội địa; dự kiến quy hoạch sử dụng đất (quỹ đất) phát triển cảng, bến thủy nội địa.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 3.1.3.3. Đường thủy
	3.1.4. Kiến nghị danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện		
246	Danh mục dự án đề xuất trong quy hoạch - Đề nghị sắp xếp các dự án riêng theo từng mục: Dự án cải tạo, nâng cấp; Dự án xây dựng mới; phân kỳ đầu tư và sắp xếp dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa tại “Bảng 2.6. 19: Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3.1.5. Giải pháp và nguồn lực thực hiện		
247	Đề nghị nghiên cứu bổ sung giải pháp về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, trong đó có lĩnh vực giao thông vận tải để các địa phương chủ động bố trí được các nguồn lực đầu tư, quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông của trung ương trên địa bàn.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục 3.1.6. Giải pháp và nguồn lực thực hiện.
248	Đề nghị rà soát lại các chương mục, các lỗi văn phạm, chính tả trong Báo cáo quy hoạch và các văn bản kèm theo.	TS. LÊ ĐỖ MƯỜI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung
	3.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện		
249	Phối hợp với Bộ Công Thương, xem xét, rà soát cụ thể việc định hướng cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch hệ thống lưới điện truyền tải và trạm biến áp 500KV, 220KV, 110KV phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được xây dựng.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu ý kiến
250	Trong Báo cáo không đề cập đến việc cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng mới hệ thống mạng lưới điện trung áp và trạm biến áp hạ áp. Đề nghị rà soát, xem xét định hướng bổ sung trong quy hoạch các dự án về mạng lưới đường dây dẫn điện trung áp 35KV, 22KV (vị trí, chiều dài, kinh phí đầu tư xây dựng) có vị trí xây dựng liên huyện (nếu có) cần cải tạo nâng cấp hoặc xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch; Phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện; Vị trí và diện tích đất dành cho các dự án xây dựng mới.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh có ý kiến như sau: Phương án phát triển mạng lưới cấp điện đề cập đến mạng lưới điện lớn, có ảnh hưởng lớn đối với vùng, tỉnh, vùng liên huyện, vùng huyện. Do vậy, không đề cập chi tiết đến mạng lưới đường dây dẫn điện trung áp 35KV, 22KV.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
251	Nội dung Phương án phát triển mạng lưới cấp điện (các trang 390-395 Dự thảo Báo cáo) cơ bản phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016. Tuy nhiên, các dự án trạm biến áp (TBA) 500 kv Thái Nguyên; TBA 220 kv Sông Công; TBA 220 kv Đại Từ chưa có trong Quy hoạch điện VII điều chỉnh; các dự án TBA 110 kv Yên Bình 6, TBA 110 kv Phú Bình 4, TBA 110 kv Sông Công 3, TBA 110 kv Đại Từ 3, TBA 110 kv Cao Ngạn, TBA 110 kv Thịnh Đức chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.	BỘ CÔNG THƯƠNG	- Lưới điện 500-220 kV được ĐVTV cập nhật theo dự thảo QHĐ VIII; - Các TBA 110kV Yên Bình 6, Phú Bình 4 và Sông Công 3 và Thịnh Đức xuất hiện theo nhu cầu phát triển (cả về quy mô và tiến độ) các KCN và CCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Các TBA này dự kiến cấp điện cho phụ tải mới phát triển trong các KCN Sông Công 2; Yên Bình, Phú Bình và CCN Thịnh Đức. - TBA Cao Ngạn là trạm Hóa Trung trong đề án QHPTĐL tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035, được đề xuất đẩy tiến độ từ giai đoạn 2031-2035 lên giai đoạn 2026-2030. - TBA Đại Từ 3 là trạm đề xuất trên địa bàn huyện Đại Từ cho giai đoạn sau 2030 để đảm bảo cấp điện cho các phụ tải CN trên địa bàn huyện.
252	Đề nghị sửa lại vốn đầu tư cho xây dựng “....trạm biến áp là 102.000 tỷ đồng” (đoạn giữa trang 395) cho đúng.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã chỉnh sửa bổ sung tại tiểu mục “3.2.4 Kiến nghị danh mục

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện” của mục “3.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện”.
	3.3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông		
	3.3.1. Quan điểm và mục tiêu		
253	Đề nghị sửa đoạn cuối (trang 397) :” Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành xây dựng nền tảng, các mục tiêu của chính quyền điện tử và chuyển đổi số ở một số lĩnh vực quan trọng trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ưu tiên đẩy nhanh chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch, công nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.” như sau:” Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành xây dựng nền tảng, các mục tiêu của chính quyền điện tử và chuyển đổi số ở một số lĩnh vực quan trọng; ưu tiên đẩy nhanh chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch, công nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.”	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại “mục 3.3.1.2. Mục tiêu tổng quát” của “mục 3.3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông”.
	3.3.3. Định hướng phát triển		
	3.3.3.1. Bưu chính		
254	Trang 402, mục 3.3.3.1. Bưu chính, đề nghị xem xét, chuyển nội dung “ <i>Tốc độ tăng trưởng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử đạt 10-15% vào năm 2025 và đạt 15-20%) vào năm 2030. Nhu cầu được tiếp nhận, trả hồ sơ tại nhà trên hạ tầng bưu chính số đạt 70%</i> ” sang trang 398, mục 3.3.2.1. Mục tiêu cụ thể, phần 1. Bưu chính. Trang 402, mục 3.3.3.1. Bưu chính, đề nghị xem xét loại bỏ	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Tiếp thu và chỉnh sửa: Nội dung “ <i>Tốc độ tăng trưởng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử đạt 10-15% vào năm 2025</i> ” được bổ sung vào mục 3.3.3.1. Bưu chính, mục tiêu cụ thể năm 2025 và nội dung “ <i>Tốc độ tăng</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nội dung “Đảm bảo 100%) điểm phục vụ bưu chính được cung cấp Internet băng rộng” do trùng lặp với nội dung tại trang 398, mục 3.3.2.1. Mục tiêu cụ thể, phần 1. Bưu chính. Trang 402, mục 3.3.3.1. Bưu chính, đề nghị xem xét bổ sung những nội dung sau: <i>Tập trung phát triển thương mại điện tử và logistics trên hạ tầng cơ sở bưu chính của tỉnh. Các doanh nghiệp bưu chính tỉnh vừa trực tiếp tham gia vào thương mại điện tử vừa phát huy dịch vụ hậu cần phục vụ thương mại điện tử, đặc biệt, khi giao dịch trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến, trở thành thị hiếu của đông đảo người dân.</i> <i>Khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ gắn với bản đồ số (Vpostcode) đến 100%) hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics.</i> <i>Chú trọng triển khai các dịch vụ tại điểm bưu điện văn hoá xã; triển khai các biện pháp phát triển sản phẩm đặc sản, nông sản OCOP trên sàn thương mại điện tử.</i> <i>Phát triển dịch vụ, tối ưu hóa dịch vụ truyền thống và cho ra đời sản phẩm, dịch vụ mới để tăng kết nối với khách hàng song song với quá trình chuyển đổi số và tận dụng IoT trong chuỗi cung ứng nhằm theo dõi, quản lý, phân tích, dự đoán và ra quyết định với các cơ hội kinh doanh tốt hơn.</i>		<i>trưởng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử đạt 15-20% vào năm 2030. Nhu cầu được tiếp nhận, trả hồ sơ tại nhà trên hạ tầng bưu chính số đạt 70%” được bổ sung vào phần mục tiêu cụ thể đến năm 2030.</i> Tiếp thu và đã chỉnh sửa, loại bỏ nội dung “Đảm bảo 100% điểm phục vụ bưu chính được cung cấp Internet băng rộng” tại trang 402, mục 3.3.3.1. Bưu chính.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	<i>Phát triển nguồn nhân lực bưu chính tại các điểm phục vụ để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các điểm phục vụ bưu chính; đảm bảo dịch vụ bưu chính an toàn, chính xác, đúng quy định. Bên cạnh đó, nguồn lực bưu chính cần được đào tạo, nâng cao chất lượng nhằm thực hiện thành thạo các nghiệp vụ về thương mại điện tử và logistics và cập nhật các dịch vụ mới.</i>		
	3.3.3.2. Viễn thông – hạ tầng số		
255	Trang 403, phần 3. Mạng thông tin di động, đề nghị xem xét loại bỏ nội dung “Tỷ lệ thiết bị IoT/100 dân đạt từ 110-120 thiết bị/100 dân ” do trùng lặp với nội dung tại trang 399, mục 3.3.2.1. Mục tiêu cụ thể, phần 2. Viễn thông - Hạ tầng số.	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã chỉnh sửa, loại bỏ nội dung “Tỷ lệ thiết bị IoT/100 dân đạt từ 110-120 thiết bị/100 dân” tại trang 403, phần 3. Mạng thông tin di động.
	3.3.3.3. Công nghệ thông tin		
256	Trang 404, mục 2. Phát triển chính quyền số, chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đề nghị rà soát, bổ sung các nền tảng số quốc gia theo Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bao gồm: các nền tảng hạ tầng số (nền tảng địa chỉ số quốc gia, nền tảng bản đồ số quốc gia, nền tảng điện toán đám mây); nền tảng chính phủ số (nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử; nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; nền tảng họp trực tuyến thể hệ mới cho cơ quan nhà nước); các nền tảng chuyển đổi số cho lĩnh vực y tế - giáo dục	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa (tại khoản 2, điểm 3.3.3.3 Công nghệ thông tin, mục III. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mục 6. Các phương án quy hoạch và phát triển tình thái nguyên thời kỳ 2021-2030).

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	- văn hóa - xã hội; nền tảng nông nghiệp - giao thông - công thương.... Trang 404, mục 3. Phát triển xã hội số, đề nghị rà soát, bổ sung các nội dung về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, y tế, với trọng tâm là phát triển các nền tảng số, phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử, triển khai các nền tảng y tế số đến xã.		
	3.3.3.4. An toàn, an ninh thông tin		
257	Trang 405, mục 3.3.3.4. An toàn, an ninh thông tin, đề nghị bổ sung nội dung về đào tạo phát triển nguồn nhân lực: <i>“Chủ trọng đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia tại tất cả các mảng của an toàn thông tin mạng; nâng cao chất lượng nhân lực an toàn thông tin mạng của tỉnh so với khu vực và cả nước</i>	BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa (tại điểm 3.3.3.4. An toàn, an ninh thông tin, mục III. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, mục 6. Các phương án quy hoạch và phát triển tình thái nguyên thời kỳ 2021-2030).
	3.4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi		
258	Báo cáo đã định hướng số lượng các công trình cấp nước cho sản xuất nông nghiệp cần cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch. Để đảm bảo nhu cầu cần cung cấp nước, phân kỳ đầu tư và xem xét, cân đối nguồn lực đầu tư, đề nghị Báo cáo xây dựng danh mục cụ thể các dự án (hồ chứa, đập dâng, trạm bơm), vị trí xây dựng các dự án cần xây dựng mới trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu trong báo cáo chuyên đề thủy lợi
259	Đối với giải pháp sử dụng đa mục tiêu hồ Núi Cốc, tại Quyết định số 5203/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu - sông Thương giai đoạn 2019-2030, tầm nhìn	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa tại tiêu “mục 2. Giải pháp sử dụng đa mục tiêu hồ Núi Cốc của mục 3.4.3.1.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	đến năm 2050 đã ghi rõ: “ <i>nâng dần mực nước chết từ cao trình +34m để kết hợp phục vụ du lịch trên cơ sở lộ trình hoàn thành các công trình thay thế một phần nhiệm vụ hồ Núi Cốc, đồng thời với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang loại cây sử dụng ít nước</i> ”. Vì vậy, nội dung liên quan đến duy trì mực nước hồ Núi Cốc trên cao trình +38m là không phù hợp, đề nghị điều chỉnh hồ sơ Quy hoạch tỉnh bảo đảm thống nhất với quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 5203/QĐ-BNN-TCTL.		Định hướng các giải pháp tưới”, để làm rõ việc nâng cao trình MNC hồ Núi Cốc chỉ thực hiện khi hoàn thành xây dựng các công trình thay thế và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
	3.5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước		
	3.5.2. Dự báo nhu cầu phát triển		
	3.5.3. Định hướng phát triển		
260	Đề nghị sửa 3.5.2. Dự báo nhu cầu phát triển (trang 417) số lượng các KCN và CCN cho khớp với phần quy hoạch KCN, CCN	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại tiểu “mục 3.5.2. Dự báo nhu cầu phát triển của mục 3.5. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước”
	IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI		
261	Xem xét, đề xuất các dự án đầu tư cụ thể trong thời kỳ quy hoạch, vị trí đầu tư, kinh phí đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên đầu tư.	BỘ KẾ HOẠCH ĐẦU TU	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này. Trong báo cáo đã thể hiện những nội dung này tại “bảng 3.1. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư thời kỳ 2021-2030 tỉnh Thái Nguyên

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
262	Đề nghị bổ sung cụ thể hơn phương hướng phát triển văn hóa các dân tộc, trong đó chú trọng đến công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc tỉnh Thái Nguyên.	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã bổ sung tại mục 1.2.6. <i>Phương hướng phát triển ngành văn hóa, thể thao.</i>
263	Nội dung quy hoạch trong phương hướng phát triển các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Y tế, Văn hóa thể dục thể thao đã được đề cập trong phần phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng nhưng còn mờ nhạt, trong khi đó, các nội dung này trong phần phương án quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội lại được trình bày khá đầy đủ và chi tiết. Theo tôi, nên chuyển các nội dung về quan điểm, mục tiêu phát triển các hoạt động y tế, giáo dục trong phần phương hướng phát triển hạ tầng phục vụ y tế, giáo dục lên phần phương hướng quy hoạch phát triển y tế, giáo dục. Nên bổ sung quy hoạch các cơ sở giáo dục có chất lượng cao ở các trung tâm vùng; các bệnh viện có chất lượng cao ở Trung tâm Thành phố; đặc biệt cần chú trọng phương án quy hoạch phát triển nhà ở, y tế, giáo dục cho các khu công nghiệp thành một phần nội dung thỏa đáng.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Về nội dung này, cơ quan lập quy hoạch có ý kiến như sau: Nội dung phương án quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội là các vấn đề cụ thể cần logic và tiền đề để đề xuất giải pháp, nên CQLQH bảo lưu ý kiến. Đối với phương án quy hoạch phát triển nhà ở, y tế, giáo dục cho các khu công nghiệp, cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ở từng phương án tại “mục IV. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội”.
	4.1. Phương án phát triển nhà ở		
	4.2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe		
264	- Bổ sung nội dung thống kê số cơ sở y tế công lập và ngoài công lập trên địa bàn tỉnh, bổ sung danh sách, gồm: tên, vị trí, quy mô cơ sở y tế cấp tỉnh và liên huyện trên địa bàn tỉnh. - Bổ sung dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở y tế cấp tỉnh và liên huyện, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030).	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan quy hoạch đã tiếp thu tại mục “4.2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc khỏe”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
265	Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe: Xem xét, phân tích nguyên nhân năm 2020 đã có 178/178 (100%) xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (trang 84) nhưng mục tiêu đến năm 2030 chỉ duy trì trên 98% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (trang 476).	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa thành “duy trì 100% xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã” tại tiểu mục 4.2.1.2. <i>Quan điểm mục tiêu của mục 4.2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe</i>
266	- Đề nghị rà soát và xác định lại các chỉ mục, mục tiêu bảo đảm sự thống nhất trong toàn bộ Hồ sơ quy hoạch, phù hợp với tình hình thực tế: + Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế năm 2025: giai đoạn 2016 - 2020 đã đạt tỷ lệ 97,2%; trong tại trang 300 và trang 590 chỉ đặt mục tiêu chỉ là 95%, trang 580 là 98,5% trở lên; trang 595 là 99%. + Tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân năm 2030: trang 300 chỉ tiêu này là 19,0, trong khi trang 476 là 20. + Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân: trang 477, đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt 55, đến năm 2030 đạt 60. Tuy nhiên, trang 300 lại đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt 51, đến năm 2030 đạt 55. + Tuổi thọ bình quân năm 2025: trang 300 đạt 75 tuổi, trong khi trang 477 đạt 74,5 tuổi.	BỘ Y TẾ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại bảng “Bảng 2.5. 18: Các chỉ tiêu phát triển tỉnh Thái Nguyên” và mục “4.2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe”
267	Đề nghị bổ sung thêm một số chỉ tiêu, mục tiêu như tỷ lệ được sĩ đại học trên 10.000 dân., bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.	BỘ Y TẾ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục 4.2.1.2. <i>Quan điểm mục tiêu của mục 4.2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4.3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo		
268	Bổ sung danh sách, gồm: tên, vị trí, quy mô cơ sở giáo dục - đào tạo cấp quốc gia, tỉnh và liên huyện, dự kiến tổng diện tích đất sử dụng để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo của tỉnh thời kỳ 2021-2030. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở giáo dục - đào tạo do tỉnh quản lý, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030).	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “4.3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo”
269	Về mục tiêu phát triển: Đề nghị nghiên cứu bổ sung một số mục tiêu, chỉ tiêu đối với cấp học mầm non, tiểu học, THCS và THPT như: học sinh/lớp, học 2 buổi/ngày, trường đạt chuẩn quốc gia, xã hội hóa giáo dục và đào tạo,... Đề nghị rà soát các mục tiêu đối với giáo dục đại học: “ <i>Đến năm 2025, tăng số sinh viên đại học, cao đẳng là người dân Thái Nguyên đạt 400 sinh viên/vạn dân</i> ” và “ <i>Đến năm 2030, tăng số sinh viên đại học, cao đẳng là người dân Thái Nguyên đạt 500 sinh viên/vạn dân</i> ” để đảm bảo phù hợp, khả thi (phần thực trạng giáo dục và đào tạo lại báo cáo không đề cập chỉ tiêu này nên chưa có căn cứ để đối chiếu. Hơn nữa chỉ tiêu này trên cả nước hiện mới chỉ đạt chưa đến 200 sinh viên/vạn dân).	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa. Đối với chỉ tiêu đến năm 2025 và 2030 như vậy là phù hợp do Thái Nguyên là trung tâm cấp vùng về giáo dục nên sẽ tập trung đông đảo số lượng SV từ các địa phương khác.
270	Đề nghị bổ sung thuyết minh cơ sở đề xuất các mục tiêu quy hoạch, số lượng các cơ sở giáo dục các cấp học trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và 2030; nghiên cứu cần cụ thể hơn phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (TH, THCS, THPT), giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (loại hình, quy mô, địa điểm và không gian bố trí) cho từng địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ sung phương án phát	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục (như xây nhà công vụ dành cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, ký túc xá cho học sinh dân tộc tại các trường nội trú, bán trú,...) đối với địa phương miền núi, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc; phương án phát triển các

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	triển cơ sở hạ tầng giáo dục (như xây nhà công vụ dành cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, ký túc xá cho học sinh dân tộc tại các trường nội trú, bán trú,...) đối với địa phương miền núi, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc; phương án phát triển các trung tâm học tập cộng đồng để nâng cao dân trí, chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.		trung tâm học tập cộng đồng để nâng cao dân trí, chuyển giao công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất không thể xây dựng trong quy hoạch tổng thể. Phần này chỉ có thể đưa vào các quy hoạch chi tiết
271	Đề nghị rà soát lại phương án mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đến năm 2030 để đảm bảo thống nhất, chính xác. Cụ thể: Báo cáo nêu: “Đến năm 2030: Trên địa bàn tỉnh 9 trường đại học”, phương án này mâu thuẫn với số lượng trường đại học đề cập ở Mục 5.3.1. Thực trạng kết cấu hạ tầng giáo dục, đào tạo (trang 191) là 10 trường đại học, trong khi quy hoạch đề xuất trong giai đoạn đến năm 2030 thành lập mới trường Đại học Quốc tế tại Thành phố Thái Nguyên. Cũng như vậy, đề nghị rà soát lại số liệu trường cao đẳng để đảm bảo thống nhất giữa các phần trong báo cáo. Ngoài ra, phương án phát triển mạng lưới trường cao đẳng được đề cập trong cả phần phương án phát triển giáo dục nghề nghiệp (Mục 4.3.2.6 trang 487) và phương án phát triển giáo dục đại học (Mục 4.3.2.7 trang 489) dễ gây trùng lặp, nhầm lẫn. Do vậy, đề nghị rà soát đảm bảo thống nhất.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục 4.3.2.4. <i>Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của mục 4.3.2. Quan điểm mục tiêu</i>
272	Đề nghị cập nhật việc đổi tên trường đại học Việt Bắc thành trường đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên theo Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục 4.3.2.4. <i>Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo của mục 4.3.2. Quan điểm mục tiêu</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
273	Về kiến nghị danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện (Mục 4.3.3. trang 489): Đề nghị xem lại đề xuất thành lập mới trường Đại học Quốc tế tại thành phố Thái Nguyên. Việc thành lập mới trường đại học phải đảm bảo tuân thủ, phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai xây dựng.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, không đưa nội dung thành lập mới trường Đại học Quốc tế tại thành phố Thái Nguyên vào quy hoạch.
274	Về các giải pháp và nguồn lực thực hiện (Mục 4.3.3 trang 489): Đề nghị bổ sung giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó đảm bảo quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục phù hợp với việc sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới trường, lớp học, đảm bảo hiệu quả đầu tư lâu dài; ưu tiên quỹ đất để xây dựng trường học; bố trí quỹ đất tại các khu đô thị mới, khu tái định cư, khu vực đông dân cư để xây dựng trường học; ưu đãi về chính sách đất đai để đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục theo các quy định của Nhà nước ; bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập, ưu tiên bố trí quỹ đất để kêu gọi xã hội hóa phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; và giải pháp ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, hợp tác quốc tế... cho phát triển mạng lưới giáo dục và đào tạo của tỉnh.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa tại mục “4.3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo”
	4.4. Phương án phát triển khoa học và công nghệ		
275	Bổ sung thống kê số cơ sở khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, bao gồm các cơ sở khoa học - công nghệ công lập và các cơ sở khoa học - công nghệ ngoài công lập thành lập mới; bổ sung danh sách, gồm: tên, vị trí, quy mô cơ sở khoa học - công nghệ cấp tỉnh và liên huyện, dự kiến tổng diện tích đất sử dụng để phát triển các cơ sở khoa học - công nghệ trong kỳ quy hoạch.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu tại mục “4.4. Phương án phát triển khoa học và công nghệ”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng và nâng cấp các cơ sở khoa học -công nghệ của tỉnh, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030).		
276	Phương án phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, đề nghị nghiên cứu, xem xét lại: (i) “Xây dựng, bổ sung quy hoạch ... nhân lực khoa học và công nghệ” (trang 494) - xem xét lại việc định hướng bổ sung quy hoạch nào; (ii) Việc định hướng “Xây dựng quy hoạch hệ thống mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương giai đoạn 2021 - 2030” (trang 494), quy hoạch này không phù hợp với Luật Quy hoạch 2017.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu tại mục “4.4.2.6. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN” và mục “4.4.2.8. Phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao KH&CN”
277	Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ (trang 491): đề nghị chỉnh sửa lại tiêu đề của nội dung thành “Phương án phát triển khoa học và công nghệ”; các nội dung đề cập đã nêu cơ bản đầy đủ các nội dung nhằm phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Thái Nguyên trong thời kỳ 2021-2030. Tuy nhiên, về giải pháp và nguồn lực thực hiện cần đưa ra số liệu định lượng cụ thể, đặc biệt là giải pháp về đầu tư tài chính dành cho khoa học và công nghệ. Đồng thời, trong giải pháp cần thể hiện được việc xã hội hóa trong đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh mà không phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách nhà nước.	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa thành “4.4. Phương án phát triển khoa học và công nghệ”
278	Đối với danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: Tại trang 495, Báo cáo đã nêu một số dự án ưu tiên đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ , tuy nhiên tại các Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện (trang 710) chưa có dự án nào trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, đề nghị bổ sung. Đồng thời, đối với mỗi dự án đầu tư cần thể hiện cụ thể về nguồn vốn, kinh phí và thời gian thực hiện để từ đó có căn cứ bố trí nguồn lực thực hiện.	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu “mục 4.4.3. Kiến nghị danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện của mục 4.4. Phương án phát triển khoa học và công nghệ”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	4.5. Phương án phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội		
279	Thông kê tổng số cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030. Xác định tên, vị trí, quy mô từng cơ sở dạy nghề, dự kiến tổng nhu cầu về đất. Thông kê tổng số cơ sở trợ giúp xã hội và cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030. Xác định tên, vị trí, quy mô từng cơ sở, dự kiến tổng nhu cầu về đất. Xác định quy mô phục vụ đối tượng thuộc diện trợ giúp, nuôi dưỡng, điều dưỡng. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư để xây dựng mới và nâng cấp các cơ sở dạy nghề và cơ sở bảo trợ xã hội do tỉnh quản lý, phân kỳ theo từng giai đoạn (2021-2025 và 2026-2030).	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã có trong báo cáo chuyên đề của giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội.
280	Đề nghị bỏ quan điểm phát triển vì có sự trùng lặp với quan điểm phát triển chung của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Đối với phương án phát triển các kết cấu hạ tầng xã hội đề nghị tập trung cho các nội dung về mục tiêu, định hướng phát triển, giải pháp thực hiện.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập Quy hoạch đã chỉnh sửa
281	Đề nghị rà soát, bỏ chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo tại dòng thứ 10 từ trên xuống trang 499.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại tiểu mục “4.5.1.2. Mục tiêu cụ thể và một số chỉ tiêu phát triển của mục 4.5.1. Quan điểm mục tiêu (4.5. Phương án phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội)”
282	Đề nghị rà soát, sắp xếp lại các phương án phát triển phù hợp với nội dung các quy hoạch ngành quốc gia theo Luật Quy hoạch và	BỘ LAO ĐỘNG,	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4.5.2. Định

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	các quy hoạch tích hợp khác, gồm: (1) Phương án phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (2) phương án phát triển các trung tâm dịch vụ việc làm; (3) phương án phát triển các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; (4) Phương án phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội (bao gồm cả cơ sở cai nghiện ma túy).	THƯỜNG BINH VÀ XÃ HỘI	hướng phát triển (4.5. Phương án phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trợ giúp xã hội)”
	4.6. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao		
283	Đề nghị bổ sung phương án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.	BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu tại mục 2. Nhóm giải pháp về quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ (thuộc mục 4.6.4. Giải pháp và nguồn lực thực hiện).
	4.7. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở du lịch		
284	Phát triển du lịch là một trong ba ngành quan trọng được xác định trong kỳ quy hoạch, báo cáo (trang 506-514) cần bổ sung thêm nội dung: Định hướng phát triển các tuyến du lịch trên cơ sở liên kết vùng và nội vùng; cần làm rõ định hướng phân bố không gian mạng lưới cơ sở du lịch trên địa bàn tỉnh (cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch), bổ sung danh mục gồm: tên, địa điểm, quy mô, dự kiến tổng nhu cầu sử dụng đất.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung và giải trình: tại mục 4.7.3.2. Định hướng phát triển tuyến, điểm du lịch thuộc mục 4.7.3. các định hướng phát triển Và bổ sung danh mục các khu chức năng du lịch ưu tiên đầu tư vào phụ lục kèm báo cáo
285	Về phương án đề xuất phát triển sân gôn (trang 369), cần bổ sung đánh giá về nhu cầu, hiệu quả đầu tư trên địa bàn, nguồn vốn đầu tư, sự phù hợp với từng thời kỳ phát triển, việc bảo vệ tài nguyên môi trường. Ngoài ra, danh mục sân gôn bổ sung mới đảm bảo đáp ứng quy định tại Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân gôn, Luật Đầu tư năm 2020.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung các nội dung thông tin.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
286	Bổ sung danh mục dự án ưu tiên đối với Định hướng phát triển hệ thống cơ sở văn hóa - thể thao trên địa bàn tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại “mục 4.6. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao”
	4.8. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ		
287	Cần tổng hợp danh mục các loại hình siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm hội chợ, triển lãm về địa điểm, quy mô các khu đã được đầu tư, các khu quy hoạch mới cụ thể trong thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030. Phân tích, đánh giá về nhu cầu, hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với từng thời kỳ phát triển và bảo vệ môi trường.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này tại “mục 4.8. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ”.
288	Xem xét, bổ sung đề xuất các công trình cần đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới như: Bảo tàng, không gian trưng bày giới thiệu về di sản văn hóa, sản phẩm, ... ; Các công trình cần đầu tư tu bổ, tôn tạo, trùng tu di tích lịch sử, văn hóa, di tích tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh; Các dự án xây dựng trụ sở cơ quan quản lý nhà nước trong thời kỳ quy hoạch; Phân kỳ đầu tư và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại “mục 4.8. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ, thương mại, triển lãm, hội chợ”.
289	Báo cáo định hướng: “trong giai đoạn 2020 - 2030 điều chỉnh bổ sung quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phù hợp với các quy hoạch khác như ... quy hoạch giao thông” (trang 521). Đề nghị Báo cáo nghiên cứu, xem xét lại, sau khi Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, những quy hoạch trên không phù hợp với Luật Quy hoạch 2017.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “4.8.3.8. Phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
290	Đề nghị quan tâm xây dựng kho dự trữ, bảo quản, sơ chế, bao gói, phân loại, phân cấp nông sản tại một số vùng sản xuất nông sản tập trung trong thời gian tới theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập quy hoạch có ý kiến như sau: Theo Luật Quy hoạch, QH hệ thống kho dự trữ thuộc quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Theo CV số 373/BKHĐT-QLQH của Bộ Kế hoạch đầu tư V/v hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh không quy định về nội dung này. Tuy nhiên CQLQH đã đề cập tại mục “4.8.3.13. Định hướng phát triển hệ thống kho.”
291	Đề nghị bổ sung nội dung quy hoạch (dự báo và phát phương án phát triển) hệ thống kho xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Dự báo nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn Tỉnh và Vùng, làm cơ sở xác định về tổng mức quy mô sức chứa trong thời gian tới; làm rõ cơ sở xác định phương án quy hoạch kho xăng dầu khí đốt của Tỉnh giai đoạn quy hoạch; Phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong quá trình cập nhật, xây dựng Quy hoạch hạ tầng, dự trữ xăng dầu khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo thống nhất.	BỘ CÔNG THƯƠNG	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, nội dung này đã được đề cập tại mục “4.8.3.8 Phát triển mạng lưới bán lẻ xăng dầu và 4.8.3.9. Phát triển các cơ sở chiết nạp và hệ thống đại lý phân phối khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG)”
	4.9. Phương án phát triển hệ thống không gian xanh		
292	Cuối phần phương án quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, báo cáo dành mục 4.9. “Phương án phát triển hệ thống không gian xanh” từ trang 527 đến trang 548. Tôi không rõ nội dung quy hoạch này nếu đứng độc lập thì triển khai thực hiện thế nào, do vậy các vấn đề về phát triển Xanh phải được lồng vào các nội dung quy hoạch phát triển từng ngành, lĩnh vực cũng như quy hoạch phát	GS.TS. HOÀNG VĂN CUÔNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, nội dung này đã được trình bày tại Mục 4.3 Các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển không gian và tổ chức lãnh thổ

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	triển hệ thống kết cấu hạ tầng.	học Kinh tế Quốc Dân)	với việc đề xuất phân vùng và các hành lang phát triển.
	V. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN VÀ VÙNG HUYỆN		
293	Tôi đánh giá cao cách tiếp cận và nội dung trình bày, các bản đồ minh họa cho các phương án quy hoạch vùng liên huyện và vùng huyện là khá hiện đại. Tuy nhiên, phần trình bày về phương án phát triển các hành lang kinh tế chưa thật rõ, và mới dừng lại trong phạm vi Tỉnh. Tôi cho rằng, đối với Thái Nguyên cần chỉ ra các trục động lực liên vùng mà Tỉnh sẽ đóng vai trò kết nối và tạo điểm nhấn, đồng thời cần chỉ ra các cực phát triển được hình thành nên từ các vùng như Công nghiệp, Thương mại dịch vụ, Du lịch, Nông nghiệp giá trị cao. Các trục động lực và các cực phát triển phải được luận giải từ các phương án quy hoạch phát triển và khai thác các tiềm năng lợi thế để hình thành, đồng thời đến lượt mình, nó lại động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực và tạo sự lan tỏa cho phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, nội dung này đã được trình bày tại “Mục 4.3 Các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển không gian và tổ chức lãnh thổ”.
294	Đề nghị bổ sung nội dung về phát triển mạng lưới hạ tầng kỹ thuật tại phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, bao gồm phương án phát triển mạng lưới thủy lợi; mạng lưới cấp nước; mạng lưới thoát nước và cao độ nền; phát triển nghĩa trang và nhà tang lễ liên huyện...theo nội dung hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh tại Văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời, thể hiện nội dung đã được bổ sung tại bản đồ quy hoạch đảm bảo sự thống nhất.	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “VI. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện”
295	Phương án phân chia vùng liên huyện, cần bổ sung luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi ranh giới quy hoạch của 02 vùng liên huyện	NGUYỄN HUY DŨNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “VI.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	(vùng liên huyện phía Nam: Thành phố Thái Nguyên, TP Sông Công, thị xã Phổ Yên; các huyện Đại Từ và Phú Bình; vùng liên huyện phía Bắc: gồm các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ).	(Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện”
296	Đối với thành phố Sông Công, thị xã Phổ Yên và các huyện Đại Từ, Phú Bình, Định Hoá, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, cần bổ sung dự báo quy mô dân số, tỷ lệ đô thị hoá của vùng liên huyện, vùng huyện trong thời kỳ quy hoạch giúp cho việc bố trí, sắp xếp hệ thống các thị trấn, trung tâm cụm xã theo nhu cầu phân bố sản xuất và phân bố dân cư trong vùng.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “VI. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và vùng huyện”
	VI. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI THEO KHU CHỨC NĂNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
297	Bổ sung phân định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Đánh giá sự phù hợp của phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai của tỉnh với các phương án phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các loại đất như rừng đặc dụng, phòng hộ được quy định thủ tục chặt chẽ trong chuyển đổi, theo quy định tại Điều 20, Luật Lâm nghiệp, 2017: “Quốc hội quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 50 ha trở lên”. Cần có luận chứng cụ thể đối với việc thu hồi đất đến năm 2030, đối với rừng phòng hộ là 376,67 ha, rừng đặc dụng 82,2 ha, rừng sản xuất 9.392,52ha và chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ 688,52 ha, đặc dụng 82,2 ha, rừng sản xuất 10.968,3 ha, đối với rừng sản xuất chú ý với diện tích rừng tự nhiên phải chuyển đổi(trang 608-609). Bổ sung định hướng sử dụng đất đến năm 2050.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu ý kiến chuyên gia, diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình dự án sử dụng đất vào các mục quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai. Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung định hướng tầm nhìn sử dụng đất 50 năm tại mục 5.1.3. Định hướng tầm nhìn đến năm 2050 (30 năm)

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
298	Rà soát điều chỉnh hợp lý chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh Bảng 2.6.78 (trang 608-609) với số liệu theo QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ Tướng Chính phủ, Quyết định phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025. Các số liệu quy hoạch còn có sự sai khác đối với QĐ của Chính phủ như các loại đất nông nghiệp (đất trồng lúa...), đất phi nông nghiệp...	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 đã phù hợp với theo QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ Tướng Chính phủ (Phụ lục 11) Riêng diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên Chính phủ phân bổ Thái Nguyên đến năm 2030 giảm so với hiện trạng; nhưng tính đề xuất đến năm 2030 là 6.340,96 ha không giảm so với hiện trạng; Vì các công trình dự án trong QH tỉnh không sử dụng vào đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Đã sửa tại mục 5.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện
299	- Đối với phương án khoanh vùng đất đai, đề nghị bổ sung danh mục các công trình bố trí sử dụng đất, trong đó có danh mục các công trình đầu tư công trung hạn; bổ sung bảng chu chuyển đất đai thời kỳ quy hoạch. Luận chứng cụ thể về phương án bố trí sử dụng đất. Ví dụ: + Đất ở tại nông thôn tăng 5.819,32 bằng gần 60% diện tích hiện trạng. + Đất đô thị tăng 2.946,21 ha; cao hơn hiện trạng hiện có của tỉnh.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa tại báo cáo chuyên đề phương án khoanh vùng đất đai.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
300	Báo cáo đã định hướng và xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất, đề nghị lập phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo loại đất trong Báo cáo theo các chỉ tiêu tại Phụ lục 11 “Các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2030 và đến năm 2025 phân bổ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên” ban hành kèm theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2030.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 đã phù hợp với theo QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 11) Đã sửa tại mục 5.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất phần V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện
301	Sau khi phân bổ lại chỉ tiêu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, đề nghị xem xét, rà soát, chỉnh sửa lại các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong các Bảng thuộc mục “Phương án phát triển hệ thống không gian xanh” cho phù hợp.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Đã tiếp thu, chỉnh sửa tại 5.3. Chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện thuộc mục V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện
302	Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 thực hiện trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. - Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 5.4. Xác định các loại đất cần thu hồi, các loại đất cần chuyển đổi mục đích sử dụng và đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng, V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
303	- Định hướng sử dụng đất đến năm 2050. - Xây dựng các giải pháp để thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã bổ sung định hướng tầm nhìn sử dụng đất 50 năm tại mục 5.1.3. Định hướng tầm nhìn đến năm 2050 (30 năm). Phân giải pháp đã chi tiết tại báo cáo (Chuyên đề) phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai
304	Theo bảng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất theo 3 loại rừng đều giảm, cụ thể đất rừng đặc dụng (2.617 ha), đất rừng phòng hộ (909 ha), đất rừng sản xuất (11.603ha). Đề nghị bổ sung thuyết minh về mục đích chuyển đổi đất rừng (đặc biệt là đất rừng đặc dụng, phòng hộ).	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã có trong báo cáo chuyên đề phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai.
305	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện (Mục VI trang 605): - Về quan điểm phát triển: Đề nghị bổ sung quan điểm ưu tiên bố trí đất đai cho phát triển giáo dục và đào tạo. Về chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh (Mục 6.2.1 trang 608): Đề nghị rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp với Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia năm 2021-2025, theo đó chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tại tỉnh Thái Nguyên là 1100 ha và chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2025 tại tỉnh Thái Nguyên là 1067 ha. Cũng như vậy, đề nghị rà soát, chỉnh sửa chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện để đảm bảo phù hợp.	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch tỉnh tiếp thu, việc sử dụng đất cần đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch tỉnh. Việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đã phù hợp với Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
306	Trong báo cáo quy hoạch này đã tính toán các số liệu chi tiết về phân bổ đất đai cho từng mục đích sử dụng và phân chia đến từng đơn vị cấp huyện. Tuy nhiên, báo cáo chưa chỉ ra cơ sở và căn cứ tính toán như thế nào để có được các con số phân bổ cho từng mục đích sử dụng đất như phương án đưa ra, nên rất khó đánh giá các phương án phân bổ như thế có hợp lý hay không?. Đặc biệt, những phương án phân bổ có sự thay đổi mang tính đột biến so với kết quả thực hiện kỳ trước thì cần có lý giải thuyết phục. Chẳng hạn, vì sao đất quốc phòng tăng thêm 1.197 ha, gấp 1,45 lần hiện có; đất khu công nghiệp tăng thêm 3.444 ha, gấp 4,5 lần diện tích các khu công nghiệp hiện có; đất các cụm công nghiệp tăng thêm 2.740 ha, gấp 13,6 lần diện tích hiện có (ngay diện tích hiện có mới chỉ lấp đầy được 44%); đất TMDV tăng thêm 4.431 ha, gấp gần 40 lần diện tích hiện có; đất thể dục thể thao tăng thêm 2.419 ha, gấp 20 lần diện tích hiện có; đất nhà ở Nông Thôn cũng tăng thêm 5.819 ha, gấp 1,5 lần diện tích đất ở nông thôn hiện có. Rõ ràng những sự thay đổi như trên không có lý giải và chỉ ra cơ sở tính toán thì rất khó thuyết phục. Trong các căn cứ tính toán phương án phân bổ đất đai, cần phải viện dẫn các số liệu và phương án phân bổ đất đai cho các mục đích sử dụng từ phương án quy hoạch đất đai quốc gia đã được phê duyệt. Nên có phương án phân bổ đất đai kèm quy hoạch không gian phát triển các khu chức năng, đặc biệt là các khu vực dự định sẽ phát triển trong tương lai như các trung tâm dịch vụ, thương mại logistic; các trung tâm du lịch dịch vụ; các trung tâm công nghiệp chế biến nông sản ... Nên có phụ lục làm rõ chi tiết về phương pháp tính toán để ra các số liệu nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích sử dụng đưa vào	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉ tiêu sử dụng đất đã được tính toán phù hợp với Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên. Nội dung đã có trong báo biểu danh mục công trình, dự án, biểu chu chuyển của báo cáo chuyên đề phương án khoanh vùng và phân bổ đất đai.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	phương án quy hoạch. Trong phần phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên, nên tập trung phân tích kỹ hơn về phương án quy hoạch, lộ trình và kỹ thuật khai thác đi đôi với phát triển công nghiệp chế biến sâu các loại tài nguyên khoáng sản trên địa bàn như quặng sắt, vonfram ... theo quan điểm phát triển bền vững.		
	6.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất		
307	Các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đã được TTg phân bổ tại quyết định 326/QĐ-TTg đề nghị rà soát phương án quy hoạch tỉnh đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ đã phân bổ, đồng thời luận chứng rõ phương pháp tính các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.	NGUYỄN ĐỨC HÙNG (PGĐ, Trung tâm Điều tra quy hoạch đất đai)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 đã phù hợp với theo QĐ số 326/QĐ-TTg, ngày 9/3/2022, của Thủ Tướng Chính phủ (Phụ lục 11) Đã sửa tại mục 5.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng các loại đất phần V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành chính cấp huyện
308	Các chỉ tiêu sử dụng đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xác định trong báo cáo được căn cứ trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội (dự kiến tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2021-2030 khoảng 8,5-9,0%/năm trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó giai đoạn 2021-2025 phấn đấu đạt trên 9,0%/năm; tăng trưởng VA (giá trị gia tăng) ngành công nghiệp phấn đấu đạt cao hơn tăng	BỘ TÀI NGUYÊN	Cơ quan lập quy đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục V. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và các đơn vị hành

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trường giá trị sản xuất, tăng từ 9,0%/năm trở lên trong giai đoạn 10 năm 2021-2030; tỷ trọng VA ngành công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GRDP toàn tỉnh đạt khoảng 61% vào năm 2025 (riêng ngành công nghiệp đạt khoảng 54,5%) và đến năm 2030 đạt khoảng 60% (trong đó ngành công nghiệp đạt 55-57%). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cần xem xét đánh giá xu thế biến động sử dụng đất giai đoạn 2011-2020; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước, kết quả đánh giá tiềm năng đất đai, hiện trạng sử dụng đất theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đã được công bố ... để xác định chỉ tiêu cho phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phải đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021, phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022, trường hợp chưa phù hợp phải rà soát, điều chỉnh đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ; cụ thể một số chỉ tiêu sử dụng đất tăng hoặc giảm lớn trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030 như sau...		
	VII. CÁC PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU		
	7.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
309	Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa tại mục 7.1. Phương án bảo vệ môi trường,

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
310	Rà soát Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ TNMT xây dựng; các khu vực được xác định ở quy hoạch vùng đối với các khu vực ĐDSH cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, các hành lang ĐDSH, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn ĐDSH; vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải; khu tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung đã được xác định để bổ sung vào quy hoạch.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo tồn ĐDSH quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ được duyệt, Quy hoạch tỉnh sẽ tiếp tục cập nhật, bổ sung
311	Bổ sung cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thái Nguyên; rà soát Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và CQLQH đã được định hướng trong Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh sẽ tiếp tục cập nhật, bổ sung.
	7.1.2. Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia		
312	Báo cáo mới chỉ phân định các vùng lãnh thổ tích hợp, các hành lang phát triển và các cực tăng trưởng, đề nghị nghiên cứu, bổ sung: (i) Xác định cụ thể vị trí, diện tích khu vực hạn chế phát triển, khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh; (ii) Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện; (iii) Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã xác định cụ thể vị trí, diện tích khu vực hạn chế phát triển, khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt trên địa bàn tỉnh đã được thể hiện trong mục 7.1.2. Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7.1.6. Sắp xếp, phân bố không gian khu xử lý chất thải liên huyện		
313	- Bổ sung xác định các dự án phát triển khu xử lý chất thải rắn quan trọng cấp tỉnh cần ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch phân theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. - Bổ sung xác định nhu cầu vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư phát triển các khu xử lý chất thải rắn liên huyện trong thời kỳ quy hoạch, phân kỳ đầu tư giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	- Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, các dự án khu xử lý chất thải đã được thể hiện tại mục 7.1.6. Sắp xếp, phân bố không gian khu xử lý chất thải liên huyện - Việc bố trí vốn thuộc mục xây dựng nhu cầu vốn đầu tư
	7.1.7. Phương án phát triển nghĩa trang và nhà tang lễ liên huyện		
314	- Rà soát, cập nhật các khu nghĩa trang quốc gia, nghĩa trang cấp vùng đã được xác định trong Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Xây dựng lập và rà soát xác định các khu nghĩa trang nêu trên trong quy hoạch vùng TDMNPB. - Xác định vị trí, quy mô các cơ sở hỏa táng đã có và bổ sung dự án ưu tiên xây dựng trong giai đoạn quy hoạch trên địa bàn tỉnh (tên, phạm vi phục vụ chính, địa điểm, diện tích đất sử dụng).	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hoàn thiện nội dung quy hoạch rà soát và cập nhật nghĩa trang quốc gia và cấp vùng theo QH hệ thống đô thị và nông thôn đang được Bộ Xây dựng tiến hành lập. Các nội dung quy hoạch về cơ sở hỏa táng đã được Tỉnh thể hiện trong nội dung báo cáo phần về cơ sở hỏa táng, theo đó các cơ sở hỏa táng được kết hợp trong quy hoạch các nghĩa trang cấp huyện trở lên, chi tiết sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn quy hoạch huyện và dự án sau này.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7.2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.		
315	- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh. - Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp. - <i>Không quy hoạch các khu vực mỏ không đảm bảo hiệu quả kinh tế, có chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường.</i>	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: - Trong báo cáo đề xuất Phương án khoáng sản cấp CQLQH đã thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, góp ý của Bộ KHĐT, đặc biệt là 2 bản đồ Hiện trạng và Quy hoạch của Phương án khoáng sản cấp tỉnh. - Việc quy hoạch các khu vực mỏ đảm bảo không chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng đến dân cư và có tác động xấu đến môi trường.
316	Nội dung này trình bày tương đối đầy đủ, cần rà soát, bổ sung xác định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản và khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được xác định trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng phóng xạ thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Công Thương xây dựng; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Xây dựng lập; rà soát trong quy hoạch vùng TDMNPB.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại “7.2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh”.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	7.2.5. Phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cấp tỉnh		
317	Về phương án phát triển thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản (trang 630): Đề nghị rà soát, hạn chế không đưa vào quy hoạch những điểm khai thác khoáng sản có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sạt lở bờ sông, đe dọa và ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Các khu vực khoáng sản đưa vào quy hoạch đều đã đảm bảo không vi phạm vào khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định, trong đó có yếu tố liên quan đến bảo vệ bờ sông (để sạt lở), hành lang bảo vệ đề điều, công trình thủy lợi khác.
	7.3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.		
318	Bổ sung thêm nội dung xác định các khu vực cấm, hạn chế khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục “7.3.2. Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước”.
319	Bổ sung danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030, nguồn vốn đầu tư.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng,	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong BCTH tại Bảng “2.6.107. Bảng tổng hợp chi phí đầu tư và thứ tự ưu tiên

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		viện Điều tra quy hoạch rừng)	xây dựng dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước trong thời kỳ quy hoạch”.
	7.4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.		
320	Nội dung này được trình bày tương đối cụ thể, cần rà soát, cập nhật các công trình, dự án phát triển trạm khí tượng thủy văn; các công trình dự án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đã được xác định trong Quy hoạch mạng lưới trạm thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ TN&MT xây dựng; Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ NN&PTNT xây dựng; xác định các công trình trên ở quy hoạch vùng TDMNPB.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và bổ sung trong mục 7.4.3. Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Mục các công trình dự án đã được xác định trong Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ NN&PTNT xây dựng gồm Xây dựng các hồ chứa trên 10 triệu m ³ : Hồ Thượng Tiến (Hòa Bình, 12 triệu m ³), Hồ Phương Lức (Lai Châu, 14 triệu m ³), Nghinh Tường (Thái Nguyên, 48 triệu m ³). Đã được trình bày trong mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
321	Xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh cần ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch để phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ quy hoạch, phân theo từng giai đoạn 2021-2025 và 2026 -2030; xác định nguồn vốn đầu tư.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, phần này được nêu chi tiết trong Phụ lục, báo cáo Xây dựng, Cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 cho tỉnh Thái Nguyên.
	<i>7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>		
	<i>Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê</i>		
322	- Trong Phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đê mới chỉ có nội dung tiêu chuẩn phòng, chống lũ, xác định lũ thiết kế của các tuyến sông có đê trên địa bàn. Đề nghị bổ sung, tích hợp chi tiết, sắp xếp phù hợp các nội dung đã xác định tại Quy hoạch phòng chống lũ 3034/QĐ-UBND, trong đó cần quan tâm một số nội dung chính sau: + Bổ sung đầy đủ nội dung về Giải pháp phòng chống lũ trong Quy hoạch phòng chống lũ 3034/QĐ-UBND; lưu ý đối với nội dung quản lý sử dụng bãi sông: + Xác định cụ thể không gian thoát lũ, chứa lũ, chi tiết bề rộng không gian thoát lũ, chứa lũ tối thiểu. + Bổ sung danh mục, vị trí cụ thể 14 khu dân cư tập trung hiện có được tồn tại.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và đã bổ sung theo góp ý tại tiểu mục 7.4.4.1. <i>Phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đê của mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
323	Ngày 05/01/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên có văn bản số 05/UBND-CNN&XD đề xuất xây dựng tuyến đường dọc bờ tả sông Công, đập tràn dâng nước trên sông Công và điều chỉnh chức năng sử dụng đất một số khu vực thuộc bãi sông Công trong Quy hoạch chung thị xã Phổ Yên. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có ý kiến tại văn bản số 720/BNV-PCTT ngày 27/01/2022. Tuy nhiên, trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh chưa đề cập đầy đủ những nội dung trên (chỉ đề xuất xây dựng công trình đập tràn trên sông Công mà không có nội dung và tính toán cụ thể là chưa phù hợp và đề nghị đưa ra khỏi Quy hoạch tỉnh). Đề nghị rà soát, làm rõ, thực hiện theo những nội dung Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nêu tại văn bản số 720/BNV-PCTT.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung tại điểm d. Thuộc tiểu mục 7.4.4.1. Phương án phòng chống lũ của tuyến sông có đề của mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh
	<i>Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai</i>		
324	Đề nghị rà soát, bổ sung, tích hợp chi tiết các nội dung đã xác định tại Quy hoạch đê điều trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 3748/QĐ-BNV-PCTT ngày 19/9/2017, bao gồm: - Bổ sung các nội dung: xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng trên tuyến đê; xác định diện tích đất dành cho xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều. - Bổ sung xác định khoảng cách giữa hai tuyến đê theo chiều rộng không gian thoát lũ, chứa lũ trong Phương án phòng, chống lũ các tuyến sông có đề (hiện đang dẫn chiếu đến Quy hoạch phòng, chống lũ chi tiết các tuyến sông có đề trên địa bàn tỉnh, sẽ hết hiệu lực sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt). - Bổ sung xác định các giải pháp thực hiện; dự kiến những hạng mục ưu tiên thực hiện; nguồn lực thực hiện.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung tại mục 7.4.4.2 Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai của mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
325	Tích hợp chi tiết tọa độ vị trí cụ thể của các tuyến đê xây dựng mới.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Bổ sung phụ lục kèm theo báo cáo tổng hợp QHT
326	Bổ sung mục riêng về Phương án kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai trong mục Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng chống thiên tai.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung tại mục 7.4.4.2 <i>Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai của mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>
327	Bổ sung nội dung kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai theo từng loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh (lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt, hạn hán...); phương án bố trí quỹ đất nhằm sắp xếp, di dời dân cư sinh sống tại những nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ suối.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung tại mục 7.4.4.2 <i>Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai của mục 7.4.4. Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>
328	Rà soát lại các giải pháp, danh mục công trình, dự án, kết cấu hạ tầng theo tính chất, đặc điểm, quy định của từng lĩnh vực thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai để đưa vào trong nội dung Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước và Phương án phòng,	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung tại mục 7.4.4.2 <i>Phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai của mục 7.4.4. Xây</i>

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo phù hợp quy định của từng lĩnh vực.		<i>dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đề, phương án phát triển hệ thống đề điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh</i>
	VIII. XỬ LÝ, TÍCH HỢP NỘI DUNG BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC TRONG QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN		
	PHẦN THỨ III: THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH THÁI NGUYÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050		
	I. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN		
329	Xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh: Báo cáo đã nêu xây dựng được quy trình lựa chọn, tiêu chí xác định dự án ưu tiên, tuy nhiên tiêu chí còn chung chung. Việc xây dựng hệ thống tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch, xác định trọng số đối với từng tiêu chí và thang đo mức độ ưu tiên là rất quan trọng nhằm đầu tư đúng trọng tâm, phù hợp với nhu cầu của tỉnh. Các tiêu chí nên được xem xét: (i) Kết nối đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng vùng; (ii) Tính khả thi cao, dễ đạt được sự đồng thuận của cộng đồng; (iii) Tính đa mục tiêu của dự án; (iv) Có tác động lan tỏa lớn đến phát triển kinh tế của tỉnh; (v) Đảm bảo yêu cầu về môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; (vi) Phù hợp với các mục tiêu ưu tiên về phát triển và an sinh xã hội của tỉnh....	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: 6 tiêu chí như phản biện nêu, được tiếp thu và bổ sung vào các tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên đầu tư
330	Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án: - Bổ sung dự án ưu tiên đầu tư trên cơ sở rà soát các nội dung đề xuất; xác định dự án khả thi và chưa khả thi trong thời kỳ	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng,	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, xây dựng danh mục các dự án quan trọng sử dụng vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên thực hiện

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	quy hoạch. Xếp hạng thứ tự ưu tiên trên cơ sở tính điểm theo thang đo mức độ ưu tiên đối với từng tiêu chí và tổng hợp theo bảng ma trận các dự án ưu tiên. - Báo cáo đề xuất số lượng dự án nhiều, như các dự án thể dục thể thao có 18 dự án...Do vậy cần có luận chứng xây dựng danh mục các dự án quan trọng sử dụng vốn đầu tư công và thứ tự ưu tiên thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá tổng hợp theo bảng ma trận dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh. - Một số ngành chưa có đề xuất dự án và nguồn vốn thực hiện cần bổ sung để đưa vào rà soát ưu tiên; bổ sung dự tính vốn đầu tư cho các dự án ưu tiên lựa chọn.	viện Điều tra quy hoạch rừng)	trên cơ sở Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan.
331	Báo cáo đã đưa ra các tiêu chí để xem xét lựa chọn được dự án đầu tư đủ điều kiện chấp thuận đầu tư. Đây không phải là tiêu chí để đánh giá mức độ ưu tiên giữa các dự án đầu tư xem dự án nào cần được đầu tư trước, dự án nào để đầu tư sau, nên báo cáo chưa phân biệt được dự án nào là ưu tiên và mức độ ưu tiên để xếp thứ tự. Phần xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ đầu tư, báo cáo mới chỉ đưa ra định hướng chung chứ chưa nêu được các tiêu chí xếp thứ tự ưu tiên. Do vậy, phải bổ sung thêm tiêu chí xác định mức độ ưu tiên (ví dụ như cho điểm...) để từ đó tính ra mức độ ưu tiên của từng dự án và xếp thứ tự dự án ưu tiên. Các dự án đưa vào danh mục ưu tiên đã được chỉ dẫn ngay trong từng nội dung quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực nên khá đầy đủ và toàn diện. Tuy nhiên, cần bổ sung thông tin về dự kiến vốn đầu tư và phương án huy động vốn.	GS.TS. HOÀNG VĂN CƯỜNG (Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện”
332	- Do đa số các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng chưa được phê duyệt, đề nghị thiết lập Bảng riêng về các dự án đầu tư	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu:

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trên địa bàn tỉnh đề xuất trong quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng thời kỳ quy hoạch 2021 - 2030. - Báo cáo đã xây dựng quy trình lựa chọn dự án như: (i) Dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước (đầu tư công) “Bước 1: Dự án phải phù hợp với ... quy hoạch phát triển quốc gia, ... quy hoạch phát triển ngành ... phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn ...” (trang 710); (ii) Dự án thu hút đầu tư “Phù hợp ... với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn” (trang 711). Đề nghị Báo cáo nghiên cứu, bổ sung trong quy trình lựa chọn dự án: “Phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên” sau khi Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. - Phân tích, sắp xếp các dự án thành các Bảng riêng rẽ: Bảng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, Bảng các dự án thu hút đầu tư. Sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên thực hiện, phân kỳ đầu tư thực hiện các dự án theo giai đoạn 2021 - 2025, 2026 - 2030.		- Báo cáo đã lập bảng sắp xếp các dự án thành các bảng tại mục “1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án” và mục “1.4. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án” - Về Báo cáo đã xây dựng quy trình lựa chọn dự án đã tiếp thu, bổ sung
333	Về danh mục dự án thứ tự ưu tiên thực hiện: Đề nghị ghép các dự án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội vào Danh mục dự án chung của quy hoạch tại phần thứ III.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án” và mục “1.4. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án”
334	Phát triển nguồn nhân lực là động lực cơ bản quyết định sự phát triển KT-XH trên địa bàn quy hoạch. Tuy nhiên, trong các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư của tỉnh không có dự án nào cho giáo dục và đào tạo. Qua các dự án đề xuất cho thấy tỉnh chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung và dành ưu tiên hơn đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trong quy hoạch tỉnh để đảm bảo	BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án” và mục “1.4. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển.		
335	Tại Điểm 1.4.2, Khoản I, Mục 1, Phần thứ II, “Yếu tố dân tộc, cộng đồng dân cư và lối sống” (tr34) đã đánh giá, phân tích theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và tại Điểm 2.4.3.3, Khoản II, Mục 6, Phần thứ II, “Xác định khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn” (tr374) đã xác định những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Tuy nhiên tại Danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh đề nghị cần xác định rõ tổng vốn đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch thực hiện, giải pháp, cơ chế huy động vốn.	ỦY BAN DÂN TỘC	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án” và mục “1.4. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án”
336	Đề nghị rà soát, nghiên cứu xây dựng lộ trình đầu tư hợp lý các công trình, đặc biệt là các công trình giao thông bảo đảm phát huy hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn lực; làm cơ sở để triển khai đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật khác đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với định hướng chung của Tỉnh.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu chỉnh sửa nghiên cứu lộ trình đầu tư hợp lý các công trình giao thông bảo đảm phát huy hiệu quả và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.
	1.1. Các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư		
	1.1.1. Cơ sở pháp lý		
	1.1.3. Dự án thu hút đầu tư		
337	Về tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư (trang 711): đối với tiêu chí công nghệ và môi trường, đề nghị chỉnh sửa “ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, ít tác động xấu đến môi trường	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “1.1.3.2. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư”

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	và phù hợp định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên. theo quy định của pháp luật”.		
338	Đề nghị xem xét lại mục 1.2 (trang 712) và 1.4 (trang 725) đều có tên là Nhu cầu vốn đầu tư khả năng cân đối. Tiểu mục a của cả 2 mục hoàn toàn như nhau nhưng tiểu mục b và c của 2 mục này khác nhau và không rõ trên cơ sở nào?	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu tại mục “1.2. Nhu cầu vốn đầu tư khả năng cân đối”
	1.2. Nhu cầu vốn đầu tư khả năng cân đối		
	1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án		
	II. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH		
339	Cần bổ sung bảng chi tiết về nhu cầu vốn đầu tư theo các ngành trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030, nhu cầu vốn cho đầu tư theo phương án chọn được đưa ra để đảm bảo phát triển. Các giải pháp, thực hiện quy hoạch được đề xuất tương đối đầy đủ.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “1.3. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước và phân kỳ thực hiện dự án” và mục “1.4. Danh mục dự án thu hút đầu tư và phân kỳ thực hiện dự án”
340	Báo cáo đã xây dựng giải pháp để thực hiện quy hoạch là “xây dựng danh mục dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ... để thu hút đầu tư” nhưng nội dung Báo cáo trong thời kỳ quy hoạch chưa phân tích, định hướng được nhiều danh mục dự án cụ thể để thực hiện.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Trong báo cáo đã thể hiện những nội dung này tại mục “I. Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện”
341	Đề nghị trong 2.3. Giải pháp về môi trường, KHCN bổ sung thêm giải pháp về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại mục “2.3.3. Giải

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	pháp về năng lượng tiết kiệm và hiệu quả”
342	BÁO CÁO ĐCM		Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.
	NỘI DUNG KHÁC		
343	Trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Tại Điều 3, đề nghị bổ sung nhiệm vụ của ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc (i) chủ động phối hợp, cập nhật thông tin của các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng và (ii) phối hợp với các bộ trong quá trình rà soát, chỉnh sửa quy hoạch tỉnh.	BỘ NGOẠI GIAO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung tại điều 3 của dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh
344	Trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Tại Điều 4, theo pháp luật về quy hoạch, quy hoạch tỉnh phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng, do đó đề nghị bổ nội dung giao các bộ, ngành liên quan “tích hợp các nội dung liên quan trong Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng”.	BỘ NGOẠI GIAO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, chỉnh sửa
345	Trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Ngoài ra, đề nghị hoàn thiện cấu trúc, nội dung dự thảo Quyết định theo mẫu kèm theo công văn số 4220/BKHĐT-QLQH ngày 01/7/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn soạn thảo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định theo hướng chỉ trình bày những nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo ngắn gọn, súc tích.	BỘ NGOẠI GIAO	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và dự thảo Quyết định

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
346	Công tác an ninh - quốc phòng, bổ sung: - Hiện trạng công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại. - Nội dung đánh giá về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020. Đặc biệt, đánh giá việc thực hiện Quyết định số 2412/QĐ-TTg ngày 19/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cả nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu tại mục “1.4.4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại”.
347	Đề nghị rà soát và bổ sung nội dung “Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn tỉnh” theo quy định tại Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP vào mục VII của Báo cáo quy hoạch.	BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.
348	Đối với các kết cấu hạ tầng xã hội này đề nghị nêu rõ về định hướng phát triển gắn với chủ trương sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa; phương án phát triển số lượng cơ sở thuộc mỗi loại hình, quy mô thiết kế (<i>quy mô đào tạo đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với trung tâm dịch vụ việc làm; quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng người có công đối với cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng và quy mô nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần trợ giúp xã hội đối với cơ sở trợ giúp xã hội...</i>), định hướng về không gian phát triển; nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở công lập và định hướng phát triển đối với các cơ sở ngoài công lập trong thời kỳ quy hoạch.	BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã có trong báo cáo chuyên đề của ngành.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
349	Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc thành lập Thành phố Phố Yên (có hiệu lực từ ngày 10/4/2022). Đề nghị nghiên cứu, bổ sung trích dẫn để thay thế cụm từ thị xã Phố Yên trong các phương án quy hoạch.	BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	Cơ quan lập quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa.
350	Đề nghị bổ sung nội dung dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể là cơ sở cho việc hoạch định quy mô quy hoạch, xác định thời điểm cần thiết đầu tư và đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên đầu tư.	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, hoàn thiện phương án phát triển giao thông vận tải.
351	Theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP cũng như Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 về một số nội dung, phần mục... Báo cáo có một số nội dung, phần mục tiêu đề chưa đầy đủ và chưa phù hợp với trật tự đã quy định, như mục II. Bối cảnh quy hoạch (trang 36); mục 2 (trang 43), mục I (trang 303)... Đề nghị rà soát, xem xét lại tiêu đề từng nội dung, sắp xếp, bố cục các phần mục Báo cáo theo quy định về của pháp luật về quy hoạch và hướng dẫn tại văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh.	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.
352	Rà soát lại toàn bộ báo cáo, một số bảng biểu, số liệu trong báo cáo không rõ nguồn gốc, đề nghị rà soát, bổ sung trích dẫn nguồn cung cấp và tài liệu tham khảo; rà soát lỗi chế bản, sắp xếp các hạng mục, lược bỏ một số nội dung còn dài dòng; một số bảng dài, nên đưa vào phụ lục như Bảng 2.2.35, 2.2.37...	NGUYỄN HUY DŨNG (Nguyên Phó Viện trưởng, viện Điều tra quy hoạch rừng)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện nội dung này.
	BẢN ĐỒ, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH		

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
353	Đề nghị rà soát, đối chiếu Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng tại nội dung Báo cáo tổng hợp với bản đồ quy hoạch QH4.1 (bao gồm nội dung thể hiện trên bản đồ, các bảng biểu kèm theo) để đảm bảo thống nhất.	BỘ XÂY DỰNG	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong phần bản đồ.
354	Quy hoạch được lập theo phương pháp tích hợp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xem xét, rà soát lại nội dung quy hoạch của từng ngành, lĩnh vực đã thể hiện trên bản đồ của hồ sơ quy hoạch. Bổ sung (trong trường hợp bản đồ chưa đáp ứng) về hiện trạng và phương án quy hoạch, tỷ lệ của từng bản đồ nhằm đảm bảo thể hiện được đầy đủ nội dung quy hoạch của từng ngành, lĩnh vực trên bản đồ.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong phần bản đồ.
355	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn tại văn bản số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong phần bản đồ.
356	Về bản vẽ, đề nghị nghiên cứu tăng tỷ lệ bản đồ của phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải để phục vụ cho công tác quản lý, thực hiện phương án phát triển giao thông trên địa bàn tỉnh và thuận lợi cho công tác tích hợp với các quy hoạch sử dụng đất, các phương án phát triển kết cấu hạ tầng khác: điện, nước, viễn thông,...	BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	Tỷ lệ bản đồ sẽ được thực hiện theo đúng nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt
357	+ Các bản đồ không thể hiện rõ tỉ lệ bản đồ, đề nghị bổ sung tỉ lệ bản đồ và đầy đủ các loại bản đồ được quy định tại Phụ Lục I, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019. + Đối với bản đồ giao thông: thể hiện đúng nét, màu sắc đối với tuyến cao tốc vành đai V (CT.39), nghiên cứu điều chỉnh nét, màu sắc giữa quốc lộ, đường tỉnh để thuận lợi trong tra cứu.	TS. LÊ ĐỖ MUỖI (Viện trưởng, Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong phần bản đồ.

STT	NỘI DUNG THAM GIA Ý KIẾN THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN, CHUYÊN GIA THAM GIA	TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
358	Đề nghị trong bảng ghi chú của bản đồ QH2.3 Hiện trạng mạng lưới giai thông sửa lại chiều dài cao tốc là 61,2 km chứ không phải 520,48 km.	PHẠM VĂN LIÊM (Nguyên Phó Viện trưởng, Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp)	Cơ quan lập Quy hoạch đã tiếp thu và chỉnh sửa trong phần bản đồ.